HẢI DƯƠNG

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH HẢI DƯƠNG ★ TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Vững bước tiến vào kỷ nguyên mới

Ngày 30/4/1975, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh của quân và dân ta đã giành thắng lợi hoàn toàn, kết thúc vẻ vang sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước, mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đại thắng mùa xuân 1975 là bản hùng ca bất diệt được viết nên bằng sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, bằng trí tuệ, chiến lược và chiến thuật độc đáo dưới sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng ta, của Bác Hồ và tư tưởng của Người. Đặc biệt là khát vọng hòa bình, thống nhất non sông, ý chí sắt đá, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội của muôn triệu trái tim người Việt Nam.

50 năm sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất, đất nước ta lại chuẩn bị hành trang bước vào một kỷ nguyên mới, "kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu" bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ XIV.

Hai mục tiêu vĩ đại Đảng ta đã xác định là đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, nước ta trở thành một nước phát triển công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước, trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển có thu nhập cao.

Trước yêu cầu khách quan, tất yếu của lịch sử; trong bối cảnh vận hội và thách thức đan xen, những bài học quý báu của Đại thắng mùa xuân 1975 vẫn vẹn nguyên giá trị để hiện thực hoá những mục tiêu của Đảng ta.

Đó là phải khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sức mạnh của "ý Đảng, lòng dân". Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng. Cải cách hành chính mạnh mẽ, toàn diện. Đặc biệt, trong cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy đòi hỏi có sự thống nhất cao, hành động quyết liệt, quyết tâm chính trị lớn vì lợi ích chung.

Thực hiện thật tốt các chủ trương lớn của Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân, chuyển đổi số...

Trong những ngày tháng 4 lịch sử này, Hải Dương đang cùng cả nước ra sức thực hiện thành công 3 nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Đó là thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; chuẩn bị thật tốt Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ XIV của Đảng và tăng trưởng kinh tế cao theo kịch bản Chính phủ giao, phấn đấu góp phần tích cực thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8%.

Với sự thống nhất trong toàn hệ thống chính trị và đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, Hải Dương đã hoàn thành nhiều nội dung quan trọng sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Tỉnh đang khẩn trương hoàn thiện các bước để sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, hợp nhất tỉnh Hải Dương và TP Hải Phòng bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, dân tộc ta luôn vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ đạt được những kỳ tích vĩ đại để xây dựng cơ đồ đất nước, mang lại hạnh phúc cho người dân.

Tinh thần bất diệt và những bài học quý báu của Đại thắng mùa xuân 1975 mãi là niềm tự hào dân tộc, tiếp thêm ý chí, sức mạnh, động lực để Hải Dương cùng cả nước tự tin, vững vàng bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc.

HẢI DƯƠNG

4 Bản hùng ca bất diệt

Những người Hải Dương vào Dinh Độc Lập đúng ngày 30/4



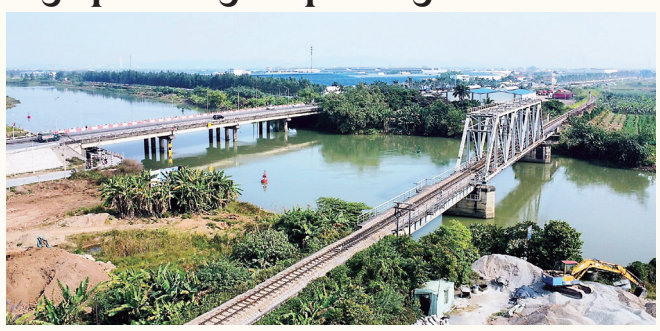
6

7 Ký ức ngày giải phóng

9 Về những người Mỹ "may mắn" ở Sơn Mỹ

11 Ký ức chiến tranh qua một bộ ảnh

Bảo đảm giao thông thông suốt, góp sức giải phóng miền Nam



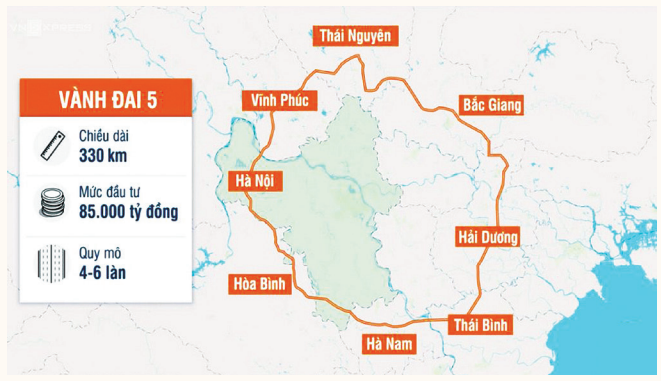
13

15 Dạy học trước và sau ngày giải phóng

Tập kết ra Bắc, rồi gắn bó với Hải Dương 17

ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5 VÙNG THỦ ĐÔ

Mở rộng không gian phát triển



19

Những "bữa ăn đặc biệt" của công nhân 21

Từ thiếu úy Việt Nam Cộng hòa trở thành nhà báo cách mạng 22

Tôi phải trở về Lai Vu *(Truyện ngắn)*



24

Thành phố mang tên Bác sau 50 năm giải phóng 28

Với sự tham gia của: TRẦN MAI HƯỞNG, NGUYỄN THỊ LY, NGUYỄN ĐỨC MẬU, LÊ ANH PHONG, NGUYỄN HOA, HÀ CỪ, THANH XUÂN, NGÔ TRỌNG NGHĨA, NGUYỄN LAN ANH, MINH HẠNH, HOÀNG BIÊN, TIẾN HUY, NGÂN HẠNH, NGUYỄN NGỌC SAN, TÔ HOÀN, PHẠM MINH GIANG, TIẾN MẠNH, THÀNH CHUNG, THẾ ANH, HÀ KIÊN, MINH NGUYỆT, LAN NGUYỄN, HÀ NGA, QUYẾT NGA, LINH LINH, HỒNG NHUNG, NAM CHÍNH, LÂM OANH...

Ảnh bìa: **Khối nữ sĩ quan gìn giữ hòa bình hợp luyện diễu binh, diễu hành chuẩn bị Lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước Ảnh: HOÀNG QUÂN**



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Đoàn Cao xạ Tam Đảo, ngày 25/9/1966

Cội nguồn chiến thắng

Ngày 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là kết quả của sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam và tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hiện thân của khát vọng độc lập, tự do muôn đời của dân tộc Việt Nam.

HẢI MINH (tổng hợp)

NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện, thống nhất, đúng đắn và linh hoạt. Đặc biệt, trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Đảng đã phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân để giành thắng lợi trọn vẹn. Với sự chỉ đạo sát sao của Bộ Chính trị, những quyết định chiến lược được đưa ra kịp thời, phù hợp với diễn biến thực tế, tạo điều kiện cho quân dân ta thừa thắng xông lên.

Ngay từ tháng 1/1975, sau chiến thắng Phước Long, Bộ Chính trị đã nhận định: "Nếu thời cơ đến vào đầu năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975, không chờ đến 1976". Quyết tâm chiến lược đó được cụ thể hóa bằng chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, rồi tiến đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Đảng ta đã tạo ra và phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân, chiến tranh cách mạng. Trong từng trận đánh, từng bước tiến công, luôn có sự kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự, nổi dậy của quần chúng và binh vận. Chính cách đánh tổng hợp này đã làm tan rã hệ thống phòng thủ của địch, giảm thiểu tổn thất, bảo đảm giữ vững các thành phố lớn khi giành chính quyền.

Thành công của Đảng còn thể hiện ở chỗ đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, của hậu phương lớn miền Bắc và tiền tuyến lớn miền Nam, từ đó tạo nên thế trận vững chắc, sâu rộng và toàn diện. Bên cạnh đó, sự đoàn kết quốc tế, sự ủng hộ chính nghĩa của nhân dân tiến bộ trên thế giới cũng là yếu tố được Đảng ta vận dụng linh hoạt, hiệu quả.

Không chỉ là người tổ chức và lãnh đạo trực tiếp cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng Cộng sản Việt Nam còn là người đề ra chiến lược, sách lược đúng đắn, kiên định mục tiêu giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Từ việc chỉ đạo chiến lược, tổ chức lực lượng, phân bổ nguồn lực đến việc xây dựng thế trận lòng dân, tất cả đều thể hiện tầm vóc và bản lĩnh của một Đảng cách mạng chân chính.

Bài học từ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ở Đại thắng mùa xuân 1975 đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Đó là nghệ thuật nắm bắt thời cơ, tinh thần dám đánh, quyết thắng và sự thống nhất cao độ giữa ý Đảng và lòng dân. Đây cũng chính là bài học quý giá trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

BÁC DẶN CHÚNG CON ĐI

Ngay từ khi cuộc kháng chiến chống Mỹ còn đang trong giai đoạn cam go, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện tầm nhìn chiến lược của một lãnh tụ thiên tài. Trong bài phát biểu năm 1960 nhân dịp 15 năm Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người khẳng định: "Toàn dân ta đoàn kết nhất trí, bền bỉ đấu tranh thì Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc - Nam nhất định sẽ sum họp một nhà".

Năm 1966, khi cuộc chiến đang diễn ra ác liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra lời kêu gọi: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do!". Đây không chỉ là lời kêu gọi mà còn là lời tiên đoán chiến lược về quy luật vận động của lịch sử dân tộc.

Đặc biệt, lời chúc Tết năm 1969 của Bác, cũng là lời chúc cuối cùng trước khi Người đi xa vẫn luôn được nhắc lại với xúc cảm sâu lắng: "Năm qua thắng lợi vẻ vang. Năm nay, tiền tuyến chắc thắng, hậu phương chắc chắn. Cả nước một lòng, đánh giặc Mỹ xâm lược. Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!". Lời tiên đoán giản dị mà thấm đẫm niềm tin ấy đã trở thành hiện thực chỉ 6 năm sau ngày Bác đi xa.

> Vai trò lãnh đạo của Đảng vẫn là yếu tố quyết định mọi thắng lợi. Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn là kim chỉ nam trong hành trình dựng nước và giữ nước.

Chiến thắng 30/4 khẳng định những điều Bác nói không chỉ là động viên, hiệu triệu mà là chỉ dẫn cách mạng đúng đắn, là kim chỉ nam cho hành động. Tư tưởng Hồ Chí Minh là ánh sáng soi đường cho dân tộc trong suốt chiều dài đấu tranh và xây dựng đất nước.

Đại thắng mùa xuân 1975, như chính Tổng Bí thư Lê Duẩn từng khẳng định, là chiến thắng của tư tưởng Hồ Chí Minh, của đường lối cách mạng đúng đắn, độc lập, tự chủ do Đảng ta lãnh đạo. Đó là sự kết tinh giữa nghệ thuật quân sự Việt Nam, bản lĩnh chính trị kiên cường và lòng yêu nước vô bờ bến của toàn thể nhân dân.

Chiến thắng ấy là chiến thắng của khát vọng hòa bình, của niềm tin vào chính nghĩa, của một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục trước bất công và áp bức.

Ngày nay, những bài học từ chiến thắng 30/4 tiếp tục soi sáng công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vai trò lãnh đạo của Đảng vẫn là yếu tố quyết định mọi thắng lợi. Tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn là kim chỉ nam trong hành trình dựng nước và giữ nước. Tinh thần ngày 30/4, tinh thần của độc lập, tự do, thống nhất non sông vẫn luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hành trình phát triển đất nước.

Từ chiến thắng 30/4, nước Việt Nam thống nhất bước vào kỷ nguyên mới hòa bình, độc lập, tự do và phát triển bền vững. Những lời Bác dặn vẫn vang vọng trong tim mỗi người con đất Việt: "Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn".

Đó không chỉ là khát vọng, mà là sự nghiệp đang được viết tiếp bằng trí tuệ, bản lĩnh, niềm tin, khát vọng, sự đổi mới không ngừng của cả dân tộc hôm nay, một dân tộc từng chiến thắng những thế lực xâm lược mạnh nhất. Chặng đường phía trước còn nhiều gian khó, nhưng cũng rực rỡ kỳ vọng, bởi bên ta luôn có ánh sáng từ quá khứ hào hùng soi rọi, tiếp thêm niềm tin vững bền cho hiện tại và tương lai.



Xe tăng của Quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975 *(ảnh tư liệu)*

Bản hùng ca bất diệt

Cùng với thời gian, thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 ngày càng được khẳng định, là bản anh hùng ca bất diệt về ý chí quyết chiến, quyết thắng, khí phách kiên cường và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Thiếu tá, Ths NGUYỄN THỊ LY(*)

THẦN TỐC, TÁO BẠO, BẤT NGỜ, QUYẾT THẮNG

Cuối năm 1974, khi cục diện chiến trường có nhiều thay đổi theo hướng có lợi cho ta, Bộ Chính trị đã nhanh chóng thông qua quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, đồng thời nhấn mạnh: "Nếu thời cơ đến, lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975". Có thể nói, đây là một quyết định lịch sử của Đảng ta, vừa cho thấy ý chí quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Sau những đòn tấn công thăm dò khả năng phản ứng của phía địch trong Chiến dịch đường 14 - Phước Long cuối năm 1974, đầu năm 1975, tháng 3/1975, khi thời cơ chiến lược đã đến, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả dân tộc "tiến quân" trong mùa xuân lịch sử. Mở đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên với trận đột phá then chốt Buôn Ma Thuột điểm đúng huyệt của kẻ thù, giành lại địa bàn chiến lược.

Thời cơ lịch sử đã đến, Đảng ta quyết định dốc toàn lực cho trận đánh cuối cùng để thống nhất đất nước. Bằng liên tiếp các chiến thắng của Chiến dịch Tây Nguyên, Trị Thiên - Huế và Đà Nẵng, cục diện chiến tranh có bước phát triển nhảy vọt, có lợi cho ta. Với thế trận vững, lực lượng mạnh, gồm các binh đoàn chủ lực, các binh chủng và lực lượng vũ trang địa phương đông đảo, rộng khắp, cùng lực lượng chính trị hùng hậu của quần chúng nhân dân, trong khí thế sục sôi quyết thắng của đồng bào và chiến sĩ cả nước, chúng ta bước vào chiến dịch cuối cùng, có ý nghĩa quyết định thống nhất đất nước: Chiến dịch Hồ Chí Minh (trước đó có tên là Chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định). Đúng 17 giờ ngày 26/4/1975, quân ta được lệnh nổ súng mở màn chiến dịch. 5 cánh quân từ các hướng vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài tiến vào Sài Gòn. Rạng sáng 29/4/1975, tất cả các cánh quân đồng loạt tổng công kích vào trung tâm thành phố, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch. Đúng 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ giải phóng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi. Cho đến ngày 2/5/1975, những địa phương cuối cùng của miền Nam được giải phóng. Như vậy, chỉ trong 55 ngày đêm với tốc độ thần kỳ "một ngày bằng 20 năm", quân và dân ta đã đập tan bộ máy chính quyền Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

VIẾT TIẾP BẢN HÙNG CA TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh đã đập tan chính quyền Việt Nam cộng hòa và đánh bại chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Kết thúc chặng đường 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ thành quả của Cách mạng Tháng Tám 1945, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc, kỷ nguyên đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây thực sự là bản anh hùng ca bất diệt của chiến tranh nhân dân trong thời đại Hồ Chí Minh, đánh dấu bước chuyển mình vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong dòng chảy của lịch sử thế giới.

Lịch sử là một dòng chảy không ngừng. Tiếp nối bản hùng ca bất diệt, 50 năm sau thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, dưới sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, một đất nước Việt Nam kiên định mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ gắn liền chủ nghĩa xã hội đang vững bước trong thời kỳ mới với những thành tựu to lớn đáng tự hào.

Trải qua gần 40 năm đổi mới, với vô vàn thách thức, Việt Nam đã vươn dậy mạnh mẽ gặt hái nhiều thành tựu to lớn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Kinh tế tăng trưởng và ổn định; quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 đạt 476,3 tỷ USD. Việt Nam đang là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới, nằm trong nhóm 40 nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới và 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế... đều có sự phát triển vượt bậc; đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Chúng ta đã vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình với GDP bình quân đầu người năm 2024 là 4.700 USD, hoàn thành về đích sớm các mục tiêu thiên niên kỷ. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng, hội nhập quốc tế ngày càng hiệu quả.

> Những đổi thay kỳ diệu của đất nước từ ngày thống nhất đến nay đã viết tiếp trang sử vẻ vang của dân tộc với hào khí và tinh thần của bản anh hùng ca mùa xuân đại thắng.

Cho đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 193 nước là thành viên Liên hợp quốc; xây dựng các mối quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện với tất cả các cường quốc trên thế giới và khu vực. Vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định và nâng cao. Với những thành tựu đó, Việt Nam được truyền thông quốc tế ca ngợi bằng nhiều mỹ từ như: "mảnh đất tiềm năng" (Forbes), "bình minh đang lên" (báo Nga) hay "con hổ châu Á" (Nikkei Asia)...

Những đổi thay kỳ diệu của đất nước từ ngày thống nhất đến nay đã viết tiếp trang sử vẻ vang của dân tộc với hào khí và tinh thần của bản anh hùng ca mùa xuân đại thắng. Đây là nền tảng và điều kiện quan trọng để Việt Nam hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược, bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong bối cảnh hiện nay, khi toàn dân tộc chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới với thời cơ và những thách thức mới, âm vang của bản anh hùng ca mùa xuân đại thắng cần tiếp tục được khơi dậy và vang lên mạnh mẽ. Giống như 50 năm trước, đất nước Việt Nam, cách mạng Việt Nam không có lựa chọn nào khác, không có chỗ tạm dừng hay lùi bước mà chỉ có lựa chọn duy nhất là cả quyết xông lên, vượt qua những thách thức của lịch sử, phát huy cao độ ý chí và khát vọng của dân tộc để chiếm lấy những lợi thế, vượt qua trở ngại để tiến bước. Đây cũng là điều Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhiều lần nhấn mạnh: Chúng ta đã có đủ điều kiện cần thiết và chúng ta cũng không thể chậm trễ, phải làm ngay những việc cần làm với tinh thần "vừa chạy vừa xếp hàng", trước hết là triệt để chống tham nhũng, lãng phí và tiến hành nhanh chóng, đồng bộ cuộc cách mạng tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống lãnh đạo, vận hành và quản trị quốc gia. Đó là những công việc có ý nghĩa và tầm quan trọng chiến lược, mở đường để toàn dân tộc bước vào kỷ nguyên mới.

(*) Viện Khoa học xã hội và nhân văn quân sự, Học viện Chính trị

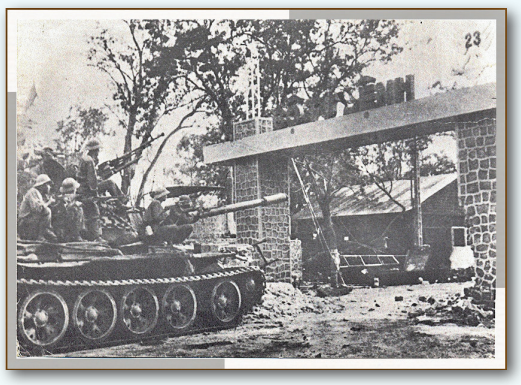


Những chiến dịch then chốt

Tháng 10 và tháng 12/1974: Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương đã họp bàn và quyết định kế hoạch giải phóng miền Nam trong thời gian **hai năm 1975 - 1976.** Nếu thời cơ đến lập tức giải phóng miền Nam trong **năm 1975.**

1 CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN

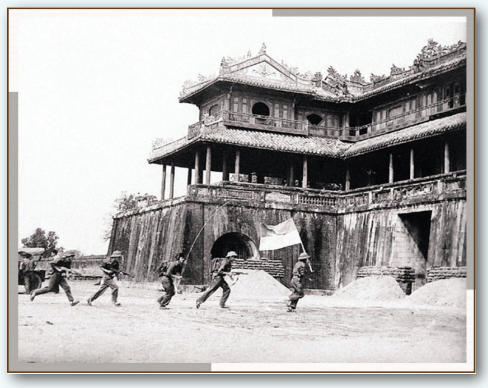
Thời gian: từ ngày 4/3 đến 3/4/1975



Chiến dịch là đòn mở đầu trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, quân ta đã giành thắng lợi, tạo nên bước ngoặt lớn thay đổi cục diện chiến tranh. Địch bị sụp đổ nặng nề, tan rã, co cụm và bị động đối phó trên các chiến trường.

2 CHIẾN DỊCH HUẾ - ĐÀ NẴNG

Thời gian: từ ngày 21 - 29/3/1975



Mở toang "cánh cửa thép", đập tan âm mưu co cụm chiến lược của địch. Cùng với chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng đã tạo ra sự nhảy vọt về cục diện chiến tranh hoàn toàn có lợi cho ta, đẩy nhanh tới Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

3 CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ - ĐỈNH CAO CỦA CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975

Tư lệnh chiến dịch: Đại tướng Văn Tiến Dũng

Ngày 7/4/1975: Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp lệnh cho các đơn vị tham gia chiến dịch: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng!"

Ngày 14/4/1975: Bộ Chính trị họp bàn và quyết định: "Đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh".

Ngày 22/4/1975: Nguyễn Văn Thiệu phải tuyên bố từ chức Tổng thống ngụy, để Trần Văn Hương lên thay.

Ngày 23/4/1975: tại Mỹ, Tổng thống Mỹ Gerald Ford tuyên bố: "Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với Mỹ".

17h ngày 26/4/1975: 5 cánh quân tiến từ 5 hướng tiến vào Sài Gòn mở màn cho Chiến dịch Hồ Chí Minh. Quân ta chiếm được căn cứ Bến Lức, Long Thành, cắt đứt giao thông thủy bộ, chặn đường rút chạy của địch... bao vây cô lập Sài Gòn.

Ngày 27/4/1975: Chiếm được căn cứ Nước Trong, cầu Sài Gòn... tiêu diệt một số bộ phận quan trọng lực lượng địch trên tuyến phòng thủ vòng ngoài, mở đường vào nội thành Sài Gòn.

Ngày 28/4/1975: Quân ta dùng máy bay chiếm được ném bom sân bay Tân Sơn Nhất cắt đứt cầu hàng không duy nhất của địch. Đại tướng, Tổng Tham mưu trưởng quân ngụy Cao Văn Viên tháo chạy.

Đêm 28 rạng sáng 29/4/1975: Tiêu diệt toàn bộ các căn cứ phòng ngự của địch ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Củ Chi, Hậu Nghĩa, Tân An.

Ngày 30/4/1975: Quân ta thống nhất hiệp đồng các cánh, các hướng tổng công kích vào nội thành, chiếm lĩnh các mục tiêu chiến lược.

9h30 ngày 30/4/1975: Tổng thống Dương Văn Minh (vừa nhậm chức được 3 ngày) kêu gọi ngừng bắn để điều đình giao chính quyền nhằm cứu quân ngụy khỏi sự sụp đổ.

10h ngày 30/4/1975: Trung đoàn 66 Bộ binh cùng với xe tăng của Lữ đoàn 203 thuộc Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 tiến công thọc sâu, đập tan toàn bộ lực lượng phòng ngự của quân ngụy, vượt qua cầu Sài Gòn.

10h45 ngày 30/4/1975: Xe tăng, bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

11h30 ngày 30/4/1975: Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh thắng lợi vẻ vang.

HÀ CỪ

50 năm, ngày thống nhất non sông

50 năm
Nửa thế kỷ qua rồi
Những người lính tiến vào Sài Gòn năm ấy
Ai còn lại
Giờ đã thành cụ già ngoài 70 tuổi
Bước chân run rẩy
Hom hốc khoé cười
Hâm hiu đôi mắt
Vẫn bồi hồi nhớ năm tháng đã lùi xa
Bạn bè gần, ai ở quanh ta
Bạn bè nào, vĩnh viễn không còn nữa?
Nỗi nhớ hôm nay lại bùng lên như lửa
Đốt lòng ta những năm tháng mù trời
Bom đạn dọc đường
Sống, chết...
Bạn bè ơi!
Không toan tính, chỉ hướng về Sài Gòn
Hướng về độc lập...
Đất nước võ òa
Niềm vui non sông thống nhất
Giữa ngày 30 tháng tư năm ấy
Sài Gòn rực rỡ cờ bay
Nước mắt ngập tràn
Tay nắm chặt tay...
50 năm sau
Bao đổi thay trên đất nước này
Đất nước hình chữ S
Vẫn đan xen những buồn - vui, được - mất
Vẫn đan xen những điều thiện - ác
Nhưng cuộc sống không ngừng
những khao khát đổi thay
Nhìn lớp trẻ nối tiếp thế hệ ông cha
Đang đổi khác từng ngày
Từ đường phố thị thành
Đến nông thôn
Trung du
Miền núi.
Đâu cũng bừng lên bao điều khác và mới
Những hy vọng, lo toan, trăn trở ngày ngày
Đang giục giã lớp người kế tiếp
Nhanh đi tới ước mơ của cha ông thuở trước
Cho Tổ quốc thống nhất phải mạnh giàu
Dân chủ
Tự do...
Vì con người đâu chỉ cần có áo ấm, cơm no?!

Những ngày cuối tháng tư, 2025



TP Hồ Chí Minh phát triển năng động, hiện đại

Những người Hải Dương vào Dinh Độc Lập đúng ngày 30/4



Có nhiều người Hải Dương, khi đó là những chàng trai 18 - 20 tuổi, vai áo sờn rách còn vương mùi khói súng trong những đoàn quân giải phóng rầm rập tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30/4/1975.

Từ trái sang: **Trung úy Ngô Sỹ Nguyên, pháo thủ số 1 xe tăng 390 cùng đại úy Vũ Đăng Toàn, Chính trị viên Đại đội 4, trưởng xe 390; thiếu úy Nguyễn Văn Tập trong kíp xe tăng 390 húc đổ cánh cổng Dinh Độc Lập tại buổi gặp mặt "50 năm - toàn thắng về ta" do Tổng cục Chính trị, Báo Quân đội nhân dân tổ chức ngày 16/4** **Ảnh: TRỌNG ĐỨC**

TIẾN HUY

CÂY SỐ CUỐI CÙNG KẾT THÚC CUỘC TRƯỜNG CHINH DẰNG DẶC

Trong cuộc đại trường chinh đánh Mỹ để thống nhất non sông, hàng vạn chàng trai, cô gái của tất cả các miền quê đều tham gia vệ quốc, song lịch sử đã lựa chọn các chàng trai Hải Dương thời ấy là những người gắn với thời khắc lịch sử nghìn năm có một. Và có 2 người không thể không nhắc tên trong những ngày trọng đại này là đại úy Vũ Đăng Toàn, Chính trị viên Đại đội 4, Lữ đoàn Tăng thiết giáp 203, trưởng xe 390; thiếu úy Nguyễn Văn Tập (cùng quê Gia Lộc) lái xe tăng 390 húc đổ cổng Dinh Độc Lập.

Ông Nguyễn Văn Tập từng nói về hành trình đầy oai hùng nhưng gian khổ cho đến ngày chiến thắng cuối cùng: "Không đơn giản mà xe tăng của ta tới cổng Dinh Độc Lập ngay được. Bao nhiêu chiến sĩ, đồng bào đã hy sinh để cho chúng tôi tiếp cận được cổng Dinh Độc Lập".

Ông Tập kể, khi vào đến Sài Gòn, các xe chạy cách xa nhau, ông nói với ông Toàn trưởng xe: "Có thể xe của mình chạy quá rồi anh ạ. Tôi liền dừng lại và gọi một thanh niên tầm 17 - 18 tuổi đang xách vali trên vỉa hè lại và hỏi đường. Người này nói, cần lùi lại một đoạn vì đã đi quá".

Ông Tập kể tiếp, xa xa đã thấy xe 843 của Đại đội trưởng Đại đội 4 Bùi Quang Thận đang mắc ở cổng phụ bên trái dinh. Ông Tập xin ý kiến ông Toàn "Bây giờ như thế nào hả anh?", ông Toàn lệnh "Lao thẳng vào".

Ông Vũ Đăng Toàn kể, khi vào Dinh Độc Lập, đơn vị nào vào trước phải có trách nhiệm cắm cờ chứ không chờ đơn vị được giao, vì sẽ mất thời cơ. Ông Toàn định cầm cờ nhảy xuống thì anh Phượng, Đại đội phó nói anh Bùi Quang Thận đang cầm cờ chạy phía sau nên ông Toàn ôm AK yểm trợ. Chỉ chừng 10 phút sau thì xe tăng của các thê đội khác, ô tô và các lực lượng bộ binh đã vào kín sân dinh.

Sau đó không lâu, Đài Phát thanh Sài Gòn phát đi tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh.

ĐẾN RỒI CHĂNG? HAI MẮT BỒNG DƯNG NHÒA

Đại tá, nhà văn Nguyễn Khắc Nguyệt đã viết những lời thơ như thế, để nhớ về những ngày này tròn 50 năm về trước.

Là những người lính của Đại đội 4 anh hùng, ông Nguyệt có cùng hành trình như ông Toàn và ông Tập, cùng tập kết tại Vĩnh Phúc và cùng nhận lệnh hành quân Nam tiến.

Trưa 30/4/1975, ông Nguyệt là người lái xe tăng 380 cùng thê đội xe tăng của Đại đội 4 hùng dũng tiến vào Dinh Độc Lập - sào huyệt, biểu tượng quyền lực cuối cùng của chế độ Sài Gòn.

Sau 50 năm, ông Nguyệt vẫn miệt mài viết sách. Đó là các cuốn: "Hành trình đến Dinh Độc Lập", "Xe tăng trong chiến tranh ở Việt Nam - Lịch sử nhìn từ tháp pháo", hay "Thiếu tướng xe tăng Đào Huy Vũ"... 17 đầu sách đã xuất bản, không chỉ kể lại hành trình của những người lính xe tăng, mà như một lời tri ân những đồng đội của ông đã ngã xuống trên hành trình đến thắng lợi cuối cùng.

Ông Nguyệt quê ở Chí Linh. Tháng 12/1971, ông là 1 trong 800 người Hải Hưng được tuyển vào Binh chủng Thiết giáp (sau này là Binh chủng Tăng thiết giáp). Khi đó, mỗi huyện, thị xã hình thành 1 trung đội, tập trung về xã Ái Quốc (nay thuộc TP Hải Dương) rồi lên Vĩnh Phúc. Huấn luyện còn dang dở, tháng 3/1973, ông Nguyệt cùng kíp nhận xe 380 để bắt đầu trải những "vết xích mùa xuân" trong hành trình cho đến ngày chiến thắng.

Đến bây giờ, trong các câu chuyện kể, ông Nguyệt chưa từng hết tự hào vì trong 40 ngày, Đại đội 4 anh hùng đã cơ động 1.000 km giải phóng 3 thành phố lớn gồm Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn.

Giải phóng Đà Nẵng, bộ phận xe tăng nặng của Đại đội 4 hành quân thần tốc vào phía Nam, băng qua Long Khánh, Xuân Lộc, qua Nước Trong, Nhơn Trạch, Long Thành... hướng đến Dinh Độc Lập.

Trong hành trình ấy, xe 380 của ông Nguyệt bị bắn thủng tháp pháo, khẩu 12 ly 7 bị lật tung, 1 đại liên bị bẹp. Pháo 2 là ông Nguyễn Kim Duyệt (quê Hà Nội) bị thương nặng, sau đó hy sinh, Trưởng xe Nguyễn Đình Luông (quê Thanh Hóa) bị thương.

Từ thời điểm đó cho đến khi vào đến Dinh Độc Lập, xe 380 mất sức chiến đấu do chỉ còn ông Nguyệt và pháo thủ Trương Đức Thọ (quê Thái Bình). Tuy vậy, xe 380 cùng thê đội xe tăng vẫn băng băng tiến vào Sài Gòn.

Cùng với các ông Vũ Đăng Toàn, Nguyễn Văn Tập, Vũ Khắc Nguyệt, chúng tôi đã gặp nhiều cựu chiến binh người Hải Dương có mặt ở Dinh Độc Lập đúng thời khắc lịch sử trưa 30/4/1975. Những chiến công, đóng góp của họ cho non sông, đất nước thống nhất khó mà bút giấy nào kể hết.

> Không đơn giản mà xe tăng của ta tới cổng Dinh Độc Lập ngay được. Bao nhiêu chiến sĩ, đồng bào đã hy sinh để cho chúng tôi tiếp cận được cổng Dinh Độc Lập.

Hòa bình màu gì?

NAM CHÍNH

Có lần, bé con nhà tôi thủ thỉ: "Hòa bình màu gì hả mẹ?".

Câu hỏi ngây thơ của con khiến tôi lặng người. Tôi chưa từng nghĩ đến điều đó. Hòa bình là một khái niệm lớn lao mà màu sắc lại là thứ rất cụ thể. Nhưng khi câu hỏi cất lên từ một đứa trẻ, tôi muốn giúp con hiểu một phần màu của hòa bình.

Phải rồi, hòa bình có thể là màu nắng sớm. Màu vàng ươm của những tia nắng tràn trên hiên nhà, len lỏi vào từng vạt lúa, làm ấm vai gầy của bà sớm gánh hàng khắp phố. Hòa bình là những sớm mai yên ả, khi tiếng gà gáy không bị lấn át bởi tiếng bom, tiếng còi báo động. Là lúc con được lớn lên trong tiếng ru của bà, trong âm thanh leng keng xe đạp và tiếng trống trường rộn ràng tháng chín.

Tôi từng đọc đâu đó rằng: "Hòa bình là điều kiện để con người sống tử tế với nhau". Nếu vậy, hòa bình chắc có màu của lòng tốt, thứ màu không ai định nghĩa, nhưng ai cũng có thể cảm nhận được qua những hành động rất nhỏ. Dù đó chỉ là một ánh mắt dịu dàng, một cái nắm tay, một lần nhường đường, một lời xin lỗi, nói cảm ơn khi được giúp đỡ...

Với những người lính trở về sau chiến tranh, hòa bình mang màu ký ức. Đó là màu xanh bạc phếch của bộ quân phục cũ, màu đất nơi từng in dấu chân hành quân. Là màu xám của những ngôi làng từng bị bom cày đạn xới. Nhưng vượt lên tất cả, trong mắt họ, hòa bình là màu xanh - màu của hy vọng, của sự sống hồi sinh trên những cánh đồng, bờ bãi, nơi chiến tranh từng đi qua.

Có lẽ, với người nông dân, hòa bình là màu lúa xanh, hoa màu mươn mướt, màu vàng của hạt thóc, màu nâu của đất đai. Với học trò, hòa bình là màu trắng tinh khôi của áo dài, màu mực tím rơi loang trên trang vở. Với người mẹ, hòa bình là màu hồng của má con, đôi môi đỏ thơm mùi sữa.

Tôi từng chứng kiến một cựu chiến binh đứng lặng rất lâu bên bia tưởng niệm. Ông đặt bó hoa cúc vàng xuống, mắt không rời tấm bia khắc tên những đồng đội đã ngã xuống. Ông không khóc, nhưng gió chiều hôm ấy sao mà buốt. Tôi hiểu, với ông, hòa bình là màu của

NGÂN HẠNH

Ký ức ngày giải phóng

Dù đã nửa thế kỷ trôi qua, những cảm xúc vỡ òa trong ngày giải phóng miền Nam vẫn còn nguyên vẹn trong tâm trí nhiều người ở Hải Dương.





Ông Đỗ Hồng Chấp ở xã Thanh Tân (Thanh Hà) từng chứng kiến thời khắc lịch sử trong Dinh Độc Lập *(ảnh phải)*

Ông Vũ Đình Đại và vợ ở phường Nguyễn Trãi (TP Hải Dương) xem lại kỷ vật chiến trường *(ảnh trái)*

NHÂN CHỨNG THỜI KHẮC LỊCH SỬ

Vào sáng 30/4/1975, sau Chiến dịch Hồ Chí Minh thần tốc, các cánh quân giải phóng tiến công mạnh mẽ vào trung tâm Sài Gòn. Khoảng 11 giờ, chiếc xe tăng mang số hiệu 390 của Lữ đoàn 203, Quân đoàn 2, đã húc đổ cánh cổng sắt chính của Dinh Độc Lập - trụ sở của chính quyền Sài Gòn lúc bấy giờ.

Ngay sau đó, bộ đội ta ào vào trong dinh. Ông Đỗ Hồng Chấp (sinh năm 1948, quê ở xã Thanh Thuỷ, nay là xã Thanh Tân, Thanh Hà) khi đó thuộc Đại đội 15, Tiểu đoàn 57, Trung đoàn 512, Sư đoàn 571 tham gia chiến đấu cùng tiến vào Dinh Độc Lập đã chứng kiến thời khắc lịch sử trọng đại ấy.

"Tôi và các đồng chí lên tầng 2. Tổng thống Dương Văn Minh cùng nội các đang ngồi chờ sẵn. Tổng thống Dương Văn Minh nói: Chúng tôi đã biết quân giải phóng tiến vào nội đô và đang chờ quân giải phóng vào để bàn giao. Sau khi nghe Dương Văn Minh nói như vậy, anh Phạm Xuân Thệ giọng đanh thép nói: Các ông đã bị bắt làm tù binh, các ông phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, không bàn giao gì cả. Sau câu nói đó, Dương Văn Minh và tùy tùng lùi lại và ngồi im ở ghế trong", ông Chấp kể.

Tiến vào Dinh Độc lập với khí thế hừng hực của đoàn quân giải phóng, ông Chấp cùng đồng đội không có suy nghĩ gì khác là giành được chính quyền, giải phóng miền Nam bất chấp hiểm nguy.

"Khi tiến vào Sài Gòn, chứng kiến cảnh lính thua trận trà trộn trong dân, bộ đội ta không đánh đập, kỳ thị mà hướng dẫn họ đầu hàng. Rồi cả những tài sản của sĩ quan, quân nhân bỏ lại, bộ đội ta cũng không tơ hào. Tất cả giữ nghiêm kỷ luật quân đội, không tơ hào dù chỉ là cái kim sợi chỉ", ông Chấp nói.

NIỀM VUI NỐI TIẾP

Sau Chiến dịch Tây Nguyên tháng 3/1975, ông Vũ Đình Đại (sinh năm 1948, thuộc biên chế Trung đoàn 9, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2) cùng đồng đội tăng cường cho Sư đoàn 320 trực tiếp chiến đấu giải phóng TP Buôn Mê Thuột. "Là đơn vị bộ binh bước vào trận chiến được đánh hợp đồng với binh chủng xe tăng và pháo binh, anh em phấn khởi lắm và tin tưởng chắc chắn thắng, ai cũng khí thế hừng hực, đánh chiếm hết mục tiêu này đến mục tiêu khác. Người này ngã xuống, người kia lại đứng lên, ai cũng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao", ông Đại nhớ lại.

> Tất cả vỡ òa sung sướng khi nghe tin thông báo Sài Gòn đã giải phóng. Thế là từ đây đất nước đã thanh bình, hoàn toàn giải phóng.

Quyết định táo bạo của Trung ương và Bộ Quốc phòng đánh vào Buôn Mê Thuột làm cho cả quân đoàn Tây Nguyên của địch sụp đổ, tan vỡ tháo chạy hỗn loạn xuống đồng bằng.

Sau khi giải phóng Tây Nguyên, đơn vị của ông Đại tiếp tục được giao nhiệm vụ chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn. Mục tiêu chính là căn cứ Đồng Dù - Củ Chi, căn cứ này được coi là cánh cửa thép của Tây Bắc Sài Gòn. Cứ điểm kiên cố này có gần 30 lớp hàng rào dây thép gai, công sự, lô cốt đều làm bằng bê tông cốt thép, lại được phủ đất lên cao như một con đê bao quanh hết cứ điểm.

Với tinh thần thần tốc, táo bạo, quyết thắng, đơn vị của ông Đại hành quân suốt ngày đêm, nhanh chóng đến mục tiêu đúng giờ cấp trên quy định. Ngày 28/4, pháo binh khai hỏa, bộ binh mở cửa hàng rào. Nhưng do địa hình trống trải, hỏa lực của địch bắn rất mạnh suốt cả đêm, hàng rào vẫn chưa được mở.

Ngày 29/4, địch lại tăng viện quân đánh úp vào bên sườn của đội hình, cùng một lúc bộ đội ta phải đánh cả quân địch ở bên trong và bên ngoài của căn cứ.

Sáng 30/4, hàng rào đã được phá thông, quân ta tiến vào đánh chiếm căn cứ của địch. Quân địch tháo chạy, quân ta làm chủ căn cứ.

"Chúng tôi truy kích địch đến cầu Công Lý (cửa ngõ ra vào sân bay Tân Sơn Nhất) thì có lệnh dừng lại không đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất nữa, vì đã có đặc công và đơn vị bạn chiếm lĩnh rồi. Tất cả vỡ òa sung sướng khi nghe tin thông báo Sài Gòn đã giải phóng, Chính phủ của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Dương Văn Minh đã đầu hàng. Thế là từ đây đất nước đã thanh bình, hoàn toàn giải phóng", ông Đại xúc động kể.

VỠ ÒA CẢM XÚC CHIẾN THẮNG

"Nghe tin Sài Gòn giải phóng, khắp các ngả đường ở Huế cờ đỏ sao vàng rực trời, người dân đổ ra đường hát vang bài hát Như có Bác trong ngày đại thắng. Bài hát vừa sáng tác nhưng đã lan truyền rộng rãi mà ai ai cũng thuộc, khắp nơi vang lên điệp khúc Việt Nam - Hồ Chí Minh, Việt Nam - Hồ Chí Minh… đầy tự hào", ông Nguyễn Văn Khánh sinh năm 1940, quê ở xã Thúc Kháng (Bình Giang) nhớ lại.

Thời khắc lịch sử 30/4/1975, ông Khánh làm lái xe vận chuyển vũ khí, lương thực tham gia đoàn quân giải phóng đang dừng tại Huế.

Tại quê nhà Thúc Kháng khi ấy, ông Trần Văn Mích (sinh năm 1940) đang tham gia Đảng uỷ xã, làm Trưởng Ban Tổ chức. Ông nghe tin Sài Gòn giải phóng trên đài, từ cấp trên truyền về, rồi nhân dân truyền tin cho nhau. Trong không khí vui mừng phấn khởi, ngay trong ngày 30/4/1975, địa phương tổ chức mít tinh trọng thể ở UBND xã với sự tham gia của đông đảo người dân. "Đồng chí Trưởng Ban Tuyên giáo đã đọc thông tin từ huyện uỷ đưa về là chúng ta đã giành được chính quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, niềm vui vỡ òa trong nhân dân. Ngay sau lễ mít tinh, nhân dân tay cầm cờ đỏ sao vàng, chiêng trống diễu hành khắp các đường làng ngõ xóm hô vang khẩu hiệu chiến thắng…", ông Mích kể.

Trong những năm tháng ấy, xã Thúc Kháng là điển hình của huyện chi viện cho chiến trường miền Nam. Mỗi năm, địa phương tuyển quân 3 lần, đóng góp cho chiến trường 300 tấn thịt lợn, 600 tấn thóc, luôn vượt chỉ tiêu cấp trên giao. Hợp tác xã Minh Tân của xã Thúc Kháng khi đó là lá cờ đầu của tỉnh trong sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả cao, tạo nguồn lực cho tiền tuyến.

Trong ngày vui giải phóng, Hợp tác xã Minh Tân còn mổ trâu, mổ lợn chia cho người dân ăn mừng …

Tại các làng quê Hải Dương, tin chiến thắng được truyền đi nhanh chóng, mang theo niềm hân hoan khôn tả. Người dân tụ tập tại các sân đình, nhà văn hóa để nghe tin tức, chia sẻ niềm vui. Cờ đỏ sao vàng tung bay trên khắp các con đường, biểu tượng cho sự đoàn kết và chiến thắng của dân tộc.

---

nước mắt đã cạn, là màu của sự hy sinh.

Hòa bình, trong suy nghĩ của tôi không mang một màu duy nhất. Nó là bức tranh ghép từ bao sắc màu đời thường đôi khi nhạt nhòa, đôi khi rực rỡ, nhưng luôn dịu dàng, ấm áp.

Có người ví hòa bình như màu trắng tượng trưng cho sự thuần khiết và yên tĩnh. Nhưng tôi nghĩ hòa bình không đơn điệu thế. Bởi bên trong sự tĩnh lặng ấy là bao hy sinh, mất mát, bao cuộc đời đã nằm lại, để những đứa trẻ hôm nay không phải nghe tiếng bom, không phải học chữ dưới hầm. Hòa bình là màu của sự thấu hiểu, cảm thông.

Ở những vùng đất đang khói lửa, hòa bình là điều xa xỉ. Nơi đó, có những em bé như con tôi luôn mong mỏi sớm thức dậy không thấy màu của đạn bom. Câu hỏi "hòa bình màu gì" ở đó, chắc chỉ là mong mỏi thầm thì trong giấc ngủ chập chờn...

Và tôi muốn những em bé như con tôi, càng lớn lên càng biết ơn mảnh đất quê mình, nơi mỗi ngày được nghe tiếng chim hót râm ran, tiếng con gọi mẹ về ăn cơm, tiếng quốc ca vang lên giữa sân trường mỗi sáng thứ hai đầu tuần...

Lặng trong suy nghĩ, tôi chợt bị đánh thức bởi lời nhắc của con gái: "Mẹ chưa trả lời con, hòa bình màu gì?".

Tôi mỉm cười và nói khẽ: "Hòa bình có màu của nụ cười con". Con bé tròn mắt, rồi cười khanh khách.

Trong cuộc sống bình yên hôm nay, tôi và nhiều người có lẽ luôn mong hòa bình mãi ở lại, trong từng màu sắc của cuộc sống này.



Nhiều bạn bè quốc tế ngưỡng mộ khi chứng kiến người Việt Nam kiên cường đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước. *Trong ảnh:* Nhân dân Sài Gòn mít tinh chào mừng Ủy ban Quân quản thành phố ra mắt ngày 7/5/1975

Bạn bè quốc tế nghĩ gì về chiến thắng 30/4?

Chiến thắng 30/4/1975 không chỉ là dấu mốc lịch sử trọng đại của dân tộc Việt Nam, mà còn là sự kiện gây tiếng vang lớn trên toàn thế giới. Nhiều nhà báo, học giả và chính trị gia quốc tế đã bày tỏ sự ngưỡng mộ, kính trọng tinh thần quật cường và khát vọng độc lập của nhân dân Việt Nam.

BẢO ANH (tổng hợp)

CHIẾN THẮNG CỦA TINH THẦN BẤT KHUẤT

Phóng viên chiến trường người Cuba, ông Luis Arce là một trong những nhà báo nước ngoài có mặt tại Việt Nam vào thời điểm lịch sử tháng 4/1975.

Trong bài trả lời phỏng vấn gần đây ông khẳng định: Chiến thắng 30/4 là chiến thắng quân sự của một dân tộc chủ yếu là nông dân. Họ đã phá vỡ sự kiêu ngạo của đế chế hùng mạnh nhất thế giới. Không chỉ là thắng lợi về mặt quân sự mà còn là thắng lợi về tinh thần, văn hóa và bản sắc Việt Nam trước những âm mưu xâm lược.

Ông Arce bày tỏ sự khâm phục đối với tầm nhìn chiến lược của lãnh tụ Hồ Chí Minh. "Bác Hồ đã nhìn thấy rõ tương lai khi tuyên bố rằng nhân dân sẽ chiến thắng và xây dựng một đất nước đẹp gấp mười lần", ông Arce chia sẻ. Điều khiến ông Arce xúc động nhất chính là tinh thần đoàn kết, sự hy sinh quên mình và niềm tin sắt đá của người dân Việt Nam vào ngày mai hòa bình.

Tại Nam Mỹ, bà Poldi Sosa Schmith, Chủ tịch Viện Văn hóa Argentina - Việt Nam cũng xúc động khi nhắc lại ngày 30/4/1975. Bà kể: "Hôm đó, khi nghe tin Việt Nam giải phóng hoàn toàn miền Nam, tôi đã bật khóc... Đó là chiến thắng của tất cả những ai yêu chuộng hòa bình, công lý và độc lập".

Tại thời điểm ấy, nhiều người dân Argentina đã đổ ra đường chia sẻ niềm vui với người dân Việt Nam. Đối với họ, chiến thắng ấy không đơn thuần là sự kiện quân sự mà là sự khẳng định rằng sự kiên trì và chính nghĩa có thể chiến thắng bạo lực và áp bức.

NGUỒN CẢM HỨNG KHÔNG BIÊN GIỚI

Không chỉ đơn thuần là một chiến thắng quân sự, ngày 30/4/1975 còn được nhìn nhận như một biểu tượng cho tinh thần tự lực, tự cường của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh giành độc lập trên khắp thế giới. Trong mắt nhiều học giả quốc tế, đó là dấu mốc thay đổi cục diện toàn cầu, tạo đà cho làn sóng đấu tranh chống đế quốc lan rộng ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

Tiến sĩ G. Weerasinghe, Tổng Thư ký Đảng Cộng sản Sri Lanka nhận định: "Những trận chiến sử thi mang lại chiến thắng cho người dân Việt Nam cũng là nguồn cảm hứng cho nhân dân và phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh trong nỗ lực chống lại chủ nghĩa đế quốc để giải phóng đất nước. Tinh thần đoàn kết dân tộc đã làm nên chiến thắng và đó chính là điểm tựa để Việt Nam phát triển mạnh mẽ sau này".

Ở một góc nhìn khác, nhiều hãng truyền thông quốc tế cũng nhìn nhận chiến thắng của Việt Nam là biểu tượng cho sự chuyển dịch của cán cân địa chính trị toàn cầu. Hãng tin AFP bình luận: "Sự kiện 30/4 tại Việt Nam chính là sự kiện nổi bật nhất năm 1975. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự kiện này sẽ có tác động lớn đối với khu vực và toàn thế giới".

Trong nhiều tài liệu quốc tế, chiến thắng 30/4 của Việt Nam ngày ấy còn được coi là khởi đầu cho thời kỳ các dân tộc bị áp bức có thể đứng lên giành quyền tự quyết, bất chấp sự hậu thuẫn quân sự hay chính trị từ các cường quốc. Thắng lợi ấy không chỉ có ý nghĩa riêng với Việt Nam mà còn tiếp thêm sức mạnh cho hàng triệu con người ở những vùng đất xa xôi vẫn đang chịu cảnh đô hộ.

Trong thế giới hôm nay, khi nhiều quốc gia vẫn đang vật lộn với xung đột, chiến tranh và bất công, tinh thần ngày 30/4 của Việt Nam vẫn tiếp tục toả sáng như một ngọn hải đăng bất diệt của ý chí dân tộc và hòa bình nhân loại.

"Việt Nam xoa dịu trái tim tôi"

KỲ LAN

Tôi vẫn nhớ rõ ánh mắt và lời tâm sự của những cựu binh Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam khoảng thời gian 1969 - 1970 mà tôi gặp trong một sự kiện khi họ đến Việt Nam. Câu nói được nhiều cựu binh Mỹ nhắc đến là: "Việt Nam đã xoa dịu trái tim tôi".

Trở về nước sau thời gian tham chiến ở Việt Nam, nhiều người lính Mỹ đã mắc phải các chứng rối loạn, khủng hoảng, trầm cảm... Cuộc đời họ rơi vào bế tắc, "chôn vùi" trong thế giới của riêng mình, gặm nhấm nỗi cô đơn suốt thời gian dài. Nhiều cựu binh Mỹ kể họ ít khi có được giấc ngủ ngon, thường xuyên gặp ác mộng. Hình ảnh về cuộc chiến ở Việt Nam cứ hiện rõ mồn một trước mắt, ám ảnh khiến cuộc sống của họ thực sự khó khăn.

Những ký ức về chiến tranh khi họ tham chiến ở Việt Nam chỉ là những tháng ngày đau đớn với khói lửa, bom đạn, máu và nước mắt. Những ký ức đó cứ lặp lại hằng đêm trong giấc ngủ chập chờn khiến họ không biết họ ở đâu và đang làm gì. Điều đó kéo dài rất lâu và thật bất ngờ chỉ đến khi được quay lại Việt Nam mới thay đổi. Tất cả phải thốt lên rằng "Việt Nam quả là kỳ diệu".

Họ được trở lại chiến trường xưa, những gì hiện ra khiến các cựu binh Mỹ không tin ở mắt mình.

Ở những nơi trước kia là trận địa, bom đạn cày xới, xơ xác, thì nay là những làng quê trù phú, đô thị hiện đại, đông đúc, cây cối xanh mướt. Điều khiến họ bất ngờ hơn đó chính là thái độ của người dân Việt Nam, trong đó có những cựu chiến binh Việt Nam. Dù chuẩn bị tâm lý vững vàng để đối mặt với thực tại họ cũng không thể tin là mình được những người dân Việt Nam đón tiếp nồng hậu, thân thiện. Họ không nhận thấy sự oán hận, xa lánh mà thay vào đó là những ánh mắt bao dung. Bao gánh nặng đè trĩu họ bấy lâu nay bỗng được trút bỏ.

"Những cơn sang chấn tâm lý" dường như đã tìm được thuốc giải. Thời gian ở Việt Nam, họ bớt những lo âu, sợ hãi, họ đã trò chuyện cởi mở về cuộc sống của mình sau chiến tranh, về những đau khổ đã trải qua, về nỗi ám ảnh mang tên chiến tranh. Trong mỗi câu chuyện của các cựu binh Mỹ, họ đều mong được người dân Việt Nam tha thứ. Họ được nói ra những suy nghĩ, trăn trở, suy tư và họ được người Việt Nam từng bị đau khổ nhưng bao dung cảm thông...

Về những người Mỹ "may mắn" ở Sơn Mỹ

Tôi gọi đó là sự "may mắn" - cái may mắn thức tỉnh lương tâm giữa diễn biến thảm sát ở Sơn Mỹ (Quảng Ngãi) để những người Mỹ này bớt bị dằn vặt cả đời người.



Bia ghi 504 nạn nhân thiệt mạng trong vụ thảm sát Sơn Mỹ ngày 16/3/1968 (còn gọi là thảm sát Mỹ Lai)
Ảnh: THÀNH CHUNG

THANH XUÂN

Nhưng tôi cũng băn khoăn về cách gọi này. Nó có gì đó động chạm đến nỗi đau vô tận của người Sơn Mỹ suốt 57 năm qua.

Bởi vậy, trong hành trình về phương Nam nhân kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, chúng tôi đã tới thăm viếng Khu chứng tích Sơn Mỹ, nay thuộc xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh (Quảng Ngãi). Ở đây, tôi lại rùng mình khi đứng trước tấm bia lớn ghi danh sách 504 nạn nhân vụ thảm sát xảy ra vào ngày 16/3/1968 (còn gọi là thảm sát Mỹ Lai).

Dòng thứ 25 là Nguyễn Thị Bé, 1 tuổi, giới tính nữ.

Dòng thứ 26 là Nguyễn Thị Bé, 3 tuổi, giới tính nữ.

Dòng thứ 27 khắc Phạm Thị Bé, 1 tuổi, giới tính nữ...

Những em bé Sơn Mỹ năm 1968 có tội gì? Tôi đã nhiều lần tự hỏi và tự trả lời.

Họ không có tội gì. Trên thế giới này không có trẻ em nào có tội. Sau 57 năm, nếu không có cuộc thảm sát ấy, bây giờ họ mới ngót 60 tuổi, chưa đến tuổi nghỉ chế độ hưu trí nếu tham gia công tác xã hội...

Tôi lật hồ sơ Sơn Mỹ. Những trang thấm đẫm máu của người già, trẻ em, chủ yếu là nữ... Họ bị dẫn ra cánh đồng, bị dồn xuống mương nước... rồi xả súng. Nhiều người trong số các nạn nhân còn bị cưỡng bức, quấy rối, tra tấn, đánh đập hoặc bị cắt xẻo các bộ phận trên cơ thể...

Thảm kịch đau đớn đó diễn ra trên cánh đồng lúa, trên cánh đồng khoai lang, trong nhà dân, ngay trong làng quê Sơn Mỹ.

Đây là một vùng quê cách mạng. Người dân yêu nước và kiên cường. Họ bảo vệ những chiến sĩ cộng sản như bao vùng quê khác trên dải đất chữ S này. Họ căm ghét lũ cướp nước. Và họ bị trả thù hèn hạ trong chiến dịch tìm diệt sau Tết Mậu Thân 1968.

Giữa sự tàn ác khốc liệt của chiến tranh, giữa bầy sói lính Mỹ nhăm nhăm nã đạn vào dân thường lại xuất hiện vài trái tim con người. Họ là những người Mỹ thức tỉnh, những người tôi đã gọi là "may mắn".

Một lính Mỹ đã tự bắn vào chân mình, bị thương để không phải tham gia vào cuộc bắn giết những thường dân vô tội.

Câu chuyện của viên phi công Thompson bay qua Sơn Mỹ và phát hiện những xác chết đã nỗ lực cứu những thường dân vô tội thoát khỏi họng súng của lính Mỹ. Anh đã yêu cầu xạ thủ trên trực thăng hướng nòng súng về phía lính Mỹ, nổ súng nếu họ tiếp tục giết hại dân làng. Thompson đã đưa được một số người lên trực thăng bay đi...

Một cựu binh Mỹ cứ đến ngày tưởng niệm nạn nhân cuộc thảm sát Mỹ Lai lại bay từ bên kia bán cầu đến Sơn Mỹ để kéo vỹ cầm tưởng nhớ những thường dân vô tội. Những thước phim "Tiếng vỹ cầm ở Mỹ Lai" vốn đã rất nổi tiếng. Nó vừa giống như sự ăn năn, giống như mong muốn hoà giải, giống như âm thanh xoa dịu nỗi đau của người dân Sơn Mỹ và của người Mỹ có lương tri.

Rồi một cựu binh Mỹ khác, ông Billy Kelly đến khi sức yếu không sang tận nơi được đã luôn gửi 504 bông hoa hồng sang viếng 504 nạn nhân.

Người Mỹ làm vậy để hối cải phần nào.

Nếu không có những quyết định như trên, không có những việc như trên, họ sẽ bị ám ảnh lương tâm cả đời. Gia đình họ, con cái họ không xoá bỏ được những mặc cảm, hối lỗi... Cho nên họ đã "may mắn" khi tự thức tỉnh lương tâm vào thời điểm dã man nhất của cuộc thảm sát. Họ đã thức tỉnh lương tâm sau khi cuộc thảm sát diễn ra, sau cuộc chiến.

Những người lính Mỹ đã không thắng trong cuộc thảm sát này, họ đã thua. Họ thua về lương tri và phẩm giá. Những người lính Mỹ đã dằn vặt. Theo báo chí Mỹ, nhiều người sau đó mắc các căn bệnh hội chứng stress hậu chấn động (PTSD) nặng nề.

Những người dân Sơn Mỹ vô tội, trong tay không có một thứ vũ khí gì. Họ không ngờ thảm họa ập xuống đầu và họ không có lối thoát... Cái chết thảm thương của họ đã thức tỉnh lương tri của nhiều người Mỹ, đẩy phong trào phản chiến lên cao ngay trong lòng nước Mỹ thời gian sau đó.

Giờ đây, Sơn Mỹ đã hồi sinh. Người dân Sơn Mỹ tràn đầy lòng vị tha cao cả. Trên trán những người ở lại còn chồng những nếp nhăn, trong khoé mắt đã khô khốc, nhưng trái tim họ không mang hận thù. Tha thứ là "liều thuốc" hiệu nghiệm nhất để an ủi vong linh những người đã ra đi trong cuộc thảm sát năm 1968, với những thân nhân vốn đã bị tổn thương nặng nề.

Đó là nhân văn, là hoà giải.

Sáng 16/3/1968, các đơn vị lính lục quân Mỹ đã thảm sát 504 người dân Sơn Mỹ trên tay không có vũ khí, trong đó có nhiều người già, phụ nữ và trẻ em; 247 ngôi nhà bị thiêu hủy, hàng nghìn gia súc, gia cầm bị giết chết, lương thực và mùa màng bị đốt sạch, phá hoại hoàn toàn. Vụ thảm sát đã gây chấn động dư luận thế giới về tội ác chiến tranh, tạo nên làn sóng phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam ngay trên đất Mỹ.

Dù là nước chiến thắng hay chiến bại thì cả hai bên đều mất mát, đau khổ. Với người dân Việt Nam, chiến tranh đã lùi xa, không ai quên quá khứ nhưng cũng không lôi quá khứ ra để đau khổ mãi. Người dân Việt Nam tự hào về thế hệ cha ông đã hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc và tự mỗi người đều cố gắng vươn lên sống có ích, làm giàu cho bản thân, cho đất nước. Và điều quan trọng, người dân Việt Nam không mang trong lòng sự hận thù với quá khứ, Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trên thế giới.

Hành trình quay trở lại Việt Nam của các cựu binh Mỹ từng tham chiến tại đây thực sự đã cứu rỗi cuộc đời của họ. Và hằng năm danh sách những cựu binh Mỹ quay trở lại Việt Nam ngày một nhiều. Chính Việt Nam đã xoa dịu tâm hồn, giúp họ cân bằng cuộc sống. Kể từ đây, một cách thức để chữa lành vết thương chiến tranh, một phương thức hòa giải "kỳ diệu" giữa Việt Nam và Hoa Kỳ chính là được trở lại chiến trường xưa mang tên "Việt Nam".

Đoạn mương nước, nơi giặc Mỹ giết hại 107 người dân vô tội được phục dựng lại trong Khu chứng tích Sơn Mỹ



Nhớ mãi những người chưa kịp bước đến... hòa bình

Trên hành trình đi tới hòa bình, có biết bao anh hùng liệt sĩ phải nằm lại chiến trường. Họ chưa kịp bước chân đến, nhưng đã mở lối cho hòa bình.

TRẦN HIỀN

MÃI MÃI TRONG KÝ ỨC NGƯỜI Ở LẠI

Nâng niu tấm ảnh cũ cùng tờ giấy báo tử của anh trai là liệt sĩ Nguyễn Văn Bính, vợ chồng ông Nguyễn Văn Ất ở thôn Châu Bộ, xã Hiệp Hòa (Kinh Môn) không khỏi bùi ngùi, xúc động. Ngày đất nước được giải phóng cũng chính là ngày anh trai ông Ất hy sinh.

Anh trai ông Ất nhập ngũ khi vừa tròn 20 tuổi. Suốt thời gian nhập ngũ, gia đình chưa khi nào nhận được thư của ông Bính. Khi hòa bình lập lại, ông Ất và gia đình may mắn được gặp người đồng đội công tác cùng đơn vị, luôn sát cánh với ông Bính khi xưa. Lúc ấy, ông Ất mới biết anh trai là lính tăng thiết giáp.

Ông Ất kể, sau khoảng một năm tham gia huấn luyện lái xe tăng tại Trung đoàn 207, cuối năm 1973, ông Bính được chuyển về Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 273, Quân đoàn 3, sau đó cùng đơn vị hành quân vào Quảng Trị. Tới Quảng Trị, ông Bính được nhận xe tăng và đã lái chiếc xe này trong suốt Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ông Bính và đồng đội đã trải qua trận đánh ác liệt tại cửa ngõ Sài Gòn trên Cầu Bông... Xe tăng của ông Bính cùng đồng đội đã yểm trợ cho lực lượng công binh của ta tiêu diệt và chiếm nhiều cứ điểm quan trọng của địch.

"Anh tôi đã ngã xuống chỉ 30 phút trước khi Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, không kịp thấy lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập", ông Ất nói.

Bà Trịnh Thị Hùy ở thôn Kinh Dương, xã Hiệp Cát (Nam Sách) luôn tự hào về người chồng của mình là một "dũng sĩ diệt Mỹ". Đó là liệt sĩ Trịnh Bá Tư, người đã hiến dâng tuổi xuân và máu xương cho độc lập, tự do của dân tộc. Sau này, những chiến công của ông Tư đã được dựng thành kịch. Qua đó, bà và gia đình cũng biết thêm về sự dũng cảm hy sinh của ông. Dẫu những năm tháng kháng chiến đã lùi xa nhưng ký ức về người chồng, người lính kiên cường, gan dạ vẫn sống mãi trong hồi ức của bà.

Trong cuộc chiến đấu 81 ngày đêm bảo vệ Thành cổ Quảng Trị (1972), ông Trịnh Bá Tư nhiều lần được phong "dũng sĩ diệt Mỹ". Tháng 3/1975, trong trận đánh vào Buôn Ma Thuột mở màn cho chiến dịch Tây Nguyên, ông Tư cùng đồng đội đã chiến đấu kiên cường, tạo bước ngoặt quan trọng, làm thay đổi cục diện chiến trường. Cũng trong khoảng thời gian này, khi Quân đoàn 3 được thành lập, ông Tư được phong Đại đội trưởng Đại đội 7, Tiểu đoàn 5.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Đại đội trưởng Trịnh Bá Tư đã cử người dẫn đường mở bệnh viện "Vì dân" thọc một mũi tên hướng sâu vào sườn địch. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, cán bộ, chiến sĩ ta giành giật với địch từng căn nhà, ngõ phố. Trong một lần chỉ huy đột phá, ông Tư anh dũng hy sinh. Tấm gương chiến đấu, hy sinh của Đại đội trưởng Trịnh Bá Tư đã thôi thúc cán bộ, chiến sĩ vượt qua ác liệt để giành thắng lợi cuối cùng.



Vợ chồng ông Nguyễn Văn Ất luôn tự hào khi có người anh trai đã góp phần vẻ vang vào Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

> Những năm tháng chiến tranh đã lùi xa, nhưng còn mãi trong ký ức người ở lại hình ảnh những người lính kiên cường, gan dạ đã hy sinh trước thời khắc đất nước hòa bình.

TIẾC THƯƠNG KHÔN NGUÔI

Cứ gần đến ngày 30/4, ông Nguyễn Văn Mương ở thị trấn Phú Thứ (Kinh Môn) lại càng nhớ tiếc khôn nguôi người anh trai là liệt sĩ Nguyễn Văn Rãnh. Ông Rãnh nhập ngũ khi em trai chỉ mới 13 tuổi. Nửa thế kỷ đã trôi qua, dù những kỷ vật của anh trai không còn lưu giữ được nhưng từng lá thư gửi về từ trận địa vẫn được ông Mương khắc ghi.

"Anh tôi đã hy sinh đúng vào ngày lịch sử ấy, chỉ vài phút trước khi đất nước thống nhất. Tôi luôn tự hào vì anh đã hy sinh vì lý tưởng cao đẹp", ông Mương chia sẻ.

Chiến thắng 30/4/1975 đánh dấu thời khắc lịch sử của dân tộc, khi đất nước hoàn toàn thống nhất, chiến tranh chấm dứt, nhân dân được sống trong hòa bình. Tuy nhiên, giữa niềm vui toàn thắng ấy, vẫn còn những mất mát không nguôi. Đó là niềm tiếc nuối khi những người lính đã anh dũng hy sinh ngay trước thời khắc chiến thắng. Họ chưa kịp bước đến... hòa bình.

Lặng nghe bài ca thống nhất

VŨ LỆ HƯƠNG

Những ngày này, mỗi chúng ta lại trào dâng cảm xúc về một mùa xuân đã đi vào lịch sử. Ta đã thấy những lời hò hẹn và điểm đến là thành phố ấm áp thân yêu - TP Hồ Chí Minh, để cùng nhau đi chơi, du lịch, thăm thú giao lưu trong ngày lễ lớn. Những gương mặt rạng ngời, nụ cười lấp lánh được hòa chung trong không khí của ngày vui thống nhất trọn vẹn: "Biển trời bao la, đẹp như gấm hoa… thỏa lòng bao năm thêm ước mơ". *Lòng ta bâng khuâng, bồi hồi pha lẫn tình cảm yêu thương, niềm vui sum họp của dân tộc.*

Ta cùng lặng nghe âm vang "Bài ca thống nhất" của nhạc sĩ Võ Văn Di. Từng lời ca khiến mỗi chúng ta càng tự hào và trào dâng cảm xúc. Những giai điệu ngân vang hòa trong nhịp đập trái tim mỗi người dân Việt Nam. Giờ đây, chúng ta cùng nhìn lại, cùng chiêm ngưỡng vẻ đẹp kỳ diệu của Tổ quốc, của giang sơn, gấm vóc.

Đã 50 mùa xuân đi qua, nhưng những năm tháng gian lao, hào hùng và niềm vui chiến thắng như vẫn vang vọng trong tâm hồn mỗi người Việt Nam. Tình yêu đất nước hòa cùng niềm tự hào về sự thống nhất, trọn vẹn lãnh thổ đã vẽ nên hình ảnh đất nước tuyệt đẹp. Niềm vui sum họp cứ ngân nga sau những năm dài cả dân tộc chìm trong mưa bom, bão đạn… Để có được nền độc lập chúng ta phải hy sinh biết bao xương máu của bao con người.

Trải qua bao mất mát, hy sinh, biết bao gia đình, bao cặp vợ chồng, bao người bạn hữu thân yêu… ly tán. Thì nay, họ lại bồi hồi đón mùa xuân sum họp.

Đất nước ta đã chuyển mình thay đổi, mỗi người dân đều tự hào phóng tầm mắt để bao quát cả núi sông, bờ cõi. Để có được nền hòa bình thống nhất đó là sự đồng lòng, dốc sức, là sự kết tinh của trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam, kiên cường trong lao động và chiến đấu. Đó còn là cả tình yêu thẳm sâu hun đúc từ linh khí của hồn thiêng sông núi, của bao thế hệ cha ông.

Ngày nay, đất nước còn những khó khăn. Trên thế giới, vẫn còn xung đột tại nhiều nơi. Chúng ta mong những tranh chấp và xung đột lợi ích của các quốc gia sẽ được giải quyết bằng những biện pháp hòa bình. Chỉ có tình yêu thương mới đem lại yêu thương. Chỉ có hòa bình mới đem lại hạnh phúc. Vũ lực, trừng phạt, cạnh tranh bất bình chỉ khoét thêm nỗi hận thù, đau thương, mất mát. Được sống trong hòa bình, tự do luôn là khát vọng của người dân trên trái đất này.

Nắng gió mùa xuân mơn man ấm áp. Mỗi chúng ta hãy sống chậm lại để cảm nhận, để tri ân, để trở về với cội nguồn, để hẹn hò với lịch sử non sông. Để chúng ta cùng đắm mình trong giai điệu Tổ quốc ngọt ngào sâu lắng. Giai điệu hòa bình thống nhất.

Nghe rộn ràng tháng tư tiếng chim chuyền cành trong nắng.

Ký ức chiến tranh qua một bộ ảnh

Từ cuối năm 1970 đến 1975, chàng trai Hải Dương Trần Văn Thông (1942 - 2022) đã rong ruổi khắp chiến trường miền Đông Nam Bộ với chiếc máy ảnh cũ kỹ, ghi lại những khoảnh khắc hào hùng, nơi ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết.



MINH NGUYÊN

LĂN LỘN GIỮA CHIẾN TRƯỜNG KHÓI LỬA

Một chiều cuối xuân tại Hải Dương, sau 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tôi có dịp gặp anh Trần Quang Trí, con trai cố phóng viên chiến trường Trần Văn Thông, quê xã An Châu (Nam Sách) nay là xã An Thượng (TP Hải Dương). Trong chiếc ba lô nặng trĩu trên vai, anh mang theo nhiều tài liệu quý về cha mình, đặc biệt là những album ảnh ông đã chụp suốt 5 năm lăn lộn nơi chiến trường miền Đông Nam Bộ.



Anh Trần Quang Trí lật từng tấm ảnh kể cho con mình về ông nội từng là phóng viên chiến trường

Lật từng trang album, mỗi bức ảnh như một lát cắt của lịch sử, là kỷ vật mà phóng viên chiến trường Trần Văn Thông cất giữ như báu vật suốt mấy chục năm. Điều đặc biệt là tất cả các bức ảnh đều được ông chú thích tỉ mỉ: chụp ở đâu? trận chiến đấu nào? thời gian?... Những bức ảnh ố màu năm tháng ấy đến hôm nay vẫn là những chứng minh sống động của một thời hào hùng, bi tráng.

Sinh ra và lớn lên ở vùng quê Hải Dương, chàng trai Trần Văn Thông nhập ngũ khi vừa tròn 25 tuổi. Trước khi ra chiến trường, ông từng là giáo viên dạy các lớp bình dân học vụ. Trong cuốn nhật ký cũ kỹ, những dòng chữ nhỏ nhắn, ngay ngắn ghi lại chi tiết từng ngày ông hành quân qua bao miền đất lạ. Ngày lên đường, ông chẳng mang theo vật dụng gì quý giá, chỉ vài bộ quần áo cũ với niềm tin sắt đá sẽ cống hiến tuổi xuân cho đất nước, dù phải hy sinh.

Sau những tháng ngày rèn luyện gian khổ, năm 1968, ông được kết nạp vào Đảng tại chiến trường Tây Nguyên và đảm nhiệm công tác tuyên huấn tại đơn vị E33, Đoàn Quyết Thắng, Quân khu 7.

> Ngày trở về quê, ông mang theo hơn 100 bức ảnh quý từ chiến trường, cùng cơ thể đầy thương tích.

Đầu năm 1969, ông được cử đi học nhiếp ảnh tại Trường Thông tấn báo chí miền Nam bên bờ sông Vàm Cỏ Đông. Tuy được đào tạo bài bản nhưng điều kiện thời chiến rất thiếu thốn. Trong nhật ký, ông từng viết: "Mong có một máy ảnh cỡ 24 x 36 mm, ống kính 1.4 để khi thiếu sáng vẫn có thể chụp. Máy có một ống kính chụp xa 3.000 thước, nếu không được thì cũng phải đến 1.000 mét và một ống kính chụp gần...". Trong một trận đánh cuối năm 1970, đơn vị thu được một chiếc máy ảnh của Nhật Bản do lính Mỹ thua chạy để lại.

Có máy ảnh trong tay, ông lập tức xung phong ra gần chiến tuyến để chụp những khoảnh khắc chân thật. Chụp xong, ông lại mau chóng quay về hầm tráng phim. Những lần đầu, ông và đồng đội vật lộn nhiều giờ nhưng phim hỏng, mãi sau mới thành công.

BỘ ẢNH QUÝ

Bộ ảnh của ông Thông hiện còn hơn một trăm bức rõ nét bên cạnh nhiều bức đã ố, rách. Hầu hết ảnh được chụp tại các chiến dịch ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, khu vực sông Thao - Trảng Bom - Biên Hòa (Đồng Nai)... Mỗi tấm ảnh là một câu chuyện, một khoảnh khắc sống động giữa khói lửa chiến tranh, nơi sự sống và cái chết chỉ cách nhau một lằn ranh mỏng manh.

Một trong những bức ảnh ấn tượng nhất là cảnh trận đánh của Đoàn Quyết Thắng E33 tại khu suối Nghệ vào tháng 4/1972, tiêu diệt 315 tên địch và thu nhiều vũ khí. Qua bức ảnh, người xem có thể cảm nhận được sự khốc liệt của chiến tranh, ý chí quyết tâm và tinh thần đoàn kết của quân đội ta.

Có lần, khi đang tác nghiệp ở mặt trận Xuân Lộc, ngã ba chiến lược của quốc lộ 1 và 20, chỉ cách Sài Gòn 80 km, ông bị mảnh đạn găm vào sườn. Dù đau đớn, ông vẫn cố gắng bấm máy để ghi lại những khoảnh khắc anh dũng của đồng đội khi đối mặt với kẻ thù.

Có khi, chỉ vì tiếng "tách" của chiếc máy ảnh phát ra trong rừng sâu mà cả đơn vị suýt bị lộ vị trí. "Ban đêm, tiếng bấm máy có thể khiến cả đơn vị gặp nguy hiểm. Có hôm, mình phải bọc máy bằng khăn dày rồi chụp trong im lặng tuyệt đối", ông Thông ghi lại trong nhật ký.

Không chỉ có bom rơi, đạn nổ, bộ ảnh còn ghi lại những khoảnh khắc bình yên hiếm hoi trong chiến tranh. Hình ảnh nhóm lính trẻ quây quần bên bếp lửa, chia nhau ngụm nước trà, hay một chiến sĩ viết thư dưới gốc cây cổ thụ, ánh nắng xuyên qua tán lá in bóng lên trang giấy nhuốm màu thời gian.

NHỮNG MÙA XUÂN VẮNG NHÀ

Trong nhật ký, ông Thông nhiều lần bày tỏ nỗi nhớ mẹ và quê hương, nhớ những cái Tết, những mùa xuân không về nhà... Ông cùng đồng đội từng trải qua những cái Tết giữa rừng sâu, thiếu thốn trăm bề, chỉ có cơm với muối trắng và rau rừng. Thế nhưng ai cũng lạc quan, vui vẻ với niềm tin sắt đá vào ngày chiến thắng.

Ngày trở về quê, ông mang theo hơn 100 bức ảnh quý từ chiến trường, cùng cơ thể đầy thương tích. Phải mất nhiều năm sau, sức khỏe của ông mới hồi phục phần nào. Nhưng mỗi lần trái gió trở trời, vết thương cũ lại tái phát kéo theo những cơn đau hành hạ.

Sau ngày đất nước thống nhất, ông Thông tuy là thương binh nhưng vẫn tiếp tục nghề dạy học và đam mê nhiếp ảnh. Ông là cộng tác viên tích cực cho nhiều tờ báo, ghi lại những hình ảnh xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới. Năm 1986, ông được kết nạp vào Hội Văn học nghệ thuật Hải Hưng.

Những "cánh đồng 5 tấn" thắng Mỹ



Lực lượng dân quân Hải Dương trực chiến đánh chặn máy bay của Mỹ xâm lược ngay tại cánh đồng *(ảnh tư liệu)*

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phong trào xây dựng "cánh đồng 5 tấn" ở Hải Dương diễn ra sôi nổi, góp phần cùng quân và dân cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

TIẾN MẠNH

VỪA CHIẾN ĐẤU, VỪA SẢN XUẤT

Cụ Vũ Thị Chanh ở thôn Quan Lộc, xã Tiên Động (Tứ Kỳ) năm nay đã 92 tuổi nhưng vẫn nhớ khá chi tiết về bối cảnh sản xuất ở địa phương thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Ngày ấy, dù phải đối diện với nhiều nguy hiểm, gian khổ nhưng ai cũng kiên cường bám ruộng, vừa chiến đấu, vừa hăng hái sản xuất để kịp thời có lương thực chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Khoảng năm 1965 -1966, giặc Mỹ điên cuồng đánh phá miền Bắc, trong đó có tỉnh Hải Dương nhằm phá hoại sản xuất, cơ sở hạ tầng giao thông, công sự, làm gián đoạn các hoạt động chi viện cho chiến trường miền Nam. Chiến đấu cơ của địch gần như ngày nào cũng gầm rú trên bầu trời xã Tiên Động.

Thực hiện chủ trương của Trung ương và tỉnh, nhân dân xã Tiên Động chuyển hướng sản xuất phù hợp với tình hình thời chiến. Một loạt các phong trào thi đua, khẩu hiệu hưởng ứng chủ trương này được nhân dân trong xã hưởng ứng tích cực như: "Vừa sản xuất vừa chiến đấu", "Tay cày tay cấy", "Địch đến là đánh. Địch đi lại tiếp tục sản xuất", "Cánh đồng 5 tấn"...

Giống như bao phụ nữ ở địa phương thời bấy giờ, cụ Chanh động viên chồng xung phong ra trận. Ở hậu phương, cụ gửi các con vào nhà trẻ, cùng chị em phát huy hết tinh thần "Ba đảm đang". Để xây dựng phong trào "Cánh đồng 5 tấn", nghĩa là năng suất lúa đạt 5 tấn/ha, cụ và các xã viên bám sát đồng ruộng, hăng hái cấy cày. Là phụ nữ, nhưng cụ Chanh và nhiều chị em đảm nhận cả cày, bừa... Mỗi lần ra đồng, trên lưng cụ Chanh và nhiều chị em đều đeo khẩu súng được phát, sẵn sàng cùng Tiểu đội dân quân xã nã đạn vào đám máy bay Mỹ bay qua.

Bấy giờ, phân đạm còn ít, để lúa đạt năng suất, cụ Chanh và các xã viên đi bộ sang tỉnh Thái Bình xin bèo hoa dâu về thả vào ruộng lúa. Bèo phát triển sẽ hạn chế cỏ dại, bèo chết trở thành phân bón lúa. Cụ và mọi người còn đi chặt chuối, vớt bèo về ủ làm phân bón cho lúa thêm xanh tốt. Ngày mùa đến, lúa thu hoạch được đưa về sân kho hợp tác xã để đến tối tranh thủ trục thóc ra thóc, rơm ra rơm. Sản xuất vất vả vì mọi công đoạn đều làm thủ công nhưng tinh thần làm việc của mọi người lúc bấy giờ rất hăng say. Hợp tác xã phát động thi đua, người nào làm việc xuất sắc sẽ được tặng nón.

"Chỉ ăn cơm độn khoai sắn với muối trắng, cháy kho nhưng mọi người ai cũng vui vẻ, làm việc hăng say với quyết tâm 1 người làm việc bằng 2. Làm ban ngày không đủ, tranh thủ làm đêm để có đủ lương thực cung cấp cho bộ đội ta ở chiến trường có sức khoẻ đánh Mỹ. Năng suất lúa tăng đều theo từng vụ, đến khoảng năm 1967 - 1968 đạt 5 tấn/ha", cụ Chanh nhớ lại.

Cùng xã Tiên Động, chúng tôi gặp ông Nguyễn Trọng Lượng (72 tuổi, người thôn Hoà Nhuệ). Ông từng tham gia Tiểu đội dân quân xã, bắn rơi máy bay Mỹ vào tháng 8/1972. Ông Lượng cho biết thời ấy máy bay địch ngày nào cũng bay thành từng tốp, gầm rú trên bầu trời nhưng bà con không sợ. Máy bay địch đến, nông dân nhanh chóng xuống hố đào tạm cạnh bờ ruộng trú ẩn. Bà con nào được trang bị súng thì cùng dân quân bắn máy bay địch bay tầm thấp. "Hôm chúng tôi bắn rơi máy bay, bà con ai nấy đều vui mừng, phấn khởi, càng hăng say lao động", ông Lượng nhớ lại.

> Những "cánh đồng 5 tấn" ở Hải Dương một thời đã trở thành biểu tượng của tinh thần yêu nước, góp phần quan trọng cùng quân và dân cả nước làm nên Đại thắng mùa xuân 1975 vĩ đại.

Giữa những năm giặc Mỹ điên cuồng bắn phá Hải Dương, các "Cánh đồng 5 tấn" ở xã Ngọc Châu, huyện Nam Sách (nay thuộc TP Hải Dương) vẫn xanh ngát màu của lúa, ngô, khoai.

Cụ Lê Thị Tiến (90 tuổi, hiện trú tại số nhà 74, đường Lê Viết Quang, phường Ngọc Châu, TP Hải Dương) từng là Xã đội phó xã Ngọc Châu kể: "Ngày nào vào khoảng 8 giờ sáng, hàng đàn máy bay địch cũng kéo đến đánh phá. Chúng không thả bom vào làng hay cánh đồng mà chỉ nhắm vào cầu Phú Lương, đường bộ, đường sắt Hà Nội - Hải Phòng hòng cắt đứt tuyến tiếp viện của quân ta nên người dân vẫn duy trì sản xuất bình thường".

Ban ngày, cụ Tiến cùng các xã viên hợp tác xã nông nghiệp (chủ yếu là phụ nữ vì hầu hết nam giới đã đi bộ đội) tay cày, tay súng xuống đồng với khí thế sục sôi. Máy bay địch tới, mọi người đi trú ẩn, một bộ phận nông dân tham gia chiến đấu, cứu thương. Ban ngày, cụ Tiến tham gia làm cỏ lúa, đào đắp kênh mương, vớt bèo, rong rêu ủ phân bón ruộng, tát nước chăm bón lúa, ngô, khoai.

Các xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp Ngọc Châu tranh thủ tối đa những buổi tối có trăng để đi cấy, đi gặt. Công việc vất vả nhưng ai cũng quyết tâm xây dựng "Cánh đồng 5 tấn" để chi viện cho tiền tuyến. "Mấy năm đầu năng suất lúa thấp, mỗi sào chỉ được 2 thúng thóc. Từ khi có phong trào cánh đồng 5 tấn, năng suất cứ dần tăng lên. Năm 1974, năng suất lúa bình quân ở xã Ngọc Châu đạt hơn 2 tạ/sào, tương đương trên 5 tấn/ha", cụ Tiến kể.

ĐÓNG GÓP LỚN CHO TIỀN TUYẾN

Phong trào xây dựng "cánh đồng 5 tấn" phát triển mạnh ở Hải Dương từ những năm 1966 trở đi. Để nâng cao sản lượng lương thực chi viện cho tiền tuyến, cùng với chăn nuôi gia súc, các hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh chú trọng cải tiến nội dung kế hoạch, phương pháp sản xuất.

Các đội sản xuất ở thôn, xóm được kiện toàn, thực hiện 3 khoán: khoán diện tích, khoán sản lượng, khoán công điểm và chi phí sản xuất. Việc quản lý công điểm, chống tham nhũng, lãng phí được thực hiện chặt chẽ.

Các hợp tác xã cũng tích cực cải tiến tư liệu sản xuất, giảm sức lao động như trang bị cho xã viên cày 5A, cào cỏ Nghệ An, cào cỏ 64A, xe ba gác... Vận động xã viên cấy hết diện tích. Những giống lúa mới, năng suất bắt đầu được mở rộng. Các hợp tác xã hướng dẫn xã viên cấy thẳng hàng, cấy con nhỏ từ 3 - 5 dảnh, 45 - 50 khóm/m^2. Công tác thuỷ lợi được quan tâm, phân bón được tăng cường, bèo hoa dâu được nhiều hợp tác nhân giống, phủ kín từ 60 - 65% diện tích trong vụ đông xuân. Diện tích trồng ngô, khoai, rau xanh dần mở rộng.

Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mỗi năm Hải Dương huy động từ 7 - 10 vạn tấn thóc, 10.000 tấn thịt lợn cho Nhà nước. Riêng năm 1974, toàn tỉnh huy động được 13 vạn tấn thóc. Hải Dương là một trong những tỉnh đóng góp thóc và thịt lợn nhiều nhất cho tiền tuyến.

LÊ ANH PHONG

Ký ức tháng tư

Tháng tư sang
Ký ức ùa về
Cuối xuân ấy quân ta vào thành phố
Nắng mới vui reo ngợp sắc cờ xanh đỏ
Nụ cười ánh mắt hân hoan.
Niềm vui lạ lắm, dễ gì quen
Dồn nén cách chia
Ủ ấp nhớ thương
Vỡ òa phút chốc
Một lời chào chất chứa mấy mươi năm.

Những người lính lấm lem khói bụi đường trường
Ngơ ngác trước căn phòng máy lạnh
(Quen nằm võng không quen giường nệm
Cánh lính xuề xòa, ra mắc võng hiên tây).
Dân lục tục trở về tay lại nắm bàn tay
Dân với lính ngỡ ngàng xây ngày mới
Dọn dẹp phố phường, mừng công, khai hội
Xôn xao non nước tưng bừng.
Phút chốc mà đã mấy mươi năm
Vẫn tươi rói niềm hân hoan ngày ấy
Quà vườn em trao chùm vú sữa
Chùm quả đầu tiên ngọt tới bây giờ.
Chộn rộn ngợp lòng
Ơi ký ức tháng tư!

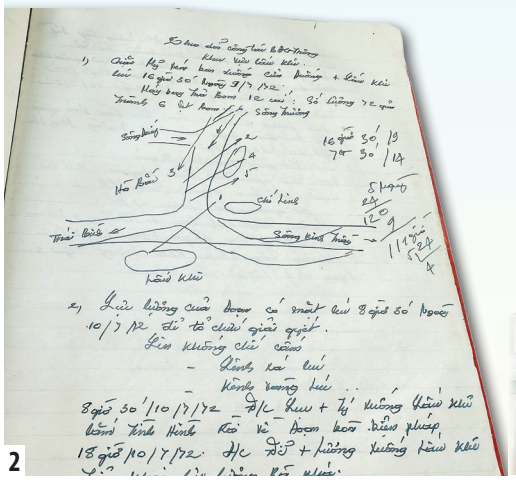


Bảo đảm giao thông thông suốt, góp sức giải phóng miền Nam

Trong khi giặc Mỹ điên cuồng dội mưa bom đánh phá ác liệt nhằm cắt đứt mạch giao thông tiền tuyến - hậu phương, quân và dân Hải Dương đã kiên cường đáp trả, góp phần làm nên Đại thắng mùa xuân 1975.

PHONG TUYẾT







Ảnh 1: **Cầu Lai Vu (Hải Dương) - nơi từng là trọng điểm đánh phá của giặc Mỹ**
Ảnh 2: **Trong nhật ký viết rõ thời điểm Mỹ ném bom, thời điểm ta có mặt xử lý**
Ảnh 3: **Cuốn nhật ký phá bom do đội trưởng Đỗ Quang Lương trao lại được Công ty CP Quản lý đường thuỷ Hải Dương lưu giữ cẩn thận**

LIÊN TỤC BỊ MÁY BAY BẮN PHÁ

Sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ năm 1964, đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh đánh phá miền Bắc. Hải Dương là tỉnh trung tâm vùng đồng bằng Bắc Bộ, có nhiều tuyến giao thông huyết mạch đi qua nên đã phải hứng chịu nhiều đợt đánh phá ác liệt.

Giai đoạn 1965 - 1967, Mỹ tiến hành nhiều trận đánh phá ác liệt, ném hàng nghìn quả bom xuống khu vực cầu Lai Vu, cầu Phú Lương, cầu phao Hàn, cầu phao Cổ Pháp. 34 ngày đêm từ 28/6 đến tháng 8/1967, giặc Mỹ huy động 1.321 lượt máy bay hiện đại đánh phá 71 đợt với 312 điểm, ném 2.649 quả bom các loại.

Cùng với đường bộ, các tuyến đường sông qua Hải Dương trở thành mục tiêu đánh phá của giặc Mỹ, nhất là hệ thống sông Thái Bình, sông lớn thứ 2 ở miền Bắc, là huyết mạch giao thông đường thủy kết nối giữa các cảng biển lớn và các tỉnh phía Bắc.

13 giờ 5 ngày 10/5/1972, đế quốc Mỹ tập trung 36 lượt máy bay ném bom đánh phá 3 khu vực cầu Lai Vu, cầu Phú Lương, thị xã Hải Dương, phong tỏa các cửa sông lớn của tỉnh kết hợp đánh phá với thả bom từ trường. Tiếp đó, chúng thả hàng nghìn tấn bom đạn xuống các đầu mối giao thông, nhà ga, cửa sông, trọng tâm là cầu Lai Vu, Phú Lương, đê tả sông Thái Bình.

BỀN BỈ PHÁ, GỠ BOM MÌN, BẢO ĐẢM GIAO THÔNG THÔNG SUỐT

Những ngày Mỹ điên cuồng đánh phá, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân Hải Dương đã bền bỉ tìm kiếm, phá bom để giữ tuyến giao thông huyết mạch, bảo đảm chi viện cho chiến trường miền Nam.

Với tinh thần bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi tình huống theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, dù bị giặc điên cuồng đánh phá nhiều lần nhưng những cây cầu và các tuyến đường tránh vẫn được Hải Dương sửa chữa kịp thời, bảo đảm giao thông.

Ngày 19/7/1967, tỉnh quyết định thành lập Đoạn Quản lý đường sông Hải Dương trực thuộc Ty Giao thông vận tải Hải Dương để bảo đảm an toàn cho các tàu thuyền đi lại.

Ông Đỗ Quang Lương khi đó là đội trưởng Đoạn Quản lý đường sông Hải Dương. Ông Lương đã mất nhưng cuốn nhật ký những ngày phá bom ông viết đã được đồng đội gìn giữ, trao lại cho Công ty CP Quản lý đường thủy Hải Dương.

Ông ghi lại chi tiết Mỹ ném bom giờ nào, vị trí nào, số lượng bao nhiêu quả, ném thành bao nhiêu vệt, loại bom gì, ký hiệu cánh bom... Chi tiết cả đến giờ, phút ta có mặt và xử lý xong. Những bản đồ đường sông được ông vẽ tay rất khéo.

Trong nhật ký còn viết một danh sách các nội dung giống như chương trình của một lớp tập huấn, gồm tổ chức quan sát theo dõi bom, giới thiệu một số bom đã thả, bom nổ ngay, bom nổ chậm, cách phá gỡ bom trên khô và dưới nước, phương pháp phá thủy lôi...

Có một trang nhật ký ghi lại danh sách đội phá bom gồm 30 người, trong đó có ban chỉ huy, tổ hành chính, cấp dưỡng, y tế, lái trưởng, máy trưởng...

Rất xúc động khi đọc đến đoạn nhật ký giống như biên bản một buổi họp tổ ngày 6/7/1972, đồng chí Nguyễn Văn Mộng được đánh giá: "Sức khỏe yếu, có bệnh nên công tác có hạn chế. Song cũng hoàn thành tốt mọi công tác được giao. Có tinh thần trách nhiệm dũng cảm, có mặt ngay ở vị trí sau khi địch đánh phá".

Đồng chí Phạm Văn Chủng được đánh giá là: "Tinh thần công tác cần cù chịu khó, phân công công tác gì dù khó khăn đến đâu cũng đi làm ngay".

Với nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất và chiến đấu, năm 1972, cán bộ, công nhân viên Đoạn Quản lý đường sông được Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng nhì và lẵng hoa chúc mừng. Cục Đường sông Việt Nam tặng cờ "Tổ dũng sĩ quan sát bom khá nhất". Quân khu ủy Bộ Tư lệnh quân khu Tả ngạn tặng cờ "Đơn vị lập chiến công phá gỡ bom mìn giặc Mỹ".

Ngày nay, các cán bộ, công nhân viên Công ty CP Quản lý đường thuỷ Hải Dương vẫn gìn giữ cuốn nhật ký cùng những huân chương cao quý này.

Ông Nguyễn Hùng, Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty chia sẻ: "Chúng tôi rất tự hào về truyền thống của thế hệ trước đã nỗ lực quên mình, góp sức rà phá bom mìn, góp phần đánh đuổi đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày nay, các thế hệ vẫn đang kế thừa, phát huy truyền thống, tinh thần ấy".

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, quân và dân Hải Dương đã phối hợp cùng bộ đội chủ lực tham gia chiến đấu 2.321 trận, bắn rơi 83 máy bay Mỹ.
Tổng kết cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, tỉnh Hải Dương đã động viên được 125.369 thanh niên lên đường nhập ngũ, 6.113 thanh niên xung phong ra tiền tuyến, trong số đó đã có 26.876 người hy sinh anh dũng và 11.449 người đã để lại một phần xương máu trên khắp các chiến trường.
Có 6.272 người hoạt động kháng chiến và con đẻ nhiễm chất độc da cam/dioxin, trên 4.000 bà mẹ được Nhà nước phong, truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và hàng nghìn người được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương và các phần thưởng cao quý khác.



Ông Mẫn *(bên trái)* cùng cha là cụ Nguyễn Phúc Cường đã từng có cuộc hội ngộ bất ngờ và xúc động dưới tán rừng Trường Sơn thời chống Mỹ *(ảnh tư liệu)*

Bố, con cùng ra trận đánh Mỹ

Để có Đại thắng mùa xuân 1975, có những cặp bố con cùng tham gia chiến dịch, cùng đánh Mỹ.

CẨM GIANG

CHA GẶP CON GIỮA CHIẾN HÀO

Ông Mẫn đã không giữ lời hứa là sẽ cùng tôi pha một ấm trà ngon, hút một điếu thuốc thơm để cùng ngồi xem lễ diễu binh, diễu hành mừng 50 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Vì cách đây chưa lâu, ông đã đi theo cha và những người đồng đội của mình.

Ông Nguyễn Minh Mẫn và cha ông - cụ Nguyễn Phúc Cường, quê ở làng Cao Duệ, xã Nhật Tân (nay là xã Nhật Quang, Gia Lộc) là một trong số ít các cặp cha con ở Hải Dương cùng vào chiến trường đánh Mỹ.

Cụ Nguyễn Phúc Cường sinh năm 1927, từng bước qua 3 cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ rồi chiến tranh biên giới phía Bắc, trở về quê nhà với tỷ lệ thương tật 2/4.

Gần 10 năm ở Chiến khu Việt Bắc, thuộc Trung đoàn Cận vệ 246 anh hùng, căn cứ tình hình trên chiến trường lúc đó, cụ Cường được điều động tham gia trực tiếp chiến đấu trong Đoàn 559 - Bộ đội Trường Sơn. Thời gian ở Việt Bắc, trong các lần về phép, những người con của cụ lần lượt ra đời, có người trong số đó tiếp bước cha lên đường đánh giặc, một lòng dốc sức cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Khi còn sống, cụ Cường đã kể với tôi, qua những lá thư ít ỏi của gia đình, cụ chỉ biết người con trai lớn của mình là ông Mẫn đã vào chiến trường, sẽ "đi B dài", chứ không thể ngờ sẽ có ngày gặp con dưới tán rừng Trường Sơn đậm đặc mùi khói súng.

Ngày đó, ngầm Ta Lê - cửa lửa trên đường 20 Quyết thắng là cửa khẩu tiền tiêu quan trọng nhất của tuyến đường Hồ Chí Minh huyền thoại, nằm giữa Quảng Bình và đất bạn Lào. Là Phó Chính ủy, Chủ nhiệm Chính trị Binh trạm 32, cụ Cường thường xuyên hỏi thông tin về bộ đội Hải Dương. Một lần áp Tết Mậu Thân 1968, chính trị viên lên báo cáo:

- Thưa Phó Chính ủy, có Mẫn là người Hải Hưng mới vào.

Cụ Cường buột miệng:

- Mẫn, quê làng Cao Duệ à?

Ngẩng đầu lên, trước mặt cụ Cường là một chàng lính mới trắng trẻo và gầy, mảnh khảnh. Anh lính ấp úng:



Ông Nguyễn Minh Nhung thắp hương lên bàn thờ bố, cũng là người đồng đội ông từng gặp ở miền Tây trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ

> *Xưa cha đi đánh Pháp*
> *Con còn nhỏ chạy nhìn theo*
> *Nay mái tóc hoa râm dưới vành mũ tai bèo*
> *Cha gặp con giữa chiến hào đánh Mỹ*
> *Nghĩa nặng tình sâu, cha gọi con là đồng chí...*

- Chào thủ trưởng!

Cha con họ đã gặp nhau ở đại ngàn Trường Sơn như thế.

Hồi còn sống, ông Mẫn có kể với tôi: Được binh trạm ưu tiên, mỗi tuần cha con ông được ngủ chung một lần để tâm sự về quê hương, làng xóm, về gia đình, về chiến trận...

Từ Binh trạm 32, năm 1969, cụ Cường được điều động vào Binh trạm 35, còn ông Mẫn đi học quân y ở Bộ Tư lệnh 559. Cha con họ chia tay nhau từ đó.

Khi cuộc chiến tranh chống Mỹ sắp đi vào hồi kết, người lính già Nguyễn Phúc Cường quay về miền Bắc, công tác ở Quân khu 3. Những năm 1978 - 1979, cụ lại cùng đồng đội thuộc một trung đoàn pháo binh đánh quân Trung Quốc, suốt rẻo Tiên Yên, Ba Chẽ (Quảng Ninh). Biên giới phía Bắc bình yên, cụ Cường chuyển sang ngành tòa án thuộc Đặc khu Quảng Ninh cho đến lúc nghỉ hưu.

Và cho đến mãi năm 1982, khi cụ Cường nghỉ hưu, con trai cụ xuất ngũ, họ mới gặp lại nhau.

Sau này trở về, ông Mẫn vẫn đọc những câu thơ: *"Xưa cha đi đánh Pháp/ Con còn nhỏ chạy nhìn theo/ Nay mái tóc hoa râm dưới vành mũ tai bèo/ Cha gặp con giữa chiến hào đánh Mỹ/ Nghĩa nặng tình sâu, cha gọi con là đồng chí/ Rồi mỉm cười nghe kể chuyện quê hương... Hai cha con cùng cười khi bóng tên giặc Mỹ/ Phải gục đầu vì hai thế hệ cha con".*

KHÔNG NHẬN RA BỐ MÌNH

Ngày cha là cụ Nguyễn Văn Nhường vào bộ đội, ông Nguyễn Minh Nhung còn nhỏ.

Ngày ấy, thông tin về chiến trận bay về làng Đích Sơn, Hiệp Hòa (Kinh Môn) còn thưa thớt. Cha vào lính, thông tin về nhà thưa dần rồi im bặt, ai cũng nghĩ cụ Nhường đã hy sinh, vì thế, ông Nhung 5 lần 7 lượt không được xã cho đi bộ đội.

Trong hình dung của mình, ông Nhung luôn nghĩ cha là một người lính trận xông pha, khoác vải dù, vác súng dưới làn mưa mờ mịt lao vào chiến trận rồi mới mỉm cười nằm xuống cỏ. Vì thế, trong câu chuyện dưới gốc đa đầu làng, cậu bé Nhung cũng như chúng bạn của mình đều quả quyết sẽ có một ngày đi bộ đội.

Mãi đến năm 1974, lúc 17 tuổi ông Nhung mới thực hiện được ước nguyện của mình. Và khi đó, ông Nhung chỉ biết cha mình vào bộ đội chứ không biết ở chiến trường nào và còn sống hay đã hy sinh. Sau 3 tháng huấn luyện ở Bến Tắm (Chí Linh), ông Nhung được về nhà ăn Tết, đến ngày mùng 7 tháng giêng thì quay lại đơn vị rồi đi bộ lên ga tàu hỏa Tiền Trung. Đoàn đi một mạch vào Thanh Hóa thì chuyển sang ô tô đi qua Tây Trường Sơn của nước bạn Lào rồi vào miền Tây chiến đấu, thuộc Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 207, Sư đoàn 8, Quân khu 8.

Ông Nhung kể, thời gian ở chiến trường, đơn vị đóng ở giáp Sài Gòn nên quân ngụy tấn công quyết liệt. Có những trận địch đánh nhiều giờ liền không di chuyển được, chỉ nằm rạp dưới tầm pháo bắn ràn rạt trên đầu. Những lúc ấy, ông luôn mong đến ngày giải phóng, dù sống hay chết, còn việc gặp lại cha thì chưa từng nghĩ đến.

Ngày 30/4/1975, dù sát Sài Gòn nhưng ông cùng đồng đội chưa biết đã giải phóng, tất cả vẫn nhận lệnh đi chốt chặn dọc trên lộ 4. Chỉ đến khi thấy bà con kéo ra đường hò reo thì mới biết đã giải phóng Sài Gòn. Khi đó tất cả ôm nhau vui sướng, vì biết rằng ngày về với mẹ đã rất gần.

Một buổi trưa tại Lấp Vò (Đồng Tháp), liên lạc của đơn vị đi cùng một người trung tuổi, gọi ông Nhung đến gặp. Người liên lạc hỏi ông Nhung: Có biết ai đây không?

"Lúc bố đi bộ đội tôi còn nhỏ nên trí nhớ khá lờ mờ. Quả thực không nghĩ đấy là bố, chỉ nghĩ là đồng hương", ông Nhung kể.

Khi người liên lạc nói đây là cha, ông Nhung đứng khựng lại không thốt lên lời, phần vì nghĩ cha đã mất, phần vì cho rằng nếu cha còn sống cũng không có tình huống gặp nhau ở vùng đất vừa là chiến trường này.

Cuộc gặp giữa ông Nhung và cha diễn ra ngắn ngủi, đến chiều thì chia tay. Sau đó, ông Nhung còn một vài lần đến Long An thăm cụ Nhường. Sau này, cụ Nhường làm ở trại cải huấn cho đến lúc giải ngũ rồi mới về quê.

Giải phóng xong ông Nhung tiếp tục đi bảo vệ biên giới Tây Nam, tiến sang Campuchia đánh Polpot giải phóng nước bạn rồi phục viên năm 1981.

Đến giờ, người cha, cũng là đồng đội của mình đã mất, ông Nhung trở thành một người nông dân thực thụ. Cuộc sống dù vất vả, nhưng ông Nhung luôn tâm niệm mình vẫn còn may mắn hơn nhiều đồng đội, đã hơn nửa thế kỷ mà không thể trở về.

Dạy học trước và sau ngày giải phóng

Dù rất khó khăn, thiếu thốn nhưng chuyện dạy học những năm tháng trước và sau ngày giải phóng là những ký ức thấm đẫm tình người.

THẾ ANH







Ảnh 1: **Ông Nguyễn Trọng Khiên *(đầu tiên bên trái)* ở xã Kim Đính (Kim Thành) tự hào khi kể chuyện về giai đoạn chiến sĩ là nhà giáo**
Ảnh 2: **Bà Nguyễn Thị Minh Độ ở phường Thanh Bình (TP Hải Dương) thường xuyên kể cho các cháu về những kỷ niệm dạy học thời chiến**
Ảnh 3: **Bà Vũ Thị Tươi ở xã Quang Minh, nay là Quang Đức (Gia Lộc) với những tấm hình kỷ niệm thời còn dạy học**

ÁNH MẮT TRONG VEO CỦA HỌC TRÒ TRONG HẦM

Nhấp chén trà xanh đặc quánh, bà Nguyễn Thị Minh Độ ở phường Thanh Bình (TP Hải Dương) nhớ lại những năm tháng cả đất nước còn đang trong lửa đạn, nhưng lòng người lại rất ấm áp.

Tốt nghiệp trường sư phạm từ năm 1968, khi ấy cô gái quê gốc Thái Bình mới tròn 18 tuổi và bắt đầu dạy học cấp 2 ở xã Cẩm Đoài (Cẩm Giàng). Sau đó, bà về dạy ở Trường cấp 2 Thanh Bình cho đến khi nghỉ hưu.

Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Hải Dương vẫn hứng chịu không ít đợt ném bom từ không quân Mỹ. Giai đoạn này, việc học trong hầm, trong đình làng, chùa, thậm chí trong nhà dân là chuyện quá đỗi quen thuộc.

Bà Độ nhớ lại một buổi sáng tháng 9/1972, tiếng còi báo động bất ngờ vang lên chói tai. Không ai bảo ai, bà nhanh chóng hướng dẫn các em chui vào hầm. Trong tay bà vẫn là cuốn sách giáo khoa dở dang bài giảng. Một lúc sau, khi tiếng máy bay dần xa, bom ngớt, bà hỏi nhỏ các em có muốn học tiếp không, cả hầm vang lên tiếng "Dạ có". Thế là bà tiếp tục giảng, ngay trong lòng đất, tối, chật, mùi đất ẩm nồng nặc, không bảng đen, không phấn trắng, chỉ có ánh sáng mờ mờ từ chiếc đèn dầu nhỏ và ánh mắt trong veo của học trò.

Bà Độ vẫn nhớ như in khoảnh khắc ngày 30/4/1975, khi nghe tin giải phóng miền Nam, cả cô và trò chạy ra khỏi lớp học hò reo sung sướng hoà chung không khí vui mừng của cả dân tộc.

NHỮNG TRANG VỞ MỚI

Bà Vũ Thị Tươi (sinh năm 1951) ở xã Quang Minh, nay là Quang Đức (Gia Lộc), quê ở xã Hưng Đạo (Tứ Kỳ) cũng từng trải qua giai đoạn dạy học giữa mưa bom như bà Độ.

Năm 1972, bà Tươi tốt nghiệp trường sư phạm và về dạy học tại Trường cấp 2 Tây Kỳ rồi Đại Hợp. Năm 1975, bà chuyển về dạy ở Trường cấp 2 Nhật Tân...

Dù đã 74 tuổi nhưng bà Tươi vẫn nhớ rõ năm học đầu tiên 1975 - 1976 của nước Việt Nam thống nhất cũng là cột mốc không thể quên trong ký ức của hàng triệu thầy cô ở Hải Dương và học trò cả nước.

"Ngày khai giảng năm học đầu tiên, trường không có cờ mới, trống mượn tạm từ hợp tác xã, có bục giảng là mấy viên gạch xếp chồng. Nhưng chưa bao giờ tiếng trống trường lại vang lên thiêng liêng và xúc động đến thế", bà Tươi kể.

Sau giải phóng, cơ sở vật chất trường lớp vẫn còn đơn sơ, thiếu thốn. Bàn ghế tự đóng, bảng đen loang lổ. Sách giáo khoa khan hiếm. Không thiết bị hiện đại, chỉ với cuốn sách giáo khoa cũ, viên phấn và bảng đen nhưng mỗi thầy cô đều giảng bằng cả trái tim.

Đời sống của giáo viên và học sinh rất khó khăn, nghèo khổ, giáo viên vừa là nông dân vừa là học viên. Ban ngày lên lớp, buổi tối học tập chính trị hoặc tự học nâng cao trình độ; buổi trưa hoặc cuối tuần tranh thủ ra đồng lao động cùng hợp tác xã...

> Dù đời sống giáo viên, học sinh muôn vàn khó khăn, tình thầy trò lại chính là nguồn sức mạnh lớn giúp duy trì và phát triển sự nghiệp "trồng người".

Ngày ấy, nhiều học sinh đi học bằng chân đất, áo quần vá chằng chịt, bữa trưa chỉ có củ khoai. Có em sáng đi mò cua, bắt ốc, làm đồng, chiều vội đến trường học. Vậy mà các em học rất chăm chỉ.

Bà Tươi tự hào cho biết 1975 - 1976 là năm học ngành giáo dục cả nước bước vào công cuộc tập huấn, bồi dưỡng giáo viên một cách sâu rộng, khẩn trương và toàn diện. Lực lượng giáo viên được huy động để chuẩn bị cho việc phổ cập giáo dục và hỗ trợ giáo dục tại miền Nam sau giải phóng.

Trong hoàn cảnh thiếu thốn, những lớp tập huấn đơn sơ đã góp phần hình thành nên một thế hệ giáo viên đầy tâm huyết, tận tụy và kiên cường, đồng thời đặt nền móng cho những trang vở đầu tiên của đất nước mới.

GIỮA GIAN KHÓ, TÌNH THẦY TRÒ ẤM ÁP

Dù đã 80 tuổi, ông Nguyễn Trọng Khiên ở xã Kim Đính (Kim Thành) vẫn nhớ giai đoạn trò chân đất, thầy cơm độn bo bo, khoai, sắn, nhưng tình cảm thì dạt dào. Năm 1968, ông Khiên tạm gác giáo án để nghe theo tiếng gọi của Tổ quốc. Ông không thể quên khoảnh khắc gần 12 giờ trưa 30/4/1975 tại Củ Chi, ông cùng đồng đội hò hét, dùng súng bắn chỉ thiên hết đạn để ăn mừng chiến thắng.

Sau giải phóng, ông Khiên được điều về đơn vị cải huấn sĩ quan quân ngụy tại Trảng Lớn, Tây Ninh. Tháng 9/1976, ông trở về quê nhà tiếp tục dạy học tại Trường cấp 1+2 Kim Anh (Kim Thành). Năm 1977 về Trường cấp 1 Kim Đính, tại đây, ông lần lượt được bổ nhiệm là Phó Hiệu trưởng, Hiệu trưởng cho đến năm 2005 thì nghỉ hưu. Ngoài nhiều bằng khen của UBND tỉnh, ông Khiên còn được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt là danh hiệu Nhà giáo Ưu tú năm 2002. Đến nay, ông Khiên đã có 20 năm gắn bó với công tác khuyến học và hiện là Chủ tịch Hội Khuyến học huyện Kim Thành.

Ông Khiên nhớ trong bối cảnh cơ sở vật chất còn nghèo nàn, đời sống giáo viên, học sinh muôn vàn khó khăn, tình thầy trò lại chính là nguồn sức mạnh lớn giúp duy trì và phát triển sự nghiệp "trồng người".

Học sinh giúp thầy cô trộn đất trát tường, lợp mái, san nền, trồng rau cải thiện bữa ăn. Có lớp học tạm bị mưa làm sập, hôm sau cả trường ra đồng xin rạ, lấy tre về dựng lại lớp. Trò mang rạ, thầy gánh nước, cô nấu cơm.

Có học sinh nghèo chỉ có một bộ quần áo, không có vở, dép, thầy cô xé vở cũ của mình đóng lại, quyên góp mua áo, dép tặng. Có thầy cô giáo ốm, cả lớp thay nhau nấu cháo chăm sóc như người nhà...

Nhìn lại những năm tháng gian khó, ai cũng xúc động. Những nhà giáo trưởng thành từ thời chiến giờ tóc đã bạc chính là những người đặt viên gạch đầu tiên cho nền móng giáo dục thời hậu chiến, thắp những ngọn lửa sáng cho nền giáo dục tỉnh nhà.



Tự hào những người vợ anh hùng liệt sĩ

Để có đất nước hòa bình, độc lập, biết bao người vợ phải hy sinh hạnh phúc riêng tư, nhất là những người vợ của các anh hùng liệt sĩ.

LAN NGUYỄN

CHỒNG HY SINH, MỘT MÌNH GỒNG GÁNH NUÔI 4 CON THƠ

Một chiều cuối tháng tư, chúng tôi đến thăm bà Lê Thị Thảnh, sinh năm 1935 ở thôn Kim Can, xã Thanh Lang (Thanh Hà) là vợ liệt sĩ Nguyễn Công Chinh.

Năm 1968, nghe theo tiếng gọi của Tổ quốc, ông Nguyễn Công Chinh đã để lại người vợ trẻ và 4 đứa con thơ để lên đường vào chiến trường miền Nam. Trước ngày đi, ông từ đơn vị về thăm vợ và các con. Rồi kể từ đó, ông vĩnh viễn không bao giờ trở về nữa.

Dù đã 90 tuổi, nhiều chuyện đã quên nhưng bà Thảnh vẫn nhớ ngày nhận giấy báo tử của chồng. Đó là một buổi chiều tháng 6/1972, khi bà Thảnh đón các con từ nhà trẻ về thì nhận được tin chồng mình đã hy sinh tại chiến trường miền Nam vào tháng 1/1970. "Hai tay ôm 2 con, tôi rụng rời khụy xuống, đầu óc quay cuồng rồi chẳng nghĩ được gì. Nước mắt cứ trào ra vì thương chồng, xót con và thương cả chính mình", bà Thảnh nhớ lại.

Bà Thảnh kể từ khi chồng nhập ngũ đến khi nhận tin chồng hy sinh, bà chỉ nhận được duy nhất một lá thư chồng gửi về từ chiến trường. Thư ông Chinh gửi về, ai đọc cũng khóc. Cả bức thư dài mấy trang nhưng không hề kể về khó khăn, gian khổ. Ông chỉ tâm sự về hoàn cảnh thời chiến và những chiến sĩ cùng vào sinh ra tử ở chiến trường. Cuối thư ông không quên dặn vợ ở nhà giữ sức khỏe, chăm sóc các con thay chồng.

Gạt nước mắt, bà Lê Thị Thảnh nghẹn ngào cho biết chính niềm tự hào khi chồng hy sinh để bảo vệ Tổ quốc là động lực mạnh mẽ giúp bà và các con có thêm nghị lực vượt qua khó khăn, thương nhớ. Đến nay, 4 người con của liệt sĩ Nguyễn Công Chinh và bà Lê Thị Thảnh đều đã trưởng thành. Các cháu, chắt trong nhà đều ngoan ngoãn, hiếu thảo.

TIN ĐẦU TIÊN VỀ CHỒNG LÀ TỜ GIẤY BÁO TỬ

Trong thời chiến, vợ những người lính luôn giàu đức hy sinh, sự can trường, chịu thương, chịu khó. Những người vợ liệt sĩ lại càng vất vả hơn hết, bởi một lúc họ phải gánh vác nhiều trọng trách, vừa làm dâu, làm mẹ, làm cha nhưng chưa bao giờ họ than vãn.

Bà Trần Thị Đót, sinh năm 1939 ở thôn Đồn Bối, thị trấn Nam Sách là vợ liệt sĩ Nguyễn Văn Thúy. Bà Đót nghẹn ngào nhớ lại: Năm 1965, ông Thúy tái ngũ vào chiến trường miền Nam, để lại cho bà 2 người con nhỏ, trong đó người con thứ hai mới được 2 tháng tuổi. Để vợ yên tâm, ông Thúy không nói mình tham gia vào chiến trường miền Nam mà chỉ nói vào Quảng Bình rồi dặn vợ yên tâm ở nhà nuôi con, ông đi một thời gian ngắn sẽ về.

> Trong thời chiến, những người vợ liệt sĩ lại càng vất vả hơn hết, bởi một lúc họ phải gánh vác nhiều trọng trách, vừa làm dâu, làm mẹ, làm cha.

Dù không muốn xa chồng nhưng bà Đót phải cố nén nước mắt để chồng yên tâm lên đường. Cũng từ ngày đó, bà Đót đăng đẳng chờ tin chồng trong vô vọng. Đến năm 1973, thông tin đầu tiên về chồng bà nhận được lại là tin báo tử. Ông Thúy đã hy sinh vào tháng 8/1973 tại chiến trường miền Nam.

Nhận tin dữ, nỗi đau như xé nát trái tim người vợ trẻ. Nhìn 2 đứa con thơ dại, bà Đót tự nhủ phải mạnh mẽ vượt qua để thay chồng nuôi dạy các con trưởng thành.

Thế nhưng cuộc sống không phải lúc nào cũng êm đềm. Người con gái thứ hai của bà bị bệnh bại não từ khi còn nhỏ. Đến năm 1998, người con trai cả cũng mất vì bị u não. Nỗi đau chồng lên nỗi đau, nhiều đêm dài, bà Đót cùng cô con dâu lặng lẽ khóc, giấu kín nỗi buồn vào sâu thẳm trái tim, gạt nước mắt, động viên nhau phải mạnh mẽ hơn vì các con, các cháu.

Trải qua bao vất vả, đến nay các cháu nội của bà Đót đều đã thành đạt, công tác tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

LÀM VỢ 20 NGÀY, MỘT ĐỜI THỜ CHỒNG

Trong căn nhà nhỏ, bà Nguyễn Thị Cách, sinh năm 1950 ở thôn Bình Đê, xã Gia Phúc (Gia Lộc) ngồi lặng lẽ với đôi mắt ngấn lệ ngắm nhìn tấm ảnh duy nhất của mình chụp với chồng là liệt sĩ Đặng Thanh Bình quê ở xã Kim Sơn, huyện Đông Triều (Quảng Ninh).

Bà Cách nhớ lại, ông Bình nhập ngũ năm 1972. Sau khi hòa bình lập lại, ông về phép. Qua mai mối, năm 1976, hai người làm lễ cưới. Cưới nhau tròn 20 ngày thì ông Bình tái ngũ.

Đó là ngày cuối tháng 10/1976, bà cùng người thân tiễn ông Bình ra bến phà Bính (Hải Phòng) để vào Nam. Trước khi phà rời bến, ông chỉ dặn dò vợ: "Em ở nhà nhớ giữ sức khỏe, hoàn thành nghĩa vụ anh về với em".

Người vợ trẻ ở nhà ngóng trông chồng về. Cuộc sống vợ chồng quá ngắn ngủi, ông Bình nhập ngũ khi chưa kịp để lại cho bà Cách đứa con. Lời hứa trở về của chồng vẫn luôn khoắc khoải trong mỗi giấc ngủ, trong nỗi trống vắng, cô đơn dài dằng dặc của người vợ trẻ. Rồi đến một ngày hè năm 1978, giữa cái nắng gắt, bà Cách như chết lặng khi nhận được giấy báo tử từ đơn vị của chồng gửi về. Ông Bình đã hy sinh vào tháng 7/1978 tại tỉnh Tây Ninh.

Những năm sau đó, dù nhiều người ngỏ ý muốn cùng bà xây dựng gia đình nhưng bà Cách đều từ chối. Bởi thế, gần 50 năm qua, bà Cách vẫn một mình giữ nguyên tình yêu son sắt, thủy chung với người chồng liệt sĩ.

Không cùng nơi sinh ra, không cùng tuổi tác nhưng bà Thảnh, bà Đót và bà Cách cùng với bao người phụ nữ Việt Nam khác đều đã gói lại niềm riêng, gạt tình yêu sang một bên để chồng lên đường bảo vệ Tổ quốc. Đó là đức hy sinh cao đẹp của phụ nữ Việt Nam trong các cuộc kháng chiến trường kỳ bảo vệ Tổ quốc và cả trong thời bình.



Lịch sử không chỉ là ký ức

ĐỨC ANH

Ngày 30/4 năm ấy, cả dân tộc Việt Nam vỡ òa trong hạnh phúc, khi đất nước nối liền một dải, Bắc - Nam sum họp, giang sơn thu về một mối. Trang sử hào hùng ấy, dù đã lùi xa nửa thế kỷ vẫn không hề mờ phai trong tâm khảm của mỗi người con đất Việt.

Chiến thắng ấy là công lao của cả dân tộc, không phân biệt già - trẻ, Bắc - Nam, hậu phương - tiền tuyến. Đó là máu xương của hàng triệu người đã ngã xuống, là giọt nước mắt của mẹ già tiễn con ra trận không ngày trở về, là bao tháng năm cơ cực của nhân dân ta trong mưa bom đạn lửa vẫn kiên gan một lòng vì Tổ quốc. Đó còn là ý chí gang thép của những chiến sĩ trên đường hành quân, của những cô gái thanh niên xung phong xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, mang theo tuổi xuân đẹp nhất để góp phần viết nên khúc hùng ca thống nhất.

Chiến thắng 30/4 không chỉ là chiến công của người Việt Nam mà còn là niềm tự hào chung của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới.

Nửa thế kỷ trôi qua kể từ ngày non sông liền một dải, đất nước Việt Nam đã bước vào thời kỳ mới - thời kỳ hòa bình, vươn mình phát triển. Những thành tựu hôm nay chính là sự tiếp nối tinh thần 30/4 dũng cảm, đoàn kết và không ngừng vươn tới.

Chiến thắng ấy là sự hy sinh của bao lớp người đi trước, những người đã ngã xuống khi tuổi đời còn rất trẻ, khi mộng ước còn dang dở. Họ ra đi không đòi hỏi một sự ghi công, không mong được nhớ đến bằng tên gọi mà chỉ khắc khoải một điều, đất nước phải độc lập, nhân dân phải tự do, con cháu mai sau phải được sống trong hòa bình và hạnh phúc.

Chính vì thế, mỗi người trong chúng ta, nhất là thế hệ trẻ hôm nay càng phải khắc ghi và biết ơn lịch sử. Dù có theo đuổi bất kỳ ngành nghề nào, dù sống nơi thành thị phồn hoa hay miền quê yên bình thì vẫn phải hiểu rằng gốc rễ của tất cả những điều đó là lịch sử, là máu xương, là mồ hôi nước mắt của cả dân tộc trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước.

Hiểu về lịch sử không chỉ để tự hào mà còn để sống xứng đáng với những gì cha ông đã đánh đổi.

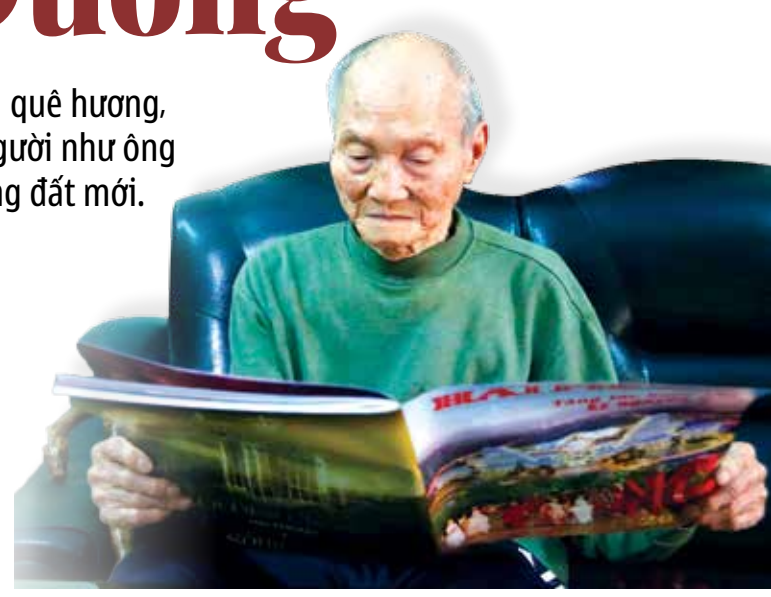
Chúng ta đã và đang tiếp nối con đường mà cha ông đã mở - con đường của độc lập, tự do và phát triển. Dù chặng đường phía trước còn nhiều gian nan nhưng với tinh thần đại thắng mùa xuân, với niềm tin sắt son vào sức mạnh dân tộc, Việt Nam sẽ tiếp tục vươn mình mạnh mẽ, hội nhập sâu rộng, khẳng định vị thế trên trường quốc tế như cách chúng ta đã làm cách đây 50 năm.

Tháng tư lại về. Trên những con đường rợp bóng cờ hoa, trong ánh mắt rạng ngời của những người lính già, trong từng câu chuyện lịch sử được kể lại cho thế hệ trẻ, chúng ta cảm nhận rõ ràng rằng mốc son 30/4/1975 mãi sống động trong từng nhịp đập của hiện tại.

Tập kết ra Bắc, rồi gắn bó với Hải Dương

Tập kết ra Bắc không chỉ là hành trình rời xa quê hương, mà còn là hành trình vì Tổ quốc. Có những người như ông Nguyễn Minh lặng lẽ gắn đời mình vào vùng đất mới.

LINH LINH



Ông Nguyễn Minh, người cán bộ lão thành 95 tuổi đời, 75 năm tuổi Đảng quê Phú Yên, hiện sống ở phường Bến Tắm (TP Chí Linh)

TỪ CHUYẾN TÀU CUỐI CÙNG ĐẾN NHỮNG NGÀY Ở XƯỞNG TÀU HẢI PHÒNG

Sau Hiệp định Geneva năm 1954, rất nhiều người con miền Nam đã tập kết ra Bắc, mang theo lý tưởng cách mạng, niềm tin vào ngày thống nhất non sông. Có người trở về sau ngày giải phóng, có người hy sinh và cũng có người ở lại. Câu chuyện của ông Nguyễn Minh, cán bộ lão thành 95 tuổi đời, 75 năm tuổi Đảng quê Phú Yên, hiện sống ở TP Chí Linh (Hải Dương) là như thế.

Câu chuyện đời ông như thước phim đen trắng chậm rãi, lặng lẽ nhưng xúc động.

Sinh năm 1930 tại xã An Định, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, ông Nguyễn Minh đã sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1955, khi đang là Bí thư chi bộ hoạt động bí mật tại quê nhà thì ông bị lộ, Huyện ủy quyết định đưa ông ra Bắc tập kết. Ông lên chuyến tàu cuối cùng từ Quy Nhơn (Bình Định), con tàu mang theo cả cán bộ và nhân dân, chẳng ai biết điểm đến là đâu, chỉ biết rằng tương lai phía trước gắn liền với hai chữ "Tổ quốc".

"Lúc đó chỉ biết phải đi, đi để giữ mình, để giữ lấy cơ hội đấu tranh tiếp. Cảnh chết chóc ở quê ám ảnh lắm. Vụ thảm sát Ngân Sơn - Chí Thạnh tang thương lắm", ông Minh nhớ lại.

Tàu đưa ông đến Hải Phòng, rồi trung ương tập hợp cán bộ về Đình Bảng (Bắc Ninh) dự lớp huấn luyện ngắn ngày. Từ đó, ông lần lượt được điều đi Sơn La, Thái Nguyên rồi về công tác tại Hải Phòng từ tháng 7/1956.

Tại Hải Phòng, ông nhận nhiệm vụ tại Xưởng ráp tàu Liên Xô, tiền thân của Xưởng đóng tàu số 4 Hải Phòng. Từ vị trí cán bộ tổ chức nhân sự, ông tiếp tục tham gia xây dựng Nhà máy đóng tàu Bạch Đằng. Trước khi nghỉ hưu, ông giữ chức Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy nhà máy, là báo cáo viên Thành ủy Hải Phòng.

MỐI DUYÊN GIỮA NÔNG TRƯỜNG VÀ NGHĨA TÌNH SÂU ĐẬM VỚI HẢI DƯƠNG

Trước khi tập kết ra Bắc, ông đã có vợ và hai con ở quê. Người con trai cả là anh Nguyễn Xuân Cảnh cũng tập kết ra Bắc vào năm 1960 để theo học tại trường học sinh miền Nam ở Đông Triều (Quảng Ninh). Sau này, khi biết mẹ ở quê đi bước nữa, anh Cảnh đã nhắn ba rằng: "Ba cứ lấy vợ đi, má ở nhà lấy chồng, có con rồi".

> Giờ đây, câu chuyện của ông Nguyễn Minh như lời nhắc nhở sâu sắc: Tổ quốc không chỉ là một địa danh, mà là nơi trái tim mình thuộc về.

Năm 1972, khi ông sơ tán lên vùng Văn Đức, rồi qua nông trường Chí Linh thì gặp bà Vũ Thị Thanh Mai (quê ở Nam Định), một y tá góa chồng, đang nuôi ba người con. Duyên gặp gỡ như sợi chỉ đỏ lặng lẽ mà bền chặt, kết nối hai mảnh đời nhiều tổn thương với nhau.

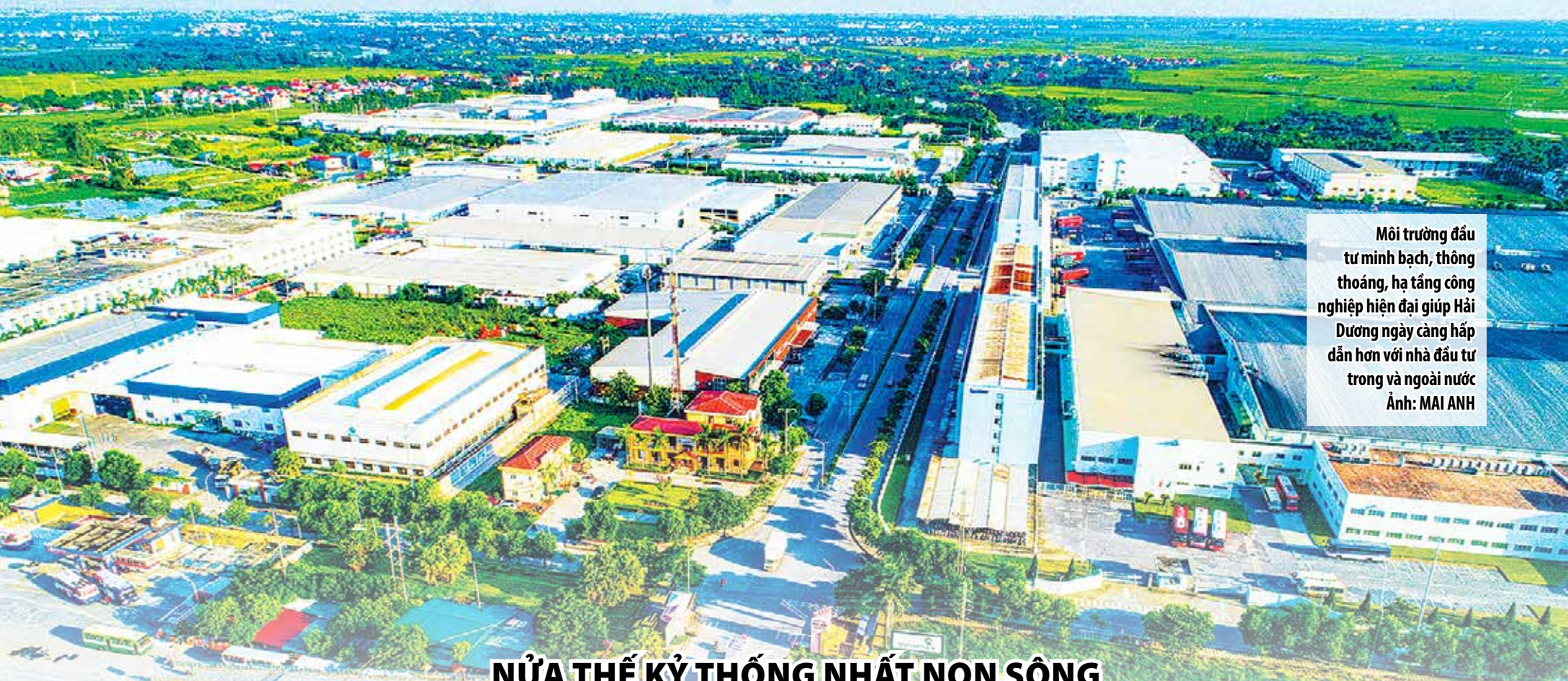
Đầu năm 1975, chỉ 3 tháng trước ngày đất nước thống nhất, ông Minh và bà Mai tổ chức đám cưới giản dị tại thị trấn nông trường Chí Linh. Sau hôn lễ, năm 1976, ông bà sinh thêm một người con chung là chị Nguyễn Thị Vân Anh. "Các con, các cháu tôi thương nhau như anh em ruột thịt, mừng lắm chứ", ông Minh nói.

Dù đã chọn Hải Dương làm nơi an cư lạc nghiệp, ông Minh vẫn không quên quê hương Phú Yên nắng gió. Sau khi kết hôn cùng bà Mai, trong những năm còn khoẻ, ông thường xuyên trở về thăm quê cũ, thăm người thân, anh em, bạn bè và cả mảnh đất đã in hằn dấu chân ông suốt bao năm hoạt động cách mạng. Và các con của ông, dù sinh ra ở những miền khác nhau, mang những giọng nói riêng nhưng đều luôn xem ông là điểm tựa tinh thần.

Năm 1991, ông Minh nghỉ hưu. Sau đó, ông vẫn tiếp tục tham gia sinh hoạt Đảng tại địa phương, là đảng viên gương mẫu trong các hoạt động phong trào, đặc biệt quan tâm tới công tác giáo dục thế hệ trẻ và giữ mối liên hệ bền chặt với tổ chức Đảng nơi cư trú. Bà Mai, người bạn đời, người đồng chí của ông đột ngột qua đời năm 2018.

Ở tuổi 95, ông vẫn minh mẫn, theo dõi thời sự và cập nhật tin tức trên báo hằng ngày mà không cần dùng kính, có sự kiện gì quan trọng ông lại ghi chép vào sổ tay. Trên tường nhà ông Minh có nhiều tấm ảnh của gia đình, bằng khen, Huy hiệu Đảng.

Phong trào tập kết ra Bắc sau Hiệp định Geneva là bước chuẩn bị chiến lược cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào đã rời miền Nam để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị cho một ngày non sông liền dải. Nhưng bên cạnh mục tiêu cách mạng, phong trào này còn đọng lại những câu chuyện cảm động về sự gắn bó giữa người Nam và đất Bắc, như chính duyên phận giữa ông Minh và bà Mai.



Môi trường đầu tư minh bạch, thông thoáng, hạ tầng công nghiệp hiện đại giúp Hải Dương ngày càng hấp dẫn hơn với nhà đầu tư trong và ngoài nước
Ảnh: MAI ANH

NỬA THẾ KỶ THỐNG NHẤT NON SÔNG

Công nghiệp Hải Dương bứt phá mạnh mẽ

50 năm non sông thống nhất cũng là chừng đó năm công nghiệp Hải Dương vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn, vươn lên bứt phá mạnh mẽ.

HÀ KIÊN - MINH NGUYỆT

TỪNG BƯỚC MỞ RỘNG SẢN XUẤT

Năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, mở ra một kỷ nguyên độc lập, hòa bình và phát triển.

Tuy nhiên, Hải Dương cũng như nhiều địa phương khác ở miền Bắc bước ra từ chiến tranh với nhiều tổn thất, cơ sở vật chất lạc hậu, sản xuất phân tán, quy mô nhỏ lẻ.

Năm 1975 là năm kết thúc kế hoạch 2 năm khôi phục và phát triển kinh tế theo Nghị quyết số 22-NQ/TW của Trung ương Đảng, đồng thời là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I. Đến năm 1976, năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch nhà nước 5 năm 1976 - 1980, trước yêu cầu của cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, trên cơ sở những chỉ tiêu đề ra trong nông nghiệp, tỉnh đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương.

Các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh như Nhà máy Sứ Hải Dương, Nhà máy Xay Hải Dương, Nhà máy Đá mài Hải Dương, Nhà máy Chế tạo bơm, Xí nghiệp Bao bì được đầu tư mở rộng cả về quy mô và trang thiết bị máy móc. Đặc biệt, đầu năm 1984, Nhà máy Xi măng Hoàng Thạch thuộc xã Minh Tân (Kinh Môn) sau hơn 7 năm xây dựng đã xuất xưởng những bao xi măng đầu tiên. Đây là một trong những nhà máy xi măng có công suất lớn nhất Việt Nam thời đó.

Kết thúc giai đoạn 1975 - 1980, công nghiệp của tỉnh có nhiều chuyển biến. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng từ 30,906 triệu đồng năm 1975 lên 136,459 triệu đồng năm 1980. Những ngành có mức tăng trưởng cao như công nghiệp cơ khí, vật liệu xây dựng và chế biến lương thực, thực phẩm.

Những năm trước đổi mới, ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Hải Dương đã chủ động liên kết kinh tế với các xí nghiệp ở trung ương và tỉnh bạn. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 1981 - 1985 tăng bình quân 6%/năm, trong đó khu vực quốc doanh tăng 2,5%, tiểu thủ công nghiệp tăng 6,6%. Tuy nhiên, tốc độ phát triển công nghiệp còn chậm, hàng hóa nghèo nàn, chất lượng thấp.

Từ năm 1986, khi công cuộc đổi mới bắt đầu, tư duy phát triển kinh tế của Hải Dương dần thay đổi. Tỉnh bắt đầu chú trọng đến sản xuất công nghiệp, từng bước nâng cao năng lực, tận dụng, khai thác tiềm năng, lợi thế sẵn có của tỉnh. Một số cụm công nghiệp ven quốc lộ 5 từng bước hình thành.



Sau nửa thế kỷ, công nghiệp Hải Dương từ quy mô nhỏ lẻ đã bứt phá, tăng trưởng mạnh mẽ với hàng loạt dự án lớn, hàm lượng công nghệ cao

Đặc biệt, ngày 29/12/1987, tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa VIII đã thông qua Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Những năm sau đó, từ một số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) quy mô nhỏ, tổng số vốn đăng ký chưa đầy 10 triệu USD, Hải Dương đã từng bước chứng minh là điểm đến hấp dẫn nhà đầu tư quốc tế khi dần tiếp nhận hàng chục dự án FDI khác, với tổng số vốn hàng trăm triệu USD.

HỘI NHẬP VÀ THU HÚT FDI

Một trong những doanh nghiệp FDI đầu tư rất sớm tại Hải Dương giai đoạn hội nhập quốc tế là Tập đoàn Ford Motor của Mỹ với dự án Nhà máy Ford Hải Dương.

Khởi đầu với nhà máy lắp ráp xây dựng trên diện tích hơn 30 ha tại thị trấn Lai Cách (Cẩm Giàng), số vốn đầu tư hơn 100 triệu USD, sau gần 30 năm, Ford Việt Nam luôn là doanh nghiệp FDI có mức đóng góp rất cao vào ngân sách tỉnh. Tính riêng năm 2024, doanh nghiệp này đã đóng góp hơn 4.634 tỷ đồng, cao nhất trong các doanh nghiệp.

Giai đoạn 2006 - 2010, dòng vốn FDI đổ về Hải Dương lên tới gần 1.970 triệu USD, tính cả vốn đăng ký mới và vốn tăng thêm, với tổng 151 dự án. Giai đoạn này, số dự án FDI mở rộng sản xuất, tăng vốn liên tục tăng.

> Với sự bứt phá mạnh mẽ, môi trường đầu tư minh bạch, thông thoáng, hạ tầng công nghiệp hiện đại giúp Hải Dương ngày càng hấp dẫn hơn với nhà đầu tư.

Chỉ tính riêng năm 2006, một năm đặc biệt với số vốn FDI lên đến 663,6 triệu USD, gần bằng tổng lượng vốn FDI của 10 năm trước đó cộng lại.

Đầu tư tại Hải Dương từ năm 2006, Công ty TNHH Điện tử Iriso Việt Nam ở khu công nghiệp Tân Trường (Cẩm Giàng) luôn giữ nhịp tăng trưởng doanh thu đều qua các năm. Từ đó nâng mức thu nhập của người lao động hiện tại lên bình quân 9,5 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 35,71% so với 5 năm trước.

"Chúng tôi đã đúng khi chọn Hải Dương là địa điểm đầu tư. Chính quyền tỉnh và các cơ quan chức năng đã thể hiện rõ sự đồng hành, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp nói chung, khối FDI nói riêng. Các vướng mắc về hạ tầng giao thông, nguồn điện, thủ tục hành chính đều được lắng nghe và có biện pháp giải quyết, đóng góp không nhỏ vào thành công chung của doanh nghiệp chúng tôi", ông Tsuzuranuki Hiroshi, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Điện tử Iriso Việt Nam nói.

Hành trình hội nhập và thu hút vốn đầu tư của Hải Dương những năm qua đã ghi nhận kết quả tích cực. Trong số 32 khu công nghiệp được phê duyệt phát triển đến năm 2030, có 18 khu đã được thành lập, tổng diện tích quy hoạch gần 3.000 ha. 12 khu công nghiệp trong số này, tổng diện tích gần 1.700 ha đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thu hút nhà đầu tư thứ cấp.

Lũy kế đến tháng 4/2025, toàn tỉnh có 426 dự án đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp, trong đó 332 dự án FDI, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 6,7 tỷ USD, 94 dự án đầu tư trong nước (DDI), tổng vốn đăng ký khoảng 20.234 tỷ đồng, tương đương khoảng 784 triệu USD (theo giá quy đổi ngày 14/4).

Toàn tỉnh đã thành lập 60 cụm công nghiệp, tổng diện tích hơn 3.050 ha. Trong đó, 32 cụm thu hút nhà đầu tư thứ cấp với hơn 400 dự án, tổng số vốn đăng ký khoảng 10.000 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy hơn 80%.

Hải Dương là một trong những tỉnh thu hút dòng vốn FDI hàng đầu cả nước. Thời gian tới, Hải Dương dự kiến sẽ hợp nhất với TP Hải Phòng. Việc hợp nhất này có thể tạo ra những chuỗi giá trị công nghiệp lớn hơn, như sản xuất ô tô, cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, chế biến hay hàng loạt dự án công nghiệp công nghệ cao khác.

Một khu vực công nghiệp năng động, bền vững, hiện đại sẽ sớm hình thành, giúp tỉnh viết tiếp câu chuyện phát triển công nghiệp trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5 VÙNG THỦ ĐÔ

Mở rộng không gian phát triển

Là trục giao thông trọng điểm quốc gia, vành đai 5 vùng Thủ đô qua Hải Dương có ý nghĩa quan trọng, giúp kết nối, mở rộng không gian phát triển vùng.



Quy hoạch đường vành đai 5 ***(nguồn internet)***

HÀ NGA

PHẦN QUA HẢI DƯƠNG DÀI NHẤT TOÀN TUYẾN

Đường vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội là tuyến giao thông chiến lược được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 561/QĐ-TTg ngày 18/4/2014, Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 1/9/2021 quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050. Đây không chỉ là tuyến cao tốc quốc gia quan trọng mà còn đóng vai trò là "mạch máu" kết nối 8 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hòa Bình, Hà Nam, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Giang, Thái Nguyên và Vĩnh Phúc.

Toàn tuyến được quy hoạch với tổng chiều dài 331 km, quy mô đường ô tô cao tốc 4 - 6 làn xe. Theo kế hoạch, đến năm 2030, toàn tuyến sẽ được xây dựng với quy mô tối thiểu 4 làn xe theo tiêu chuẩn đường ô tô cao tốc và quốc lộ. Sau năm 2030, toàn tuyến tiếp tục thực hiện theo quy mô quy hoạch.

Vành đai 5 vùng Thủ đô đi qua 7 huyện, thành phố của Hải Dương gồm: Ninh Giang, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Thanh Hà, Nam Sách, TP Hải Dương và TP Chí Linh với chiều dài 52,7 km. Hải Dương cũng là tỉnh có tuyến vành đai 5 vùng Thủ đô đi qua dài nhất so với các địa phương còn lại.

Tại Hải Dương, tuyến đường vành đai 5 vùng Thủ đô từ vị trí vượt sông Luộc (nối tiếp địa phận tỉnh Thái Bình) đi trùng đường trục Bắc - Nam tỉnh Hải Dương đến đường tỉnh 392, rồi chạy song song với quốc lộ 38B.

Tại xã Ngọc Kỳ (nay là xã Kỳ Sơn, Tứ Kỳ), tuyến giao với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, gần khu công nghiệp Hưng Đạo. Từ đây, tuyến đi tránh TP Hải Dương về phía đông và đi trùng với đường vành đai 2 đã quy hoạch của TP Hải Dương.

Hết đường vành đai 2, tuyến đi theo hướng bắc giao với quốc lộ 5 tại phía tây cầu Lai Vu. Sau đó, đi song song quốc lộ 37 về phía đông và nhập vào đi trùng đường ô tô cao tốc Nội Bài - Hạ Long (quy hoạch) đoạn Côn Sơn - Kiếp Bạc khoảng 11,8 km đến nút giao quốc lộ 37 và tiếp tục đi theo hướng bắc song song với quốc lộ 37 về phía tây sang tỉnh Bắc Giang.

Theo phương án đề xuất đầu tư, đoạn tuyến qua Hải Dương sẽ được xây dựng theo quy mô đường cao tốc 6 làn xe, bề rộng nền đường 33 m. 9 km trùng với đường trục Bắc - Nam của tỉnh sẽ được nâng cấp, mở rộng đủ quy mô nền đường 33 m. Các đoạn còn lại xây mới theo quy mô đồng bộ.

Đoạn tuyến qua Hải Dương dự kiến sẽ có 4 nút giao tại các vị trí giao cắt: km 135 (giao đường tỉnh 396B, cầu Hiệp), km153 (giao với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng), km167 (giao quốc lộ 5) và km187 (giao đường ô tô cao tốc Nội Bài - Hạ Long). Trên tuyến đường còn có các cầu lớn vượt sông Luộc, sông Cửu An, Bắc Hưng Hải, Thái Bình và sông Kinh Thầy, chiều dài cầu từ 254 m đến hơn 1.500 m.

"MẮT XÍCH" QUAN TRỌNG GIẢM TẢI CHO CÁC QUỐC LỘ HIỆN HỮU

Nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng, là cửa ngõ phía đông của Thủ đô Hà Nội, Hải Dương hội tụ nhiều tiềm năng trở thành nơi kết nối giao thương, trung tâm logistics toàn vùng. Trong mạng lưới giao thông, Hải Dương được ví là "mắt xích" quan trọng và với vành đai 5 vùng Thủ đô cũng vậy.

Theo Sở Xây dựng Hải Dương, đường vành đai 5 vùng Thủ đô đoạn qua địa bàn tỉnh Hải Dương có vị trí, vai trò là trục Bắc - Nam của tỉnh, kết nối các trục giao thông quốc gia chính gồm đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, quốc lộ 5, quốc lộ 18 và đường ô tô cao tốc Nội Bài - Hạ Long. Việc triển khai đầu tư đoạn tuyến này sẽ phân bổ lưu lượng cho quốc lộ 18, quốc lộ 5 vào đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, hỗ trợ giải quyết tình trạng quá tải phức tạp về an toàn giao thông cho các quốc lộ 5, 37, 38, 17B và 18, góp phần mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương, thúc đẩy liên kết vùng và thu hút đầu tư.

Tuyến đường không chỉ góp phần hoàn thiện hạ tầng giao thông mà còn là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương. Hiện toàn tỉnh có hơn 20 khu công nghiệp và hơn 60 cụm công nghiệp. Khi tuyến đường hoàn thành sẽ tăng khả năng kết nối các khu, cụm công nghiệp trong tỉnh với các tỉnh lân cận.

Tháng 2/2022, UBND tỉnh Hải Dương có văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai 5 vùng Thủ đô đoạn qua địa bàn tỉnh. Theo tính toán sơ bộ, tổng mức đầu tư cho dự án trên địa bàn Hải Dương khoảng 23.390 tỷ đồng, trong đó chi phí giải phóng mặt bằng khoảng 3.150 tỷ đồng, xây lắp và chi phí khác 18.400 tỷ đồng, dự phòng 1.840 tỷ đồng.

Tuy nhiên, nguồn lực của tỉnh không đủ để thực hiện đầu tư xây dựng toàn bộ các hạng mục của dự án. Tỉnh đề nghị được giao làm chủ đầu tư đoạn tuyến này, đồng thời kiến nghị Trung ương hỗ trợ vốn xây lắp, ngân sách địa phương sẽ đảm nhận phần giải phóng mặt bằng.

Việc sớm triển khai dự án không chỉ góp phần giảm tải áp lực giao thông trên các tuyến quốc lộ hiện hữu mà còn mở rộng không gian phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Hải Dương hiện nay và phù hợp chủ trương hợp nhất các địa phương, thúc đẩy phát triển liên vùng đồng bằng sông Hồng.

> Trong mạng lưới giao thông, Hải Dương được ví là "mắt xích" quan trọng và với vành đai 5 vùng Thủ đô cũng vậy.



Một đoạn đường trục Bắc - Nam sẽ trùng với đường vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội

Giúp công nhân hưởng lợi

Cùng với nỗ lực phát triển sản xuất, nhiều doanh nghiệp ở Hải Dương luôn quan tâm chăm lo các chế độ phúc lợi, tạo môi trường tốt để công nhân hưởng lợi.



Nhiều doanh nghiệp ở Hải Dương luôn quan tâm thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động để giúp họ yên tâm làm việc và nâng cao chất lượng cuộc sống. *Trong ảnh:* Công nhân Công ty TNHH Quốc tế công nghệ kỹ thuật Haichuang (Ninh Giang) trong giờ làm việc

QUYẾT NGA

DOANH NGHIỆP VỀ LÀNG, GIÚP CÔNG NHÂN AN CƯ LẠC NGHIỆP

Không chỉ tập trung trong các khu, cụm công nghiệp, nhiều doanh nghiệp, nhất là những doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài về làng đã tạo điều kiện cho nhiều lao động địa phương không phải đi làm xa mà vẫn có mức thu nhập ổn định, bảo đảm chất lượng cuộc sống.

Công ty TNNH Sees Vina ở xã Minh Đức (Tứ Kỳ) 100% vốn đầu tư Hàn Quốc, chuyên sản xuất, gia công các mặt hàng quần áo, găng tay thể thao xuất khẩu. Đây là ngành nghề phù hợp với lao động phổ thông, nhất là phụ nữ, kể cả những người đã luống tuổi.

Về địa phương xây nhà máy đến nay đã 16 năm, công ty hiện thu hút hơn 2.000 lao động, trong đó phần lớn là người trong huyện. Hiện công ty vẫn duy trì mức sản xuất tốt, bảo đảm mức lương từ 7 - 10 triệu đồng/người/tháng. Môi trường làm việc và mức lương phù hợp đã thực sự trở thành điểm dừng chân lý tưởng để người lao động an cư lạc nghiệp.

"Tôi đã làm việc ở đây được hơn 9 năm, mọi thứ thực sự phù hợp với những phụ nữ như tôi khi vừa có thu nhập ổn định, không phải đi xa, có điều kiện chăm sóc gia đình", chị Nguyễn Thị Thu, quê ở huyện Tứ Kỳ đang làm việc trong công ty chia sẻ.

Về làng được gần 20 năm, Công ty TNHH May mặc Makalot Việt Nam (100% vốn đầu tư Đài Loan, Trung Quốc) hiện đứng chân tại xã Thanh Hải (Thanh Hà) đã thực sự trở thành "ngôi nhà thứ 2" của nhiều lao động địa phương. Công ty hiện có hơn 6.000 công nhân thì có đến 5.000 người ở huyện Thanh Hà.

> Bên cạnh việc bảo đảm chế độ tiền lương, hiện nay nhiều doanh nghiệp ở Hải Dương còn thực hiện những chính sách đãi ngộ ưu việt với người lao động.

Với phương châm coi người lao động là tài sản quý, thời gian qua, công ty đã thực hiện tốt chế độ chính sách, bảo đảm mức lương bình quân của người lao động đạt 10 triệu đồng/tháng. Đây là mức cao so với thu nhập của lao động phổ thông tại các địa phương hiện nay ở Hải Dương. Bên cạnh đó, mỗi năm, công ty dành từ 18 - 20 tỷ đồng cho các hoạt động phúc lợi như trao tặng sổ tiết kiệm, tổ chức du lịch, khám sức khỏe định kỳ và các chương trình văn hóa thể thao.

Ông Kevin Lee, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH May mặc Makalot Việt Nam cho biết, công ty luôn coi người lao động là tài sản của doanh nghiệp. Ngoài việc tạo môi trường làm việc hiện đại, thoải mái, công ty còn duy trì chính sách thưởng tháng lương thứ 13 và nhiều chế độ đãi ngộ khác nhằm tri ân sự nỗ lực của người lao động.



Công nhân Công ty TNHH May mặc Makalot Việt Nam hào hứng tham gia giải thể thao tại công ty

Tại Hải Dương có không ít doanh nghiệp lớn về làng như 2 công ty nói trên. Điển hình như các Công ty TNHH: May Tinh Lợi ở xã Nguyên Giáp (Tứ Kỳ), Sumidenso Việt Nam ở xã Nghĩa An (Ninh Giang), Michigan Hải Dương ở phường Tân Dân (Chí Linh)... Đáng mừng là người lao động làm trong các công ty này đều có mức thu nhập ổn định, thậm chí còn cao so mặt bằng chung, giúp người lao động an cư lạc nghiệp.

CHĂM LO ĐỜI SỐNG

Bên cạnh việc bảo đảm chế độ tiền lương, hiện nay nhiều doanh nghiệp ở Hải Dương còn thực hiện những chính sách đãi ngộ ưu việt. Công ty TNHH Long Hải (TP Hải Dương) là một trong những đơn vị tiêu biểu của tỉnh trong thực hiện các hoạt động an sinh xã hội hướng đến người lao động. Những năm qua, doanh nghiệp này luôn duy trì nhiều chế độ, đãi ngộ cao hơn so quy định của Bộ luật Lao động. Điển hình như khen thưởng thường niên, đột xuất, hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn, việc cưới, việc tang...

Các chế độ đãi ngộ cho người lao động được doanh nghiệp hiện thực hoá thông qua thoả ước lao động tập thể. Thoả ước này gồm nhiều nội dung có lợi hơn cho người lao động so với pháp luật quy định. Điển hình doanh nghiệp hỗ trợ các công nhân có hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo, lao động nữ nghỉ thai sản với các mức từ 500.000 đồng - 5 triệu đồng/trường hợp (tuỳ thuộc vào hoàn cảnh)...

Chị Nguyễn Thị Hiên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đang làm việc tại Công ty TNHH Long Hải. Chị chỉ cao 1,2 m, sức yếu nên được doanh nghiệp sắp xếp cho làm công việc phù hợp để lo cho gia đình. "Chồng tôi mắc bệnh hiểm nghèo nhiều năm nay nên kinh tế khá eo hẹp. Mọi chi phí trong nhà và nuôi 2 con ăn học hầu như do tôi gánh vác. Được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của công đoàn và công ty nên tôi có việc làm ổn định để chăm lo gia đình. Tôi rất cảm động trước sự quan tâm này", chị Hiên chia sẻ.

Theo đại diện Liên đoàn Lao động tỉnh, những năm qua, các cấp công đoàn đã làm tốt vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp và người lao động, đặc biệt phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp làm tốt việc chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Đến nay đã có hơn 72% số doanh nghiệp nơi có tổ chức công đoàn cơ sở thực hiện thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, trong đó nhiều bản thỏa ước có những điều khoản có lợi cho người lao động.

Sự quan tâm của doanh nghiệp đối với người lao động chính là tiền đề để người lao động yên tâm gắn bó, phát huy trong công việc, giúp doanh nghiệp phát triển, góp phần vào sự phát triển chung của địa phương.

HỒNG NHUNG

Mỗi sớm mai thức dậy, tôi lại nghe âm thanh xôn xao vọng lên từ con ngõ nhỏ. Tiếng máy xay bột rì rì, tiếng chổi tre quét nhẹ sân gạch, tiếng mẹ gọi con dậy đi học, tiếng mấy bà trong xóm gọi nhau í ới chuẩn bị gánh hàng ra chợ. Những thanh âm quen thuộc ấy len lỏi vào từng nếp nhà, đánh thức một ngày mới bằng nhịp điệu cần mẫn của lao động đời thường.

Lao động tưởng là điều bình dị, giản đơn nhưng kỳ thực, lao động là vẻ đẹp ẩn sâu trong từng nếp nhăn trên tay mẹ, từng hạt mồ hôi thấm ướt lưng áo cha, từng ánh mắt lấp lánh hy vọng của người công nhân bên giàn máy, từng bước chân cần cù của bác nông dân trên cánh đồng lúa đang thì con gái. Lao động là vinh quang, đáng được trân trọng.

Những "bữa ăn đặc biệt" của công nhân

Những năm qua, nhiều doanh nghiệp trong tỉnh vẫn duy trì những "bữa ăn đặc biệt" để bổ sung dinh dưỡng, tái tạo sức lao động cho công nhân.





Lãnh đạo Liên đoàn Lao động tỉnh ăn cơm cùng người lao động *(ảnh trên)*. "Bữa ăn đặc biệt" tại Công ty TNHH May Tinh Lợi có giá trị gấp đôi so với ngày thường *(ảnh dưới)*

ĐỖ QUYẾT

THỰC ĐƠN PHONG PHÚ

11 giờ trưa hằng ngày, gần 1.000 công nhân, lao động của Công ty TNHH Công nghệ Nissei Việt Nam lần lượt có mặt tại phòng ăn tập thể. Trong khay là những món ăn nóng hổi được nhà bếp chế biến, bày biện đẹp mắt, sạch sẽ. Điều đặc biệt, đây là bữa ăn có giá trị cao nhất trong tháng nên thực đơn phong phú, đa dạng và giàu dinh dưỡng hơn. Sau khi lấy thức ăn theo nhu cầu, từng nhóm công nhân bắt đầu dùng bữa trong không khí vui vẻ.

Chị Nguyễn Thị Hồng Bích, công nhân Công ty TNHH Công nghệ Nissei Việt Nam chia sẻ: "Suất ăn hôm nay của chúng tôi gồm có cơm trắng, tôm biển, thịt gà, rau xào, canh cua và sữa chua tráng miệng. So với ngày thường thì thực đơn hôm nay có nhiều món và giàu dinh dưỡng hơn. Tôi mong công đoàn và doanh nghiệp tiếp tục có nhiều chính sách chăm lo đến đời sống của người lao động".

"Bữa ăn đặc biệt" được Công ty TNHH Công nghệ Nissei Việt Nam duy trì hằng tháng nhằm bổ sung dưỡng chất cho người lao động sau những giờ làm việc căng thẳng. Mỗi suất ăn có giá khoảng 50.000 đồng, cao gấp đôi so với ngày thường. Để giúp người lao động ngon miệng hơn, nhà bếp thường xuyên thay đổi thực đơn. Nguyên liệu chế biến cũng được nhập tại các cơ sở sản xuất uy tín có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng nhằm bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, doanh nghiệp này chưa từng xảy ra tình trạng công nhân bị ngộ độc thực phẩm.

Công ty TNHH May Tinh Lợi hiện có khoảng 20.000 lao động, nhiều nhất tỉnh. Những năm qua, doanh nghiệp này luôn chú trọng nâng cao chất lượng bữa ăn giúp công nhân có đầy đủ sức khoẻ để lao động, sản xuất. Doanh nghiệp đang duy trì bữa ăn ca hằng ngày cho người lao động với giá khoảng 25.000 đồng. Vào những dịp đặc biệt, doanh nghiệp nâng chất lượng bữa ăn lên gần 50.000 đồng/suất.

Các khẩu phần ăn được chế biến đa dạng với hơn 10 món khác nhau. Đồ tráng miệng là hoa quả, sữa chua hoặc sữa tươi. Ngoài ra, công ty còn hỗ trợ hoàn toàn các chi phí như điện, nước cho đơn vị cung cấp dịch vụ nên định mức suất ăn không bị ảnh hưởng.

Làm việc với Công đoàn Công ty TNHH May Tinh Lợi chúng tôi nhận thấy họ coi người lao động là tài sản quý giá của doanh nghiệp. Do đó, việc chăm lo đời sống cho công nhân luôn được lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm. "Bữa ăn đặc biệt" là dịp để doanh nghiệp tri ân người lao động, tạo không khí đoàn kết, gắn bó.

GẮN KẾT, SẺ CHIA

Hiện nay, nhiều đơn vị, doanh nghiệp đã tổ chức bữa cơm công đoàn, "bữa cơm đặc biệt" với sự tham gia của các cấp lãnh đạo. Đây là ý tưởng hay, thiết thực đem lại sự gắn kết, sẻ chia giữa người sử dụng lao động và người lao động. Sau một thời gian triển khai hoạt động này đã nhận được sự quan tâm và phản hồi tích cực từ các cấp, ngành và công nhân.

Công ty CP Dây và cáp điện Taya Việt Nam là doanh nghiệp tiêu biểu ở huyện Cẩm Giàng trong việc chăm lo đời sống cho người lao động. Từ năm 2019 đến nay, doanh nghiệp luôn duy trì "bữa ăn đặc biệt" vào thứ tư hằng tuần với sự tham gia của các cấp lãnh đạo. Không chỉ bổ sung dinh dưỡng, bữa ăn này còn là dịp để người lao động bày tỏ những tâm tư, nguyện vọng hay những khó khăn, vướng mắc trong quá trình lao động, sản xuất. Nhiều khúc mắc đã được lãnh đạo công ty nắm bắt, giải quyết kịp thời giúp người lao động yên tâm, gắn bó làm việc.

Theo ông Phan Quang Trung, Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Dây và cáp điện Taya Việt Nam, doanh nghiệp hiện có 104 cán bộ, công nhân. Để bảo đảm sức khoẻ cho người lao động, công ty luôn quan tâm đến chất lượng bữa ăn. Thay vì thuê đơn vị ngoài, doanh nghiệp chủ động lựa chọn nguyên liệu và trực tiếp nấu ăn. Khẩu phần ăn được thay đổi liên tục theo ý kiến đóng góp của người lao động. Đặc biệt, vào thứ tư hằng tuần, công đoàn sẽ tổ chức "bữa ăn đặc biệt" với thực đơn phong phú hơn nhằm bổ sung dưỡng chất cho các cán bộ, công nhân.

"Bữa ăn đặc biệt được công đoàn tổ chức trong không khí vui vẻ, cởi mở, gắn kết. Người lao động rất phấn khởi khi tham gia hoạt động này. Đây còn là dịp để lãnh đạo công ty, công đoàn cơ sở nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động. Từ đó, đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả lao động, sản xuất", ông Trung chia sẻ.

> "Bữa ăn đặc biệt" còn là dịp để người lao động bày tỏ những tâm tư, nguyện vọng hay những khó khăn, vướng mắc trong quá trình lao động, sản xuất.

Lao động là vinh quang

Tôi vẫn còn nhớ như in hình ảnh ông ngoại ngồi đan rổ, rá dưới gốc cau khi tôi còn nhỏ. Đôi tay ông chai sạn nhưng đều đặn, chắc nịch khiến mỗi sản phẩm ông làm ra chắc chắn, đẹp đẽ. Ông nói với tôi: "Làm gì cũng phải yêu việc mình làm. Cái rổ, cái rá, cái thúng là dụng cụ lao động rất cần thiết của nhà nông". Tôi ngồi bên, mê mẩn ngắm bàn tay ông.

Rồi lớn lên, đi nhiều nơi, gặp nhiều người, tôi càng thấm thía lời ông. Từ người thợ xây thầm lặng dựng lên bao mái ấm, đến cô giáo miệt mài bên bảng đen phấn trắng hay những chị công nhân cần mẫn bên từng đường kim, mũi chỉ, đến anh kỹ sư ngày đêm canh cánh với những công trình. Mỗi người một nghề, một nỗi lo toan, nhưng điểm chung là ai cũng đang nỗ lực để mang lại điều tốt đẹp không chỉ cho riêng mình.

Có người nói, lao động là gánh nặng nhưng trong lời dạy từ thuở nhỏ của ông đã khiến tôi nhận ra lao động là cách con người "gieo hạt no ấm và hy vọng". Làm việc không chỉ để nuôi thân mà còn là cách mỗi người thể hiện tình yêu với cuộc sống, với gia đình, với quê hương đất nước. Chúng ta yêu lao động không chỉ bởi kết quả tạo ra, mà còn bởi hành trình tạo nên giá trị.

Ngày nay, giữa nhịp sống hiện đại, giá trị của lao động càng trở nên sâu sắc. Máy móc, rô bốt có thể thay thế phần nào sức người, nhưng không thay được khối óc sáng tạo, trái tim nhiệt huyết và tinh thần bền bỉ của người lao động. Trong từng công trình hiện đại, trong từng sản phẩm xuất khẩu mang thương hiệu Việt đều có mồ hôi, trí tuệ và cả niềm tự hào của bao con người đang ngày đêm làm việc.

Với tôi không gì đẹp bằng hình ảnh người nông dân đi giữa cánh đồng lúa chín vàng, bao la bát ngát, hít một hơi thật sâu cảm nhận màu vàng no ấm. Đó là thành quả của lao động, của một nắng hai sương trên mỗi cánh đồng quê hương. Không gì xúc động bằng khoảnh khắc người công nhân tan ca trở về, lau vội mồ hôi trên trán, dang rộng vòng tay ôm con nhỏ vào lòng. Họ không đợi ai vinh danh.

Nhân Ngày Quốc tế lao động 1/5, tôi muốn dành lời tri ân sâu sắc tới những con người đang ngày đêm âm thầm lao động. Những người thợ, người nông dân, giáo viên, công nhân, lái xe, bác sĩ... mỗi người là một mảnh ghép của bức tranh xã hội, nơi vinh quang đến từ sự bền bỉ, trách nhiệm và tình yêu trong công việc.

Từ thiếu úy Việt Nam Cộng hòa trở thành nhà báo cách mạng

Cuộc đời nhà báo Lưu Đình Triều từ một thiếu úy Việt Nam Cộng hòa trước 1975 đến một nhà báo cách mạng mang một cái kết có hậu.

MINH HẠNH



Nhà báo Lưu Đình Triều *(áo sẫm màu - ảnh to)* và nhà sưu tập Huỳnh Minh Hiệp tìm hiểu về lịch sử báo chí. Ảnh nhà báo Lưu Đình Triều *(bên phải - ảnh nhỏ)* cùng cha của ông là nhà báo Lưu Quý Kỳ chụp tháng 5/1975, khi gặp lại nhau sau 21 năm xa cách

TÔI CHỌN Ở LẠI

Nhà báo Lưu Đình Triều, năm nay 72 tuổi, từng công tác nhiều năm ở Báo Tuổi trẻ trước khi nghỉ hưu. Ông là con của nhà báo Lưu Quý Kỳ, nguyên Vụ trưởng Vụ Báo chí Ban Tuyên huấn Trung ương, nguyên Tổng Thư ký Hội Nhà báo Việt Nam.

Trưa 30/4/1975, ông Lưu Đình Triều rũ bỏ súng ống, cùng người dân ra đường mừng hòa bình, bất chấp những lời đồn đại không tốt đối với những sĩ quan "phía bên kia" như ông. Trong niềm vui hòa bình, ông mong có cơ hội tìm được cha mẹ mình, dù trong tâm trí ông hình ảnh cha mẹ rất mơ hồ.

"Hồi đó, những bạn bè là công chức, là sĩ quan như tôi lo sợ nhưng không trốn tránh cải tạo. Bởi nếu có trốn thì họ đã trốn từ trước 30/4 rồi. Khoảng 28 - 29/4, bạn tôi cũng kêu tôi xuống Sài Gòn có trực thăng chở ra tàu rồi di tản. Tôi nói, tôi ở với chị, với ngoại chứ không đi. Nhưng trong thâm tâm tôi lúc đó là ở lại để sẵn sàng gặp lại ba má mình, dù phải trả bất cứ giá nào", ông Triều kể.

Cuộc đời của ông Lưu Đình Triều gắn với những mốc lịch sử của đất nước, với cuộc đời làm cách mạng của ba má ông.

Năm 1954, từ Cà Mau, ba má ông tập kết ra Bắc, để lại hai chị em ông đều còn rất nhỏ ở lại. Chị gái ông 3 tuổi và ông lúc đó chỉ mới hơn 1 tuổi. Ngay sau đó, ông được bà ngoại đưa về Biên Hòa nuôi cho ăn học. Ông lớn lên luôn tự ti mình là trẻ mồ côi, sống với bà ngoại.

"Tôi và chị phải ở lại, sau đó bà ngoại mới đưa về Biên Hòa. Khi bà đưa về thì cảnh sát tới hỏi: Cháu bà con Việt cộng đúng không? Bà ngoại tôi cũng thừa nhận nhưng nói ba má tôi chết hết rồi. Nhiều năm sau chị em tôi mới làm được "Thế vì khai sanh" (giấy khai sinh) và trong đó ghi rõ là: chết cha chết mẹ, trẻ mồ côi".

Như bao thanh niên ở Biên Hòa, ở Sài Gòn và các đô thị miền Nam lúc đó, ông Triều cũng không tránh khỏi phải đi quân dịch. Trước ngày ông đi lính cho chế độ cầm quyền, bà ngoại cho ông biết, cha mẹ của ông là cán bộ cách mạng, cha ông chính là nhà báo cách mạng Lưu Quý Kỳ.

Ông Lưu Đình Triều kể: "Năm 1972, mùa hè đỏ lửa, lúc đó họ ra lệnh tổng động viên cả sinh viên, hạ tuổi tuyển quân để bắt đi lính. Lúc đó ngoại tôi nói chuyện là ba má con làm cách mạng như vậy mà con đi lính vầy là không được, giờ phải trốn thôi. Nhưng trốn chỗ nào bây giờ, tìm tới tìm lui không có chỗ trốn. Lúc đó trốn quân dịch mà bị bắt thì phải đi lao công đào binh, dễ chết hơn nữa, thành ra đành đi. Vô lính thì do là sinh viên đại học nên họ cho đi học Trường Sĩ quan bộ binh Thủ Đức. Thật ra lúc đó mắt tôi cận đến 6 độ rồi, cứ tưởng không bị đi lính nhưng cuối cùng vẫn bị đi".

Năm 1975, ông Lưu Đình Triều là thiếu úy Việt Nam Cộng hòa. Tháng 4/1975, ông được lệnh xuống các đơn vị ở Long Thành để hướng dẫn cách chống xe tăng của Việt cộng. "Tôi ở Sư đoàn 7 bộ binh, học rồi xin về tiểu khu Biên Hòa. Đầu tháng 4/1975, tôi được lệnh phải xuống Long Thành dạy kỹ thuật chống tăng trong thành phố. Nhưng chưa kịp xuống thì xe tăng của cách mạng đã vào đến Xuân Lộc. Trước 30/4 mấy ngày thì tình hình đã náo loạn, tôi vào đơn vị vứt hết đồ đạc rồi về nhà".

Cách mạng Việt Nam chiến thắng, miền Nam hòa bình, đất nước thống nhất, chế độ Việt Nam Cộng hòa sụp đổ. Giữa những hỗn loạn của đô thị, số phận những người lính "phía bên kia" như ông Lưu Đình Triều chưa biết ra sao. Ông vẫn chọn từ chối di tản, ở lại miền Nam.

> Cuộc đời ông Lưu Đình Triều cũng chính là một minh chứng sống động cho kết quả tốt đẹp của những quyết định đúng - quyết định ở lại góp phần xây dựng thành phố, xây dựng đất nước sau chiến tranh, không di tản để lệ thuộc xứ người...

"Tổ chức lễ kỷ niệm chiến thắng vào ngày 15/5 ở ngay trước hội trường Thống Nhất bây giờ. Hôm đó, bà ngoại tôi nói, người ta tổ chức lễ, ba con chắc sẽ có vô, con đi tìm đi, cứ đến đó, thấy ai quay phim chụp ảnh thì lại mà hỏi thăm nhà báo Lưu Quý Kỳ. Tôi xuống Sài Gòn mà đông quá không thể vô nổi. Trên đường Nguyễn Thị Minh Khai, lúc đó là Hồng Thập Tự có đoàn xe tăng chuẩn bị vô diễu hành và có một anh bộ đội đang chụp ảnh, tôi chạy lại hỏi thăm thì anh ấy đang tác nghiệp nên chỉ kịp đưa cho tôi tờ báo Giải Phóng và kêu theo địa chỉ đó mà tìm. Tôi đến báo tìm thì người ta kêu về đi rồi ba anh vô. Tôi về nhà, đang ngủ thì chị tôi kêu dậy ba về. Tức là ba tôi dự lễ xong thì mới về nhà. Ba tôi hỏi phải con là Lưu Hà, là Đình Triều không? Chị tôi lao đến ôm ba và khóc".

TÔI CHỌN TRỞ THÀNH NHÀ BÁO CÁCH MẠNG

Ngày gặp lại ba, cảm xúc của ông Lưu Đình Triều thật khó tả. Mừng thì khỏi nói rồi nhưng xen lẫn đó là mặc cảm. Ông mặc cảm vì ba là Việt Minh, còn mình là sĩ quan Việt Nam Cộng hòa.

"Thật ra lần đầu gặp ba, tôi cứ nhào tới là ôm, cứ nghĩ người ruột thịt của mình đây. Nhưng mà khi ôm rồi thì tôi sực nhớ ra ba là dân Việt cộng. Hồi đó cứ quen gọi là Việt cộng, còn mình thì từng là sĩ quan Việt Nam Cộng hòa, nên tôi ngần ngại, chỉ dám vuốt vuốt tay ba".

Sau đó, ông Triều đi cải tạo 6 tháng rồi về làm ở một xí nghiệp sản xuất, tham gia phong trào thanh niên và ông chọn trở thành một nhà báo cách mạng bằng chính quyết tâm, năng lực của mình. "Hai cha con ngồi với nhau, ba tôi hỏi, con muốn làm gì? Dạ, con muốn làm báo. Tại sao con thích làm báo? Sau này mới hiểu trong đầu ông nghĩ rằng chắc con cũng muốn dựa hơi ba. Nhưng lúc đó tôi trả lời: Dạ, vì con hay đọc báo rồi viết báo và thậm chí không có tiền mua báo, con phải đi xếp báo dạo để được đọc báo. Ông suy nghĩ một hồi rồi nói: Thôi, con không đủ tiêu chuẩn chính trị và kinh nghiệm không có. Con là sĩ quan chế độ cũ, con phải đi làm công nhân để thay đổi cuộc đời con".

Ông Lưu Đình Triều còn nhớ, vài năm lao động sản xuất và tham gia các phong trào tích cực nên ông được kết nạp đoàn, được tuyên dương đoàn viên ưu tú. Và một hôm đọc được thông báo tuyển sinh lớp báo chí, ông Triều mạnh dạn làm đơn.

"Tôi đọc báo thấy tuyển sinh lớp đào tạo báo chí ở Trường Tuyên huấn Trung ương nên tôi cũng làm đơn xin thi. Vừa vô thi thì tự nhiên ba tôi lại vô, ông nói: Ba đã từng nói con không đủ tiêu chuẩn làm báo mà. Tôi nói, con đủ tiêu chuẩn mà ba. Ông im lặng rồi kêu: Tùy con!"

Sau này, học xong báo chí ở Trường Tuyên huấn Trung ương (tiền thân của Học viện Báo chí và Tuyên truyền ngày nay), ông về làm tại Báo Tuổi trẻ và bút danh Lưu Đình Triều chắc không xa lạ gì với bạn đọc.



Mang vẻ đẹp hoang sơ và hùng vĩ, núi Tao Phùng là một trong những ngọn núi nổi tiếng ở Bà Rịa - Vũng Tàu

5 hành trình thú vị kết hợp du lịch TP Hồ Chí Minh dịp 30/4

THANH BÌNH (tổng hợp)

Nhân dịp 50 năm thống nhất đất nước, nhiều du khách đến TP Hồ Chí Minh để chứng kiến lễ diễu binh, diễu hành và tham gia nhiều hoạt động kỷ niệm đặc biệt.

Du khách có thể kết hợp tham quan một số địa danh lân cận, khởi hành từ TP Hồ Chí Minh với phương tiện linh hoạt, không mất nhiều thời gian di chuyển trong kỳ nghỉ lễ 30/4 và 1/5.

MŨI NÉ, BÌNH THUẬN



Chạy xe ATV trên đồi cát Mũi Né (Bình Thuận)

Với gần 3 tiếng di chuyển bằng ô tô theo cao tốc CT01, Mũi Né là điểm đến thích hợp cho chuyến đi cuối tuần và ngắn ngày xuất phát từ TP Hồ Chí Minh. Mũi Né có cảnh đẹp, đồ ăn ngon, nhiều khu nghỉ dưỡng biển có giá cả hợp lý.

Du khách xuất phát từ TP Hồ Chí Minh, ghé qua TP Phan Thiết thăm một số địa điểm như khu di tích trường Dục Thanh, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy học; dinh Vạn Thủy Tú, nơi có bộ xương cá voi lớn nhất Đông Nam Á; ăn đặc sản lẩu thả.

Ở Mũi Né, du khách ngoài tắm biển, ăn hải sản, không nên bỏ qua đồi cát trắng (Bàu Trắng) với nhiều trải nghiệm đi xe jeep hay xe ATV, hải đăng Kê Gà, suối Tiên, làng chài Mũi Né.

HỒ TRÀM, BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Vũng Tàu là điểm đến phổ biến cho du khách kết hợp du lịch ở TP Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, cần lưu ý TP Vũng Tàu sẽ rất đông đúc vào những ngày cuối tuần và lễ, Tết. Du khách nên chọn lưu trú ở các khu xa trung tâm thành phố như khu vực Hồ Tràm, nơi có nhiều khu nghỉ dưỡng, thuận tiện ăn uống.

Thời gian di chuyển từ TP Hồ Chí Minh đến Hồ Tràm khoảng 2,5 giờ theo cao tốc CT01 và quốc lộ 51. Du khách có thể thư giãn ở suối khoáng Bình Châu, khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu, ngắm hoàng hôn từ cầu đi bộ trên biển, vui chơi ở khu bảo tồn thiên nhiên Cicada Hồ Tràm, thăm trang trại bò sữa Long Thành, cảng cá Bình Châu.

VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN, ĐỒNG NAI



Khu vực Bàu Sấu trong Vườn quốc gia Cát Tiên

Vườn quốc gia Cát Tiên là khu bảo tồn thiên nhiên nằm trên địa bàn 3 tỉnh Đồng Nai, Lâm Đồng và Bình Phước, cổng chính nằm ở huyện Tân Phú, Đồng Nai. Từ TP Hồ Chí Minh, du khách di chuyển theo cao tốc CT01, sau đó vào quốc lộ 20, thời gian khoảng 3 tiếng. Đây là nơi lý tưởng cho du khách muốn thoát khỏi đám đông và khói bụi.

Thời điểm thích hợp nhất để đến vườn từ tháng 11 đến tháng 5, mùa khô, rừng khô ráo nên thuận tiện đi lại cũng như khám phá vẻ đẹp thiên nhiên. Du khách có thể đi xe đạp, trekking, tham quan rừng bằng ô tô mui trần. Khu trung tâm vườn và Bàu Sấu cho phép du khách ngủ lại qua đêm. Ngoài ra, vườn cũng cung cấp tour 3 ngày 2 đêm cho những người muốn tham quan và nghiên cứu sâu các hoạt động bảo tồn.

HỒ TRỊ AN, ĐỒNG NAI

Cắm trại sang chảnh (glamping) lý tưởng cho chuyến nghỉ dưỡng ngắn ngày với đầy đủ tiện nghi, gần gũi thiên nhiên. Du khách có thể xem diễu binh buổi sáng, sau đó chạy xe khoảng 2 tiếng 15 phút để check in khu cắm trại nằm gần hồ Trị An (huyện Định Quán, Đồng Nai), cách TP Hồ Chí Minh gần 100 km theo cao tốc CT01 và CT29.

Tropical eglamping là không gian nghỉ ngơi yên tĩnh giữa rừng, không khí trong lành, không còi xe, không khói bụi, nằm bên triền núi. Tối 30/4, bên hồ



Tropical eglamping nhìn từ trên cao

sẽ có màn pháo hoa tầm thấp, pháo xoay mừng 50 năm ngày thống nhất đất nước, nhạc acoustic.

Có nhiều lựa chọn như lều ngủ hướng hồ, vườn, bãi điều cổ thụ, hay lều yên ngựa. Các lều đều có diện tích rộng rãi, chắc chắn và chống thấm. Chi phí cuối tuần và ngày lễ Tết từ 1,4 đến 2 triệu đồng một người.

NÚI BÀ ĐEN, TÂY NINH



Tôn tượng Di Lặc Bồ Tát trên đỉnh núi Bà

Núi Bà Đen được coi là nóc nhà của vùng Đông Nam Bộ, nằm ở ngoại ô TP Tây Ninh. Thời gian di chuyển từ TP Hồ Chí Minh khoảng 2 tiếng 45 phút qua quốc lộ 22. Đây là địa điểm thích hợp với những khách có nhu cầu du lịch tâm linh. Hiện cũng là thời điểm thuận lợi để tới Bà Đen vì trời ít mưa, khô ráo.

Du khách đến Bà Đen có thể chọn hai hình thức lên núi là leo bộ (theo 3 cung đường) hoặc đi cáp treo. Trên đỉnh Bà Đen tiết trời mát mẻ, nhiệt độ thấp hơn ở khu vực đồng bằng khoảng 8 - 10 độ C.

Núi Bà Đen có 6 ngôi chùa từ chân lên lưng chừng núi cùng nhiều hoạt động tâm linh tại khu vực chùa Bà, tượng Phật Bà, triển lãm Phật giáo, dâng đăng (thắp đèn) vào các tối thứ bảy. Ngoài ra, tại khu vực này còn có show nhạc nước, trải nghiệm ẩm thực.

Tôi phải trở về Lai Vu



Minh họa: HUY CHƯƠNG

PHẠM MINH GIANG

Tình yêu bắt đầu từ đâu nhỉ?

Người ta bảo tình yêu bắt đầu từ đôi mắt. Nhưng cũng có người tình yêu bắt đầu từ một ngõ quê, từ một bến sông, từ một cây cầu, từ một con đò, từ một đêm trăng sáng...

Còn tôi? Tình yêu bắt đầu từ... tiếng bom.

Cuối năm 1969, đơn vị tôi đang chiến đấu bảo vệ những mục tiêu quân sự, kinh tế quan trọng tại quê hương Hải Dương. Tôi là trợ lý chính trị của trung đoàn. Hôm ấy, tôi xuống tiểu đoàn công tác. Trên đường về, khi qua cầu Lai Vu một đoạn thì một đàn "quạ sắt" bất ngờ gầm rú ở trên đầu, rồi chúng dội bom.

Tôi vừa kịp nhảy xuống giao thông hào bên đường thì một tiếng nổ long trời lở đất.

Tôi chỉ biết tôi và một người nữa nằm đè lên nhau, ôm lấy nhau trong tiếng nổ long trời ấy. Hình như tim tôi ngừng đập mấy phút. Hình như phổi tôi ngừng thở mấy phút. Rồi sau đó, trống ngực tôi đập thình thình, loạn xạ cả lên. Một mảng đất lớn đè lên người tôi và người ấy.

Sau tiếng nổ một lúc lâu, tôi mới định thần lại. Tôi thấy tai mình u u. Mặt mũi đầu tóc đầy đất cát.

Bây giờ, tôi mới nhận ra người tôi đang ôm và người ấy cũng ôm tôi, đấy là một cô gái. Một cô gái trẻ có mái tóc dài, một bộ ngực tròn căng đang thở phập phồng, hổn hển...

Tôi từ từ gỡ từng mảnh đất trên người tôi, trên người người ấy rồi phủi đất cát trên đầu, trên mặt, trên cổ, trên vai của tôi và người ấy. May mắn, tôi và người ấy không làm sao cả. Chiếc xắc cốt đựng tài liệu mật và tối mật tôi đeo trên người vẫn còn nguyên vẹn.

Chúng tôi dìu nhau lên đường.

Người ấy là chiến sĩ gái của đại đội nữ dân quân trực chiến bắn máy bay giặc Mỹ của Tỉnh đội, vừa xong ca trực, trên đường về nhà thì gặp máy bay.

Đêm hôm ấy về đơn vị, tôi không tài nào ngủ được. Mùi hương trên mái tóc và mùi hương lạ lùng trên cơ thể người con gái tôi ôm trong tiếng bom rền trưa hôm ấy như là một thứ vật chất diệu kỳ, thiêng liêng làm cho tôi không thể nào quên được.

Những ngày sau đó, tôi tìm mọi cách báo cáo thủ trưởng được đến làm việc với tiểu đoàn cao xạ pháo bên cầu Lai Vu, mục đích chính là kiếm tìm người ấy.

Người ấy tên là Loan, nhà cách cầu Lai Vu ba cây số về phía đông.

Thế rồi, may quá, tôi đã gặp Loan. Loan mười chín tuổi. Bố Loan là liệt sĩ hy sinh ở chiến trường miền Nam, chưa tìm thấy hài cốt. Anh trai Loan cũng đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Vì thế, học xong lớp 10, mặc dù có giấy gọi Đại học Thương nghiệp nhưng Loan phải ở nhà với mẹ. Loan xin mẹ tham gia đại đội chiến sĩ gái chiến đấu bắn máy bay giặc Mỹ.

Tôi thường xuyên xuống các tiểu đoàn chiến đấu. Và như vậy, tôi cũng thường xuyên được gặp Loan. Nhiều lần tôi gặp Loan tại nhà. Cũng nhiều lần tôi gặp Loan ở trận địa. Chị em trong đại đội ai cũng biết mối quan hệ của tôi với Loan.

Thế rồi đến một hôm tôi gặp Loan tại nhà. Hôm ấy, mẹ Loan về bên ngoại. Vì quá yêu nhau, chúng tôi đã không kìm chế được lòng mình. Loan đã thành đàn bà từ đêm hôm ấy.

Tôi định bụng chủ nhật tới sẽ thưa chuyện với mẹ Loan và báo cáo với thủ trưởng xin được cưới Loan làm vợ.

Nhưng đùng một cái, ngay sáng hôm sau, cả trung đoàn tôi có lệnh phải cấp tốc hành quân lên đường bổ sung cho tiền tuyến. Vì thế việc báo cáo của tôi đành phải gác lại.

Sau ngày hòa bình, đơn vị tôi được tăng cường cho Ủy ban Quân quản thành phố. Và sau một thời gian, các đồng chí chuyển tôi sang công tác ở thành đoàn, trước mắt phụ trách công tác văn hóa văn nghệ, dự kiến sẽ làm phó bí thư thành đoàn.

Tình cờ tôi gặp Trúc trong một buổi biểu diễn văn nghệ (Trúc là Phó Bí thư Quận đoàn quận 3). Trúc mười tám tuổi. Trúc có dáng người cao, gương mặt thanh tú, đôi mắt to đen, tròn và rất sáng. Cái miệng Trúc cười mới duyên làm sao.

Đầu tiên là Trúc thích những bài thơ của tôi được đăng trên các báo. Thế rồi Trúc mê những bài thơ ấy rồi mê luôn tác giả bài thơ.

Tôi cứ nghĩ rằng đấy chỉ là tình cảm nhất thời của cô sinh viên mới lớn. Cho nên tôi cũng chỉ thấy vui vui mà thôi.

Nhưng, một tháng, hai tháng, ba tháng đến nửa năm... tôi đã cảm nhận được tình cảm thật lòng của Trúc. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa có quyết định dứt khoát. Nhân một chuyến công tác ra Hà Nội, tôi xin phép được về thăm nhà.

Ở quê Thái Bình, bố mẹ tôi đã nhắm cho tôi một đám. Đó là Ngoan. Ngoan người thấp đậm, da trắng, tóc dài, rất xinh, lại ngoan hiền nết na nữa. Thật lòng, tôi còn phân vân nhiều lẽ. Tôi cứ ậm ừ cho qua, hứa lần sau về con mới quyết định được. Bởi vì tôi nghĩ đến Trúc. Hôm tôi ra Bắc, Trúc cứ đòi đi cùng. Tôi không đồng ý. Trúc chỉ sợ tôi về quê lấy vợ. Tôi phải cả quyết với Trúc rằng anh chưa lấy vợ. Anh còn phải phấn đấu cho sự nghiệp đã. Rồi Trúc bắt tôi phải nhận bằng được gói quà quý Trúc mua tặng bố mẹ tôi và dặn anh đi nhanh rồi về với em nhé.

Tôi trở lại miền Nam. Công tác tập hợp, vận động, giáo dục thanh niên sau ngày hòa bình đã cuốn hút tôi. Tôi say sưa công tác. Bên cạnh tôi là Trúc, người bạn gái trẻ trung xinh đẹp (cũng là người cộng sự gần gũi) luôn luôn ủng hộ, giúp đỡ và sát cánh với tôi trong mọi công việc.

Thế là tôi yêu Trúc. Tôi yêu Trúc không phải ba Trúc là chủ tịch quận, không phải nhà Trúc có tài sản khủng về đất vàng ở thành phố này. Tôi thật sự xiêu lòng vì tình cảm và sắc đẹp của em.

Yên tâm công tác và cưới Trúc ở thành phố hoa lệ này thì tương lai của tôi sẽ xán lạn, huy hoàng biết bao.

Bạn bè đồng đội ai cũng bảo tình yêu của tôi và Trúc đẹp như mơ ấy. Ai cũng vun vào. Ai cũng khen cho mối tình của tôi và Trúc.

Nhưng có ai biết rằng đã biết bao nhiêu đêm tôi phải tự dằn vặt lòng mình hay không? Từ trong sâu thẳm lòng mình, tôi thấy tôi đã mắc lỗi với Loan nhiều lắm. Người con gái tôi ôm dưới giao thông hào gần cầu Lai Vu giữa tiếng bom rung bảy năm về trước bây giờ sống chết ra sao?

Vâng. Thông tin người ấy biết về tôi chỉ vẻn vẹn có mấy chữ "Phạm Hào Hùng, Thái Bình, cao xạ pháo". Người ấy có đi khắp đất nước này chắc gì đã tìm ra tôi? Không, không, tôi không có trách nhiệm gì với con người ấy. Không, không, tôi không cần biết con người ấy bây giờ ra sao cả. Tương lai của tôi đang rộng mở. Tôi cứ việc tiến lên... Chẳng cần băn khoăn gì...

Thế nhưng, tôi tự xỉ vả mình: Phạm Hào Hùng ơi, mày hào hùng ở chỗ nào thế nhỉ? Người con gái mà mày ôm ở giao thông hào ngày ấy đã nhận và nuôi hòn máu của mày. Hòn máu ấy có thể đã lớn lên, đang lớn lên cần có bàn tay chăm sóc của người sinh thành biết bao. Người con gái có hương thơm trên mái tóc và hương thơm lạ lùng quyến rũ trên cơ thể nàng hôm ấy cùng với đứa con (hòn máu của mày) đang đêm ngày chờ mong người ấy (là mày) trở lại. Hào Hùng ơi! Hào Hùng ơi!

Trúc càng ngày càng nồng nàn với tôi thì nỗi day dứt trong lòng tôi cứ ngày ngày tăng lên, tăng lên nữa. Cuối cùng, tôi phải chuẩn bị một kế hoạch "hồi hương".

Tôi viết một lá thư thật dài coi như là "lá thư vĩnh biệt" Trúc, vĩnh biệt tương lai xán lạn ở đất Sài thành. Tôi nhờ một người bạn tin cẩn gửi cho Trúc sau khi tôi đã về đến đất Bắc. Tôi báo cáo thật với tổ chức xin được về phép để giải quyết công việc gia đình nhưng không nói rõ cho Trúc biết.

Vâng. Tôi cảm thấy đêm ngày như có tiếng gọi từ Lai Vu. Tôi phải trở về Lai Vu. Tôi phải trở về Lai Vu. Tôi phải trở về với người con gái quê mùa chân chất đã nhận và nuôi trong mình dòng máu của tôi từ những ngày khói lửa.

NGUYỄN ĐỨC MẬU

Em có nghe hàng cây đang nói

Em có nghe hàng cây đang nói
Lời tươi non ngàn lá mới thầm thì
Lời sông rộng sóng cồn cào dội lại
Lời cánh buồm căng gió nối nhau đi

Em có nghe đất trời đang nói
Lời tháng năm giông gió chuyển mùa
Lời cồn cát khát khô nắng đốt
Lời cánh rừng tươi tốt gặp nhuần mưa

Em có nghe tình yêu đang nói
Cây ra hoa. Buồm tới biển. Bãi sa bồi
Cơn bão rớt. Mây trời thay áo mới
Dải Ngân Hà sao sáng mọc liền đôi.

TRẦN MAI HƯỞNG

Giấc quê

Quê mình mãi là nơi ấy
Dòng sông thành phố cây cầu
Con đường dẫn về ngõ nhỏ
Chiều chiều bóng mẹ liêu xiêu

Quê mình bên dòng thời gian
Ở tận đầu kia xa ngái
Một tuổi thơ không trở lại
Trong veo tiếng bạn nô đùa

Quê mãi ở trong tâm khảm
Đêm khuya vẫn tiếng vọng về
Người đi chân trời góc bể
Trong tim vẫn một hồn quê

Quê mãi là ngày xưa ấy
Dẫu tên gọi có đổi thay
Vẫn vẹn nguyên trong tâm tưởng
Giấc quê thương nhớ vơi đầy.

15/4/2025

NGUYỄN NGỌC SAN

Mình ra với biển

Tặng NHĐ

Kìa là bình minh mờ tỏ
Bạn tôi tỏ mở nhìn trời
Dòng sông văn vắt đổ xuôi
Con phà buông neo gọi gió.
Phía đông nhận về bão tố
Phía đông ánh sáng bừng soi
Cây cầu nối hai bờ vui
Nhớ người muôn năm không cũ.
Những gì còn trong sách sử
Luôn làm lòng ta xôn xao
Hừng đông đẩy vút con sào
Bạn ơi mình ra với biển.

NGÔ TRỌNG NGHĨA

Tôi đã nghe bước hành quân năm ấy..

Tôi vẫn nghe bước hành quân năm ấy
Những đoàn quân trung dũng kiêu hùng
Vượt núi, vượt sông, qua những cánh rừng
Mặc bom đạn quân thù, âm vang tứ phía.

Những chiến sĩ mặt còn rất trẻ!
Tuổi chừng mười tám, đôi mươi
Có anh nhớ nhà viết vội lá thư
Gửi về mẹ trên đường đánh giặc
Những chiến sĩ cười hiền như đất
Chưa một lần dám nói lời yêu.

Tôi vẫn nghe bước hành quân năm ấy
Tiến về Sài Gòn, giải phóng miền Nam
Anh chiến sĩ lao nhanh, cắm cờ trên nóc
Dinh Độc Lập!

Chiến thắng trở về trên đất mẹ thân yêu
Nước mắt hoà bình tuôn trào
khắp ba miền Tổ quốc
Có hạnh phúc nào hơn tự do dân tộc?
Đất nước gồng mình đánh đổi máu xương.

Tôi vẫn nghe và rất đỗi kính thương!
Những bà mẹ Việt Nam đợi chồng,
đợi con ngày trở lại
Nhưng có bao người ra đi mãi mãi
Các anh trọn đời dâng hiến tuổi thanh xuân
Tổ quốc nghìn đời luôn ghi nhớ tên anh.

NGUYỄN HOA

Mây lành

Năm ấy chiến tranh qua
Hai mươi tuổi
...Lần đầu gặp biển
Áo cỏ xanh, tóc xanh mơn mởn...
Hăm hở con đường
Rồi tháng rồi năm rồi chiến tranh đi qua
Cùng súng tôi đi hết thời tự nguyện
May mắn hơn tôi lành lặn
Về nhà, gặp mẹ, gặp em...
Và chiều nay gặp biển êm
Xanh thuở tóc tôi hai mươi tuổi
Tóc bạc trên đầu tôi vồi vội
Ơ mây lành yên sóng bao la.

TÔ HOÀN

Những người tôi yêu

Từ lâu tôi đã từng yêu
Và thương người lính trải nhiều gian lao
Bàn chân bước lõm trời cao
Ba lô nặng bóng trăng sao khuyết đầy

Cuộc đời ăn gió ngủ mây
Buồn vui dằng dặc rót đầy sang nhau
Ngôi sao bé xíu trên đầu
Gom vàng cho nắng làm giàu ban mai.

Đất thì thầm kể

HOÀNG HOA

Có bao giờ bạn lắng nghe đất nói? Không phải bằng lời mà bằng những dấu vết in trên mặt ruộng mùa cày ải. Bằng mùi thơm của lúa trổ đồng, mùi rơm khô vương trên mái nhà, mùi đất mới sau cơn mưa đầu hạ. Đất không lên tiếng, nhưng luôn thì thầm với ai biết lắng nghe. Trong những lời thì thầm ấy, tôi thấy bóng dáng của những nhà nông, những người lao động cần mẫn, lặng lẽ vun trồng cho từng mùa no đủ.

Nông dân bước ra đồng từ tờ mờ sáng, khi giọt sương còn đọng trên lá và trở về khi trời đã xế chiều. Dấu chân họ hằn trên bờ ruộng, vai áo họ đẫm mồ hôi và chất chứa những mệt nhọc và cả niềm vui qua năm tháng.

Nếu một ngày tôi có thể làm thơ thì bài thơ đầu tiên tôi sẽ viết để tặng nhà nông. Nơi những bước chân của họ in trên từng thửa ruộng để những hạt giống được gieo trong nắng sớm. Họ biết vượt qua những khắc nghiệt của thời tiết để nâng niu, chăm sóc để cây cối đâm chồi, nảy lộc, đơm hoa, kết trái cho những mùa vàng, trái thơm chín mọng.

Bạn có đồng ý với tôi rằng lao động tuy vất vả nhưng không nhàm chán bởi đó là cả quá trình khám phá thế giới của cây trồng, vật nuôi; rèn giũa tính kiên trì, nuôi dưỡng tinh thần sáng tạo. Họ biết tính ngày gieo hạt, thời điểm cây đơm hoa. Họ nhìn màu lá mà đoán được cây đang cần gì. Họ lắng nghe tiếng gió thổi qua cánh đồng để dự cảm được mùa mới sẽ thế nào. Lao động không chỉ cần sức, mà còn cần cả trái tim và khối óc, thứ khiến người nông dân trở thành "nghệ nhân" của đồng ruộng. Họ đích thực là những kỹ sư của ruộng vườn, bác sĩ của cây trồng.

Trong mỗi hạt gạo trắng ngần, không chỉ có vị ngọt của đất mà còn có cả giọt mồ hôi người vun trồng. Trong mỗi bông hoa, quả ngọt, không chỉ có ánh nắng mà còn có cả sự kiên nhẫn, bàn tay khéo léo của nhà nông. Họ chính là những người thợ lành nghề không cần danh hiệu chỉ cần mùa sau đủ đầy hơn mùa trước là lòng đã an vui.

Tôi từng gặp một bác nông dân hơn sáu mươi tuổi, cả đời gắn bó với ruộng đồng. Bác kể, ngày trẻ từng mơ đi xa nhưng cuối cùng lại chọn ở lại làng. Bác nông dân ấy bảo rằng mong ước giản đơn của người lao động là những mùa vàng bội thu. Nghe bình dị thế thôi, nhưng trong lời nói ấy có một niềm tự hào, lòng quyết tâm, hăng say lao động trên mỗi thửa ruộng, cánh đồng quê hương.

Có những thứ tưởng nhỏ, nhưng nếu thiếu đi sẽ làm cả cuộc sống trống vắng. Người lao động cũng vậy. Dù ở đâu, làm gì, họ đều đang thầm lặng xây đắp nên diện mạo của quê hương. Nhà nông - những người "một nắng hai sương" ấy đang làm nên mùa vàng không chỉ cho đồng ruộng, mà cho cả cuộc sống mỗi ngày.

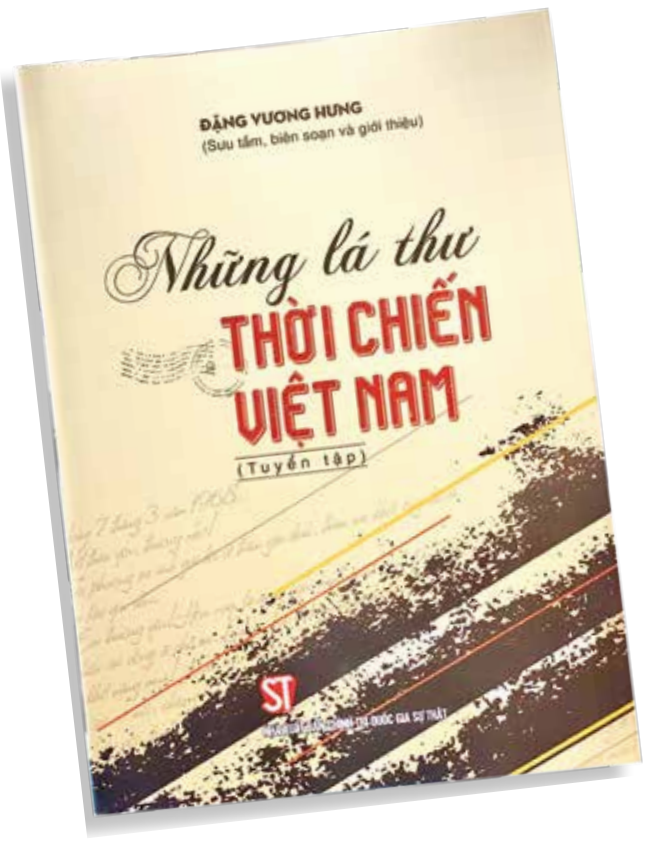
Tôi tin đất không bao giờ lặng im. Đất luôn biết nói, nhưng chỉ người nào lao động và sống gần đất mới hiểu được. Trong từng vết nứt khô cằn, trong từng hạt bụi bám tay áo, trong từng mùa lúa trổ đòng, đất kể chuyện về con người, về sự chịu thương, chịu khó, về sự kiên trì, sáng tạo và về một vẻ đẹp bền bỉ của nhà nông.

Hãy lắng nghe đi, bạn sẽ nghe thấy lời thì thầm của đất. Rất khẽ thôi, nhưng đủ để khiến bạn cảm nhận được những nhọc nhằn vất vả của mỗi nhà nông để có mùa vàng bội thu, đủ để chúng ta biết trân trọng và biết ơn những thành quả của lao động.

Đúng ngày 30/4/1975 sẽ trả lời câu hỏi "Hạnh phúc là gì?"

NGUYỄN LAN ANH

Một sự trùng hợp hay một dự cảm, dự báo về ngày thống nhất khi liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc viết cho người yêu từ nơi chiến trận: Đúng ngày 30/4/1975 sẽ trả lời câu hỏi hạnh phúc là gì?



Bức thư của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc được sưu tầm trong tuyển tập "Những lá thư thời chiến Việt Nam"

LÁ THƯ ĐẶC BIỆT

Trong hàng trăm bức thư thời chiến được sưu tầm và giới thiệu trong cuốn "Những lá thư thời chiến Việt Nam" (Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2015) do đại tá, nhà văn Đặng Vương Hưng biên soạn, có một lá thư đặc biệt chạm đến trái tim bạn đọc. Đó là thư của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc, người lính trẻ vốn là sinh viên xuất sắc Khoa Toán - cơ của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội gửi cho người yêu, nữ sinh Phạm Thị Như Anh với một lời hẹn lạ lùng và cảm động: Đúng ngày 30/4/1975 sẽ trả lời câu hỏi "Hạnh phúc là gì?".

Giữa chiến tranh khốc liệt, khi tương lai còn là ẩn số, người lính trẻ ấy vẫn viết nên lời hứa đẹp như mộng. Và sau này, khi lịch sử khép lại một chương đau thương vào đúng ngày 30/4/1975, người ta mới giật mình nhận ra đó không chỉ là lời hẹn của một đôi lứa mà có khi còn là ước vọng đặt trọn niềm tin vào ngày hòa bình.

Nguyễn Văn Thạc hy sinh ngày 30/7/1972 trong trận chiến ác liệt ở Thành cổ Quảng Trị, khi tuổi đời vừa tròn 20. Kể từ thời khắc bi tráng ấy, đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, nhưng những trang thư của anh với từng dòng, từng chữ vẫn ấm nóng, như vừa viết hôm qua.

Chị Như Anh, người nhận những bức thư ấy đã giữ chúng như báu vật. Không ai ngoài chị được đọc, kể cả người chồng sau này, dù ông rất giỏi tiếng Việt. Chỉ đến khi cuốn nhật ký "Mãi mãi tuổi hai mươi" được công bố cùng với "Nhật ký Đặng Thùy Trâm", công chúng mới được chạm tới một phần thiêng liêng trong câu chuyện tình và lý tưởng của những người trẻ thời chiến. Lá thư mang lời hẹn "ngày 30/4/1975" trở thành một biểu tượng kỳ lạ và cảm động cho khát vọng thống nhất.

NHỮNG DỰ CẢM KỲ LẠ VÀ LÝ TƯỞNG SỐNG MÃNH LIỆT

Trong những bức thư khác, Nguyễn Văn Thạc viết về giấc mơ lớn, muốn viết một tác phẩm để đời như "Chiến tranh và hòa bình" nhưng cũng gửi gắm ở Như Anh niềm tin vào tương lai: "Như Anh là ngày mai, là tương lai của Thạc." Đó là cách người lính trẻ truyền lại ngọn lửa sống, khát vọng cống hiến và niềm tin vào thế hệ sau.

Nguyễn Văn Thạc từng viết: "Hạnh phúc của Thạc và Như Anh chỉ có thể gắn chặt với niềm vui chung của dân tộc mà thôi." Với anh, hạnh phúc không tách rời khỏi trách nhiệm với Tổ quốc. Như thế, ngày 30/4, ngày đất nước liền một dải không chỉ là mốc lịch sử vĩ đại, mà còn là thời khắc một lời hứa riêng trở thành hiện thực của cả dân tộc.

Thực hiện một phần tâm nguyện ấy, khi Quỹ "Mãi mãi tuổi hai mươi" được thành lập, chính gia đình chị Như Anh đã nhường một căn phòng nhỏ tại số 72 Nguyễn Du (Hà Nội) làm nơi hoạt động đầu tiên. Một hành động giản dị nhưng giàu ý nghĩa.

Người lính năm xưa đã nằm lại trong lòng đất mẹ 53 năm, tuổi 20 mãi mãi dừng lại trên trang giấy, nhưng tình yêu, lý tưởng và niềm tin mà anh để lại vẫn vẹn nguyên như ngày đầu. Lá thư cuối cùng Nguyễn Văn Thạc gửi cho Như Anh không chỉ là lời từ biệt người yêu, mà còn là lời chào gửi đến tuổi trẻ, gửi đến Tổ quốc, gửi đến thế hệ mai sau.

Lời hẹn Đúng ngày 30/4/1975 sẽ trả lời câu hỏi "Hạnh phúc là gì?" có lẽ chưa bao giờ cần được diễn giải. Bởi chỉ cần nhìn vào lá cờ Tổ quốc tung bay trên nóc Dinh Độc Lập hôm ấy; chỉ cần nghe tiếng reo vui khắp dải đất hình chữ S, chúng ta đều hiểu hạnh phúc là ngày non sông liền một dải, là khi máu xương không rơi vô nghĩa, là khi lời hứa của người lính được viết tiếp bằng chính sự toàn thắng và trường tồn của dân tộc.

Ngày hôm nay, giữa những bộn bề của cuộc sống hiện đại, giữa những dòng chảy hối hả của thời gian, những trang thư thời chiến ấy vẫn tiếp tục được gìn giữ và lan tỏa một cách thầm lặng. Bởi trong từng con chữ vẫn còn thấm đẫm mồ hôi, máu và nước mắt của một thế hệ đã đi qua chiến tranh. Họ đã yêu, đã sống, đã hiến dâng cả tuổi thanh xuân và đã hy sinh bằng tất cả những gì đẹp đẽ nhất cho Tổ quốc. Chính họ là những tấm gương sáng, truyền động lực, động viên thế hệ trẻ hôm nay biết sống sao cho xứng đáng, sống hết mình, sống cống hiến, có trách nhiệm với quê hương, đất nước.

Đã 53 năm trôi qua kể từ ngày liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc ngã xuống trên mảnh đất Quảng Trị đỏ lửa, nhưng khúc ca khải hoàn anh để lại cho Tổ quốc bằng cả trái tim yêu, bằng cả sự dũng cảm vẫn vang vọng mãi giữa trời đất non sông. Và hạnh phúc như anh từng viết chính là niềm vui chung của cả dân tộc.

Bút xanh

Kỷ vật của ông tôi

NGUYỄN VĂN VINH
(Lớp 7A, Trường THCS Bình Minh, TP Hải Dương)

Hôm trước, trong lúc dọn lại ngăn bàn cũ của ông nội, tôi vô tình thấy một chiếc hộp gỗ nhỏ màu nâu sẫm. Bên ngoài hộp đã xỉn màu, có vài vết trầy nhưng vẫn còn nguyên vẹn, gỗ chắc chắn. Tôi mở hộp ra, bên trong là một chiếc bút máy màu xanh thẫm, thân tròn, đầu nhọn, nắp bút hơi mòn được kẹp bên trong cuốn sổ giấy đã ngả vàng. Đây là những kỷ vật chiến tranh, báu vật quý giá mà ông luôn giữ gìn rất cẩn thận.

Ông tôi từng là chiến sĩ quân giải phóng. Ông tham gia rất nhiều chiến dịch, nhưng theo lời bà kể lại, ông luôn nhắc nhiều đến ngày 30/4/1975, ngày mà ông và đồng đội tiến vào Sài Gòn, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Chiếc bút và cuốn sổ ấy ông nhận được chính vào ngày hôm đó.



Bà kể, trên đường tiến vào Dinh Độc lập, đồng đội ông đã hy sinh. Trong phút giây sinh tử, đồng đội của ông vẫn ôm chặt chiếc ba lô và lấy cuốn nhật ký cùng chiếc bút đưa cho ông mà chẳng kịp dặn lại điều gì. Vì tiến quân gấp rút nên ông cũng không thể mở cuốn sổ ra xem ngay được mà chỉ thầm nhủ sau ngày giải phóng nhất định sẽ trao lại kỷ vật thiêng liêng cho gia đình đồng đội.

Sau ngày chiến thắng trở về, ông cất công tìm quê hương của đồng đội. Nhưng thật tiếc, cuốn nhật ký và chiếc bút ấy đã không trở về được với gia đình đồng đội của ông vì người thân của chiến sĩ ấy không còn ai. Ông mang cuốn nhật ký và chiếc bút trở về mà lòng nặng trĩu.

Có lần bà kể: "Chiếc bút và cuốn sổ như một phần ký ức của ông. Có lần ông để quên chiếc bút ở đâu đó mà chưa tìm được nên ông buồn mấy ngày. Ông huy động cả nhà tìm. May mà tìm thấy".

Lúc còn sống, ông hay kể chuyện chiến đấu cho tôi nghe. Ông thường bảo để có được hòa bình là bao thế hệ phải trả bằng máu, xương và nước mắt nên dặn chúng tôi phải quý trọng hòa bình. Tôi nhớ mỗi lần ông ngồi trầm ngâm với chiếc bút, cuốn sổ, ánh mắt ông thường nhìn xa xăm. Ông nhớ đồng đội...

Giờ ông đã không còn, nhưng chiếc bút vẫn ở đây. Mỗi lần nhìn thấy nó, tôi lại nhớ lời ông dạy về lòng yêu nước, về sự hy sinh. Tôi nhất định sẽ giữ gìn chiếc bút và cuốn sổ, kỷ vật thiêng liêng của ông.

Chiếc bút giờ không còn viết được nữa. Nhưng với tôi, nó vẫn có thể kể những câu chuyện về ông tôi.

Gia đình & xã hội

Hạnh phúc của mẹ

LÂM OANH



Khi cha tôi lên đường ra trận, mẹ mới hai mươi bốn tuổi, còn cha vừa tròn hai mươi sáu. Ông nhập ngũ từ năm Mậu Thân, từng viết cho mẹ những lá thư nhòe mực, nét chữ nghiêng nghiêng kể về những cánh rừng miền Đông lặng gió, nỗi nhớ nhà cháy bỏng trong từng đêm hành quân và niềm tin sắt đá rằng một ngày đất nước sẽ thống nhất.

Tôi chưa từng thấy cha.

Ông hy sinh vào mùa khô cuối cùng trước ngày đất nước hòa bình. Hôm đó, khi đồng đội của ông báo tin, mẹ đang giặt áo cho một đứa bé chưa tròn 3 tuổi là tôi. Người đưa tin đứng lặng rất lâu dưới mái hiên, trong tay cầm chiếc ba lô cũ sờn và tấm giấy báo tử. Mẹ không khóc. Bà chỉ cúi đầu rất lâu, rồi bế tôi vào nhà, đóng cửa lại. Từ hôm ấy, bà sống như người gác cổng cho một nỗi chờ đợi đã không còn tên gọi.

Người trong làng bảo mẹ đẹp nết, thảo hiền, đảm đang. Có người thương, người ngỏ lời, người chờ bà đến mười năm. Nhưng mẹ chỉ lắc đầu. "Tôi còn chồng, mất chồng đâu mà tái giá?". Câu nói kiên định của mẹ như một vách đá dựng đứng giữa đời, không ai trèo qua được.

Từ ngày nghe tin chồng hy sinh, mẹ gầy đi, khắc khổ hơn, nhưng vẫn tảo tần nuôi tôi ăn học. Bà học làm ruộng, học buôn bán, học tất cả những gì có thể để nuôi con mà không cần ai hỗ trợ.

Tôi lớn lên bằng giọng ru của bà, làn khói bếp buổi chiều và tiếng mưa rơi rỉ rả trên mái rạ cũ kỹ. Có những ngày mẹ ốm, nhưng vẫn cố không để tôi biết. Có những mùa đông lạnh thấu xương, bà gấp đôi áo cho tôi, còn mình mặc chiếc áo bông cũ vá vai.

Trong trí nhớ của tôi, mẹ là một người đàn bà không biết mệt, không biết buồn và không bao giờ cho phép mình yếu đuối. Mẹ tôi không than vãn, không đòi hỏi, không bao giờ kể công. Suốt tuổi thơ và tuổi trẻ của tôi, bà là cả một thế giới yên bình, ấm áp.

Ngày tôi đỗ đại học, mẹ ngồi lặng đi rất lâu. Bà lấy trong rương ra bức thư cũ của cha. Lá thư viết dở dang, dòng cuối cùng vẫn còn vết loang nước. "Gắng nuôi con khôn lớn, chờ ngày đất nước thống nhất chúng ta đoàn viên...". Bà đọc lại, mắt ngân ngấn. Nhưng rồi bà gấp lại, xếp thư vào khăn tay, cất đi. Hôm sau, bà lại ra đồng cấy lúa như chưa từng khóc.

Tôi tốt nghiệp, đi làm, rồi lập gia đình, ra ở riêng. Mỗi tuần tôi vẫn về ăn cơm với mẹ một lần. Mẹ vẫn vậy, vẫn một mình đi chợ, nấu ăn, tưới cây, nghe đài buổi sáng và mỗi tối. Tôi cứ nghĩ mẹ quen rồi. Một người đã sống đơn độc suốt bốn mươi năm, thì có gì là cô đơn nữa đâu?

Cho đến một buổi chiều tháng tư năm ấy, mẹ nói với tôi một câu mà tôi khá bất ngờ: "Mẹ định đi bước nữa".

Tôi ngỡ mình nghe nhầm. Nhìn mẹ ngồi đó, dáng người đã lom khom, tóc bạc như mây, bàn tay gầy gò gấp mép khăn, tôi không hiểu được điều bà vừa nói. Mẹ tôi - vợ liệt sĩ, người phụ nữ cả đời thờ chồng nuôi con giờ lại muốn... lấy chồng?

Mẹ nói nhẹ nhàng, giọng vẫn nhỏ như mỗi lần bà gọi tôi dậy đi học: "Ông ấy là cựu chiến binh ở xã bên. Mẹ quen ông ấy đã lâu, cùng sinh hoạt trong hội. Giờ ông ấy cũng một mình. Mẹ thấy, tuổi này... có người chuyện trò, đi bộ buổi chiều, có bát cháo nóng khi trái gió trở trời... cũng vui".

Tôi sững người. Bao nhiêu thứ ào lên trong lòng. Cha tôi, tấm bằng Tổ quốc ghi công, những dòng chữ của ông, những năm tháng mẹ ở vậy nuôi tôi... Tất cả như bị xáo tung chỉ vì một ý nghĩ về sự vô lý của mẹ.

Tôi không nói gì, đứng bật dậy bỏ ra hiên. Chiều hôm ấy trời đầu hè oi nồng nhưng tôi thấy lòng mình lạnh buốt.

Chồng tôi là người đầu tiên hiểu ra điều mẹ đang nghĩ. Anh ngồi bên tôi tối hôm đó, dịu dàng nói: "Mẹ đã sống vì cha, vì em, vì gia đình này gần nửa thế kỷ. Giờ mẹ chỉ muốn có một người để cùng sống nốt những năm tháng cuối đời".

Tôi hỏi lại: "Thế còn cha em?".

Chồng tôi ngẩng lên, ánh mắt ấm mà kiên định: "Anh tin chắc chắn cha không muốn mẹ sống lặng lẽ mãi như thế. Cha hy sinh vì đất nước, để người ở lại được sống chứ không phải để sống trong bóng tối của sự cô đơn".

Lời chồng khiến tôi lặng đi. Tôi nghĩ tới mẹ, nghĩ tới đôi mắt đã không còn trong như xưa. Có lẽ cả đời này bà chưa từng có một phút sống cho chính mình. Kể cả bây giờ, khi bà dám nói ra điều ấy, vẫn là ánh mắt dè dặt, giọng nói nhẹ như sợ làm tôi tổn thương.

Tôi đã đến gặp người đàn ông đó. Ông trạc tuổi mẹ, dáng người khỏe khoắn, từng là tiểu đội trưởng thời chiến. Ông kể chuyện cha tôi như thể đã biết từ lâu. Ông nói rằng từng cùng đơn vị chuyển qua vùng cha tôi đóng quân. Ông không nói nhiều, chỉ nói một câu: "Tôi không đến để thay ai. Tôi chỉ đến để bầu bạn, nếu bà ấy cần".

Tôi về, không nói gì. Mẹ cũng không hỏi. Vài tuần sau, tôi chủ động rủ mẹ đi chợ. Mẹ vẫn chọn cá, chọn rau, vẫn hỏi tôi thích ăn món gì. Nhưng tôi nhìn thấy trong mắt mẹ có một chút khác - một ánh sáng nhỏ nhoi nhưng rất thật, như thể ai đó vừa mở hé một cánh cửa lâu ngày bị đóng kín.

Giờ thì mỗi chiều, mẹ đi bộ với ông. Rồi hai người ngồi bên hiên nhà, pha trà, trò chuyện. Họ không sống chung, không cưới hỏi, chỉ là bạn già cùng chia sẻ mảnh trời tuổi xế chiều.

Tôi và chồng vẫn ghé qua mỗi tuần, thấy mẹ cười, nụ cười nhẹ như sương sớm nhưng đủ ấm lòng con cháu.

Thư giãn

Cô giáo nổi đóa với cuộc gọi lúc nửa đêm

Đang say giấc nồng, đột nhiên Mary bị đánh thức bởi tiếng chuông điện thoại inh ỏi. Cô liền bắt máy trong trạng thái ngái ngủ:

- A lô, cho hỏi ai đấy?

Bên kia trả lời với vẻ khẩn khoản:

- Cô Mary, cô làm ơn có thể giảng lại giúp em bài học hôm nay ngay bây giờ được không ạ?

Mary giật mình:

- Tom đấy à? Sao tự dưng em lại có hứng thú học hành vào lúc nửa đêm thế này chứ?

Tom rầu rĩ:

- Dạ không phải đâu ạ, chẳng là em muốn ngủ lắm rồi mà mãi vẫn không ngủ được nên nhờ cô giảng cho dễ ngủ ấy mà.

- !!!

Bị bắt vì ho trong giờ làm việc

Trong một phiên xét xử, quan tòa hỏi bị cáo:

- Bị cáo có biết mình bị bắt đến đây vì tội gì không?

- Dạ, vì tôi bị ho - bị cáo đáp.

Quan tòa tức giận:

- Anh đùa với tôi à? Chẳng có ai ho mà bị bắt ra tòa cả.

Bị cáo run rẩy:

- Dạ tôi nói thật, tôi ho trong lúc đang làm việc nên mới bị bắt ạ.

Quan tòa mất kiên nhẫn:

- Vô lý, làm quái gì có công việc nào không cho nhân viên ho chứ?

Bị cáo mếu máo:

- Dạ, tôi đang cạy két sắt thì ho lên một cái xong bị bắt...

- !!!

Chồng thắp nến không phải vì lãng mạn

Vừa mở cửa nhà, Tũn sửng sốt kêu lên:

- Ôi trời, một bữa tối lãng mạn dưới ánh nến dành cho em?

Chồng Tũn khẽ gật đầu. Tũn tò mò:

- Khoan đã, hôm nay đâu phải lễ tình nhân, cũng không phải ngày kỷ niệm gì cả. Động lực nào khiến anh tự dưng lãng mạn thế này?

Chồng Tũn dịu dàng:

- Em còn nhớ hôm Black Friday vừa rồi không?

Tũn gật đầu:

- Nhớ chứ, hôm đó giảm giá nên em mua nhiều thật.

Chồng Tũn lắc đầu:

- Tiền điện tháng này bị em tiêu hết hôm đó rồi còn đâu.

- !!!

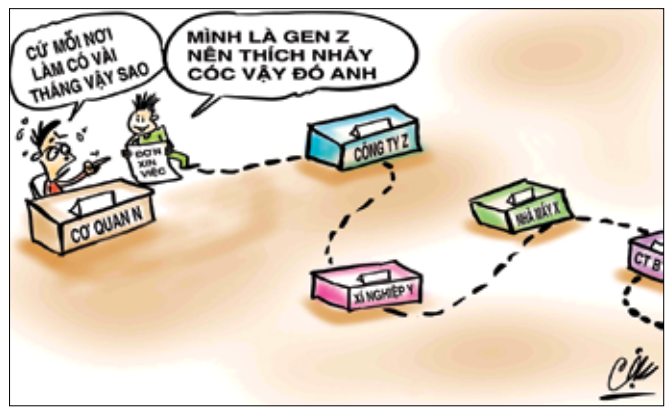
PĐ *(st)*

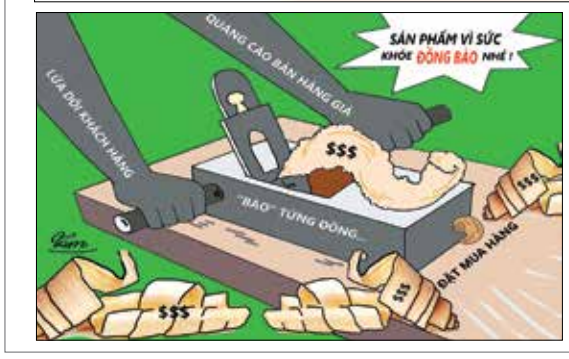
CÙNG BẠN ĐỌC

Số báo Hải Dương đặc biệt kỷ niệm Chiến thắng 30/4 và Ngày Quốc tế lao động 1/5 năm 2025 thay cho các số báo thời sự 30/4, 1/5, 2/5 và số Hải Dương cuối tuần ngày 2/5. Mời bạn xem tin tức được cập nhật liên tục trên báo điện tử Hải Dương (www.baohaiduong.vn).

BÁO HẢI DƯƠNG

Góc biếm họa





Tranh: NGUYỄN DŨNG và THANH TÂM

HẢI DƯƠNG
■Tổng Biên tập: NGUYỄN QUÝ TRỌNG ■ Phó Tổng Biên tập: NGUYỄN HÙNG CHƯƠNG, NGUYỄN THỊ THANH MAI ■ Thư ký Tòa soạn: NGUYỄN TRỌNG TUÂN ■ Tòa soạn: 10 Đức Minh, P. Thanh Bình, TP Hải Dương ■ĐT: (0220) 3897.370 - E-mail: haiduongcuoituan@gmail.com ■ Phát hành, quảng cáo: ĐT: (0220)3897.370 (105) - 0366507073; Email: phongquangcaobhd@gmail.com ■ Báo Hải Dương thời sự phát hành từ thứ hai đến thứ sáu ■ Báo Hải Dương cuối tuần phát hành thứ sáu ■Giấy phép xuất bản số 379/BC-QLBC do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp ngày 1/4/2025 ■In tại Công ty TNHH MTV In báo Hà Nội Mới ■Giá: 10.000 đồng

Thành phố mang tên Bác sau 50 năm giải phóng

Sau 50 năm kể từ ngày giải phóng, TP Hồ Chí Minh - thành phố vinh dự mang tên Bác Hồ đã chuyển mình mạnh mẽ, trở thành đầu tàu phát triển của cả nước.

THÀNH CHUNG - NGUYỄN MƠ



1


2


3


4


5



6

Ảnh 1: **Sau 50 năm, Sài Gòn xưa - TP Hồ Chí Minh ngày nay đã vươn lên khẳng định vị thế là trung tâm kinh tế lớn nhất của cả nước.** ***Trong ảnh:*** **Quận Tân Bình - cửa ngõ phía đông của TP Hồ Chí Minh**

Ảnh 2: **Những tòa nhà chọc trời tạo nên vị thế vượt trội của đô thị đặc biệt mang khát vọng trở thành điểm đến hấp dẫn toàn cầu với nền kinh tế, văn hóa đặc sắc**

Ảnh 3: **Bên cạnh dáng dấp hiện đại, TP Hồ Chí Minh còn lưu giữ những giá trị lịch sử.** ***Trong ảnh:*** **Bến Nhà Rồng là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước vào ngày 5/6/1911**

Ảnh 4: **Kinh tế năng động giúp đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của người dân ngày càng phát triển.** ***Trong ảnh:*** **Phố đi bộ Nguyễn Huệ - điểm vui chơi giải trí nức tiếng của TP Hồ Chí Minh, biểu tượng cho sự sầm uất, nhộn nhịp, sang trọng của đô thị hàng đầu cả nước**

Ảnh 5: **Từ nơi làm việc của Tổng thống chế độ Việt Nam Cộng hòa, giờ đây, Dinh Thống Nhất trở thành biểu tượng của khát vọng hòa bình**

Ảnh 6: **Với nền kinh tế phát triển vượt trội và bề dày lịch sử, văn hóa, TP Hồ Chí Minh là điểm đến lý tưởng của du khách trong nước và quốc tế.** ***Trong ảnh:*** **Du khách tham quan Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, nơi trưng bày các chứng tích về tội ác và hậu quả cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ**